

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA VĂN HỌC

NGUYỄN CHI ANH

LUẬN VĂN NGHIÊN CỨU VĂN HỌC NHẬT BẢN

GIẢI THƯỞNG INOUE YASUSHI LẦN THỨ TƯ

DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI
THIẾT CHẾ QUYỀN LỰC
(TRƯỜNG HỢP *KHÔNG CHIẾN ZERO RỰC LỬA*
CỦA NAOKI HYAKUTA)

HÀ NỘI, NĂM 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA VĂN HỌC

NGUYỄN CHI ANH

DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI
THIẾT CHẾ QUYỀN LỰC
(TRƯỜNG HỢP *KHÔNG CHIẾN ZERO RỰC LỬA*
CỦA NAOKI HYAKUTA)

HÀ NỘI, NĂM 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
1. Lý do chọn đề tài	3
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
4. Mục đích và ý nghĩa nghiên cứu	6
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Cấu trúc khóa luận	7
CHƯƠNG 1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ NƯỚC NHẬT TRONG GIAI ĐOẠN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI VÀ KHÁI LƯỢC DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH	8
1.1. Bối cảnh lịch sử nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai	8
1.1.1. Bối cảnh xã hội Nhật Bản và tiền đề cho diễn ngôn về chiến tranh	8
1.1.2. Hành động của quân đội Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai	10
1.2. Khái lược diễn ngôn về chiến tranh	12
1.2.1. Giới thuyết chung về diễn ngôn	12
1.2.1.1. Ba hướng tiếp cận chính về khái niệm diễn ngôn	12
1.2.1.2. Một số định nghĩa về diễn ngôn	14
1.2.2. Mối quan hệ giữa diễn ngôn với quyền lực theo quan điểm của Foucault	15
1.2.3. Mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực	17
CHƯƠNG 2. DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN ĐỒNG THUẬN VỚI THIẾT CHẾ QUYỀN LỰC	20
2.1. Diễn ngôn về chiến tranh và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực trong lịch sử Nhật Bản thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai	20
2.1.1. Chiến đấu bằng tinh thần được rèn luyện khắc nghiệt	22
2.1.2. Trung thành, chiến đấu để đền ơn, tận hiếu với Thiên hoàng	25
2.1.3. Hành vi tự sát vì thanh danh	27
2.2. Diễn ngôn về chiến tranh và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực trong trường hợp <i>Không chiến Zero rực lửa</i> của Naoki Hyakuta	30

2.2.1. Sẵn sàng hy sinh, tự nguyện cảm tử trong chiến đấu	30
2.2.2. Cảm tử theo mệnh lệnh của chính quyền quân phiệt và Hải quân Đế quốc Nhật Bản	36
CHƯƠNG 3. DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN KHÁNG CỰ VỚI THIẾT CHẾ QUYỀN LỰC	44
3.1. Tinh thần đồng đội cao cả	44
3.1.1. Bảo vệ đồng đội	44
3.1.2. Niềm thương cảm với sự hy sinh của đồng đội	47
3.2. Chạy trốn cuộc chiến, chống đối mệnh lệnh cảm tử, mang danh kẻ hèn nhát	51
3.3. Tình cảm cá nhân và những mâu thuẫn nội tâm	56
KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chiến tranh là một chủ đề phổ biến trong văn học. Có nhiều tác phẩm văn chương viết về chiến tranh trở nên nổi tiếng trên toàn thế giới và được độc giả nhiều thế hệ đón nhận. Đa số tác phẩm viết về chiến tranh dưới góc nhìn được gọi là “chính nghĩa” trong cuộc chiến, ca ngợi chiến thắng của chính nghĩa, lên án chiến tranh phi nghĩa. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, không thể phân định rõ ràng chính nghĩa và phi nghĩa trong chiến tranh. Lịch sử đã ghi nhận nhiều cuộc chiến lớn nhỏ, đặc biệt sau hai cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất và lần thứ hai, nhân loại đã phải chịu tổn thất to lớn cả về vật chất lẫn thể xác và tinh thần mỗi cá nhân. Với quan điểm về chiến tranh như vậy, chúng tôi lựa chọn tiểu thuyết *Không chiến Zero rục lửa* (tựa gốc: *Eien no Zero 永遠の0*) của nhà văn Nhật Bản Naoki Hyakuta để khám phá thêm cách nhìn nhận mới và khác với quan điểm thường thấy về người lính Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Có thể nhận thấy, mỗi cuộc chiến đều bị chi phối bởi quyền lực, nguyên nhân phát động và thực thi chiến tranh thường thể hiện thông qua diễn ngôn có mối quan hệ chặt chẽ với thiết chế quyền lực. Theo quan điểm của Foucault: “Diễn ngôn có thể vừa là một công cụ, vừa là hệ quả của quyền lực...” [9], vì thế, mọi chính quyền đều sử dụng diễn ngôn về chiến tranh để thể hiện tư tưởng, để kêu gọi nhân dân, những người lính tham gia cuộc chiến theo mục đích đặt ra (bất kể là phe chính nghĩa hay phi nghĩa theo quan điểm thường thấy). Nhưng đồng thời, có những chính quyền đã lợi dụng diễn ngôn để áp đặt hệ tư tưởng, quan điểm sai trái nhằm phát động chiến tranh, đạt được lợi ích từ chiến tranh.

Dù chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc 75 năm nhưng đến nay những vấn đề xoay quanh cuộc chiến và người lính Nhật vẫn rất nhạy cảm và gây ra nhiều tranh cãi. *Không chiến Zero rục lửa* của Naoki Hyakuta đã lựa chọn viết về chủ đề nhạy cảm này dưới góc nhìn phản chiến. Tác giả đứng từ góc nhìn của người Nhật thời hậu chiến, tìm hiểu và soi xét lại về quá khứ nước Nhật, chỉ ra những tội ác của chính quyền quân phiệt và Hải quân đế quốc Nhật Bản, lật lại vấn đề về những người lính Nhật, con người Nhật thời đó, quan điểm và hành động của họ trước những diễn ngôn của chính quyền. Thông qua những tư liệu lịch sử và lời kể thật của các cựu chiến binh, Naoki Hyakuta đã “vén màn” lịch sử, nhìn nhận lại những con người từng tham gia cuộc chiến một cách đa chiều, nhân văn. Những người lính trong tiểu thuyết được khắc họa đậm chất người, họ có tin tưởng, phục tùng, có hoài nghi, phản kháng với những diễn ngôn của chính quyền, cấp trên, họ cũng có những tình cảm cá nhân sâu sắc, đẹp đẽ và bi thương. *Không chiến Zero rục lửa* được xuất bản tại Nhật Bản năm 2006 - hơn 60 năm sau kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai và trở thành cuốn sách bán chạy nhất Nhật

Bản năm 2013, cũng trong năm này cuốn tiểu thuyết đã được chuyển thể thành phim điện ảnh và đạt nhiều giải thưởng. Cuốn sách đã trở thành cầu nối giữa thế hệ trẻ - những người sinh ra trong hòa bình với thế hệ cha ông - những người đi qua chiến tranh để thấy được sự khốc liệt và tàn bạo của cuộc chiến, từ đó thể hiện khát vọng trân trọng cuộc sống hòa bình đang có. Và tác giả Naoki Hyakuta đã gửi đến một thông điệp cho người đọc: “Ngày ngày mai, bản thân ta hoặc người ta yêu có thể bỏ mạng. Điều đó chắc chắn không phải là sự việc xảy ra ở ngày xưa xa xôi. Hiện tại ta đang được sống trong thời đại hòa bình, ta cảm thấy mặc nhiên như vậy. Nhưng tôi muốn mọi người phải cảm nhận được sự đáng quý của việc đang được sống trong hiện tại. Hơn nữa, tôi sẽ rất hạnh phúc nếu nhân đây tạo ra cơ hội để mọi người suy ngẫm xem “người ta sống vì cái gì, sống vì ai?” [7]. Với những quan điểm khác biệt và ý nghĩa nhân văn như vậy, chúng tôi đã lựa chọn tiểu thuyết *Không chiến Zero rục rủa* của nhà văn Naoki Hyakuta để thực hiện nghiên cứu đề tài diễn ngôn về chiến tranh trong mối quan hệ với thiết chế quyền lực.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu về diễn ngôn nói chung, diễn ngôn về chiến tranh nói riêng không còn xa lạ tại Việt Nam. Lý thuyết về diễn ngôn đã được trình bày và áp dụng trong nhiều bài nghiên cứu của các học giả tại Việt Nam và nước ngoài, đa dạng về lĩnh vực (ngôn ngữ học, văn học, nhân học, lịch sử, báo chí...). Các nhà nghiên cứu, học giả đã trình bày lý thuyết về diễn ngôn quen thuộc tại Việt Nam có thể kể đến như Diệp Quang Ban, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Đình Sử... Trong đó, các nhà nghiên cứu đã dịch thuật từ nhiều quan điểm về diễn ngôn trên thế giới (chẳng hạn như Saussure, Bakhtin, Foucault, Sara Mills...), đồng thời nhận định và đưa ra quan điểm về diễn ngôn dựa trên việc khảo cứu nhiều lý thuyết. Một số bài viết, nghiên cứu văn học đã vận dụng lý thuyết diễn ngôn để trình bày diễn ngôn về giới nữ, diễn ngôn về tính dục, diễn ngôn về xứ thuộc địa, diễn ngôn về chiến tranh và hòa bình...

Trong lịch sử vấn đề nghiên cứu diễn ngôn về chiến tranh đã có một số bài nghiên cứu của các học giả trong và ngoài Việt Nam, ở nhiều lĩnh vực: *Discourses of War and Peace* (Adam Hodges, 2013, Oxford University Press) (Tạm dịch: *Diễn ngôn về chiến tranh và hòa bình*), *The Discourse of War in the Middle East: Analysis of Media Reporting* (Ahmad Atawneh, February 2009, *Journal of Pragmatics*, Volume 41, Issue 2) (Tạm dịch: *Diễn ngôn về chiến tranh ở Trung Đông: Phân tích báo cáo truyền thông*), *Diễn ngôn về chiến tranh và hòa bình trong tiểu thuyết của Lê Khâm - Phan Tít: Một cái nhìn lịch đại* (Tô Thùy Quyên, 2014, Luận văn Thạc sĩ Văn học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)... Các bài viết nghiên cứu nước ngoài về diễn ngôn chiến tranh chúng tôi tìm được hầu hết thuộc lĩnh vực xã hội học, chính trị, báo chí truyền thông.

Discourses of War and Peace của Adam Hodges là cuốn sách tập hợp, đóng góp lý thuyết, thực nghiệm với các phương pháp dân tộc học, xã hội học để phân tích các diễn ngôn gắn liền với chiến tranh và hòa bình trên thế giới (các diễn ngôn được sử dụng để biện minh cho chiến tranh, hoặc chống lại xung đột vũ trang và thúc đẩy hòa bình). *The Discourse of War in the Middle East: Analysis of Media Reporting* của Ahmad Atawneh nghiên cứu, phân tích diễn ngôn về chiến tranh thông qua ngôn ngữ, phát ngôn, báo cáo truyền thông hai bên trong chiến tranh ở Trung Đông để thấy được sức mạnh của chiến tranh ngôn ngữ. Ở Việt Nam, luận văn *Diễn ngôn về chiến tranh và hòa bình trong tiểu thuyết của Lê Khâm - Phan Tứ: Một cái nhìn lịch đại*, lý thuyết diễn ngôn được áp dụng để nghiên cứu thông điệp về chiến tranh và hòa bình trong tiểu thuyết Lê Khâm - Phan Tứ nhìn từ lập trường của chủ thể diễn ngôn, chiến tranh và hòa bình nhìn từ cấu trúc và phương thức kiến tạo diễn ngôn.

Trong khuôn khổ khóa luận này, chúng tôi tiếp tục tham khảo và áp dụng lý thuyết về diễn ngôn đã được giới thiệu tại Việt Nam, đặc biệt là hướng tiếp cận xã hội học và quan điểm của Foucault về diễn ngôn (bài viết của nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Ngọc Minh [9], Trần Đình Sử [15] [16], và Trần Thiện Khanh [6]) để tìm hiểu diễn ngôn về chiến tranh trong mối quan hệ với thiết chế quyền lực trường hợp *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta. Từ đó, phân tích và làm rõ thêm về những biểu hiện đồng thuận hoặc phản kháng của người lính Nhật với thiết chế quyền lực trong *Không chiến Zero rực lửa*, đối chiếu với khảo cứu một số tài liệu lịch sử, nhân học viết về vấn đề này.

Tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta là một tác phẩm còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Vì thế, những bài viết về cuốn sách chúng tôi tìm được mới dừng lại ở những bài review ngắn trên các báo, trang thông tin điện tử và chưa tìm được bất kỳ tài liệu nghiên cứu khoa học nào về tiểu thuyết này ở Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi đã tìm được và tham khảo một số tài liệu tiếng Anh có đề cập đến *Không chiến Zero rực lửa* (*Eien no Zero*; tên tiếng Anh: *The Eternal Zero*), bao gồm: *The Long Defeat: Cultural Trauma, Memory, and Identity in Japan* (Akiko Hashimoto, 2015, Oxford University Press) (Tạm dịch: *Sự thất bại lâu dài: chấn thương văn hóa, ký ức và danh tính ở Nhật Bản*); các bài review về tiểu thuyết và phim chuyển thể từ tiểu thuyết như “*The Eternal Zero*”: *Naoki Hyakuta's Best-selling Novel Reveals the Transformative Power of War* (Japantimes) (Tạm dịch: “*The Eternal Zero*”: *Cuốn tiểu thuyết bán chạy nhất của Naoki Hyakuta tiết lộ sức mạnh biến đổi của chiến tranh*), “*The Eternal Zero*” *Review: A Wrenching Account of a Kamikaze Pilot* (Variety) (Tạm dịch: *Đánh giá “The Eternal Zero”: Thuật lại nỗi đau của một phi công Kamikaze*), *The Eternal Zero Review - Rethinking the Motivations of Kamikaze Pilots* (Nikkeivoice) (Tạm

dịch: *Đánh giá The Eternal Zero - Suy nghĩ lại về những động lực thúc đẩy các phi công Kamikaze*).

Trong các tài liệu tiếng Anh đề cập đến *Không chiến Zero rực lửa* chúng tôi tìm được và tham khảo ở trên, các tác giả đã đề cập đến việc tiểu thuyết làm thay đổi cách nhìn nhận, hiểu biết về động lực chiến đấu cảm tử của những người lính Kamikaze. Tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* và phim chuyển thể từ đây đều tái hiện nguyên văn lời kể của các cựu binh đi qua chiến tranh, tiết lộ nhiều bộ mặt khác của người lính Nhật Bản còn ít được nhắc đến trong lịch sử. Câu chuyện cũng tạo ra xung đột giữa các giá trị, tư tưởng phổ biến trong chiến tranh thế giới thứ hai ở Nhật Bản như lòng vinh dự khi chiến đấu vì Thiên hoàng với lý tưởng và chủ nghĩa nhân đạo. Tác giả Naoki Hyakuta đã tôn vinh chủ nghĩa cá nhân khiêm nhường, tinh thần cộng đồng thay vì ca ngợi chiến công của Đế quốc và đặc biệt là không ca ngợi chiến tranh. Với những điểm mới đó, cuốn tiểu thuyết và phim chuyển thể đã giúp cho những quan điểm từ hòa bình đến hiếu chiến được mọi người lắng nghe. Tuy nhiên, khi chuyển thể thành phim còn có những tranh cãi xung quanh diễn ngôn truyền tải (để phù hợp với truyền thông đại chúng). Nhưng cuốn tiểu thuyết gốc *Không chiến Zero rực lửa* đã thực sự thành công khi công chúng đã có sự đón nhận một mặt khác về những người lính Kamikaze, việc họ chiến đấu và hy sinh về gia đình, những người thân yêu, họ ở trong một bối cảnh không thể phản kháng với chiến thuật ích kỷ, phi lý của những người đứng đầu Hải quân Đế quốc Nhật Bản. Tình yêu, tình cảm cá nhân, triết lý về giá trị sự sống trong *Không chiến Zero rực lửa* cũng là một thông điệp hòa bình, trân trọng cuộc sống được tác giả Naoki Hyakuta gửi gắm.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là diễn ngôn về chiến tranh, nhìn nhận diễn ngôn về chiến tranh trong mối quan hệ với thiết chế quyền lực, sự ảnh hưởng của diễn ngôn về chiến tranh đối với những binh lính trong cuộc chiến (thông qua những biểu hiện đồng thuận hoặc phản kháng).

Để thực hiện nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của khóa luận là tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* (*Eien no Zero*) của Naoki Hyakuta, bản dịch của Võ Vương Ngọc Chân, 2016, Nxb Văn học.

4. Mục đích và ý nghĩa nghiên cứu

Tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* (*Eien no Zero*) của Naoki Hyakuta là một tác phẩm phản chiến, thể hiện được góc nhìn mới mẻ đầy tính nhân văn đối với những người lính Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai. Đồng thời, tác giả Naoki Hyakuta đã không ngần ngại vạch trần những tội ác, âm mưu đằng sau những diễn ngôn xảo trá về chiến tranh của chính

quyền quân phiệt và Hải quân đế quốc Nhật Bản trong thời điểm đó. Chính vì vậy, mục đích nghiên cứu của khóa luận này nhằm chỉ ra và phân tích rõ hơn về cách hành xử của những người lính Nhật đối với diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền đương thời, mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực trong trường hợp tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta.

Nghiên cứu diễn ngôn về chiến tranh không còn quá xa lạ, đặc biệt trong nghiên cứu xã hội học. Thông qua nghiên cứu này, chúng tôi muốn nhìn nhận sâu hơn diễn ngôn về chiến tranh trong mối quan hệ với thiết chế quyền lực, thấy được những tác động, mục đích, khả năng thao túng của thiết chế quyền lực đối với diễn ngôn về chiến tranh để hợp thức hóa chiến tranh (đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử nhân loại). Việc lựa chọn một tiểu thuyết chiến tranh mang ý nghĩa phản chiến, do một tác giả sống trong thời hậu chiến sáng tác như *Không chiến Zero rực lửa* kết hợp với việc khảo cứu lịch sử, nhân học sẽ đem lại góc nhìn đa chiều về vấn đề cần nghiên cứu, đồng thời lý giải được những hành động của binh lính Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai đề tài này, chúng tôi sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp phân tích: phân tích diễn ngôn về chiến tranh chỉ ra mối quan hệ với thiết chế quyền lực trong lịch sử và tiểu thuyết; phân tích tác phẩm, khát quát các biểu hiện đồng thuận và kháng cự với thiết chế quyền lực của người lính Nhật được thể hiện trong tiểu thuyết.
- Phương pháp tiếp cận liên ngành: chúng tôi khảo sát và sử dụng những kiến thức về lịch sử, văn hóa, nhân học liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Phương pháp so sánh: thực hiện so sánh, đối chiếu giữa chân dung người lính Nhật trong tiểu thuyết với những tác phẩm lịch sử, văn hóa, nhân học tham khảo để thấy được và lý giải tính chất phản chiến và góc nhìn khác của tác giả.

6. Cấu trúc khóa luận

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, đề tài khóa luận được triển khai gồm ba chương:

Chương 1. Bối cảnh lịch sử nước Nhật trong giai đoạn chiến tranh thế giới thứ hai và khái lược diễn ngôn về chiến tranh.

Chương 2. Diễn ngôn về chiến tranh và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực.

Chương 3. Diễn ngôn về chiến tranh và những biểu hiện kháng cự với thiết chế quyền lực.

CHƯƠNG 1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ NƯỚC NHẬT TRONG GIAI ĐOẠN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI VÀ KHÁI LƯỢC DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH

Để tìm hiểu và phân tích những diễn ngôn về chiến tranh trong mối quan hệ với thiết chế quyền lực và những biểu hiện đồng thuận hoặc kháng cự với thiết chế quyền lực trong trường hợp tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta, chúng tôi sẽ tiếp cận và khảo cứu những tài liệu lịch sử về Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai, những tác phẩm nghiên cứu văn hóa và nhân học Nhật Bản, những tài liệu về lý thuyết diễn ngôn. Thông qua những tài liệu đó, chúng tôi sẽ tìm hiểu bối cảnh lịch sử nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai và khái lược diễn ngôn về chiến tranh trong mối quan hệ với thiết chế quyền lực.

1.1. Bối cảnh lịch sử nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai

1.1.1. Bối cảnh xã hội Nhật Bản và tiền đề cho diễn ngôn về chiến tranh

Để tìm hiểu bối cảnh lịch sử nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai, trước hết chúng tôi khảo cứu tài liệu và chỉ ra những vấn đề trong xã hội Nhật Bản từ trước cho đến khi diễn ra cuộc chiến. Đây là những vấn đề quan trọng, trở thành bối cảnh, tiền đề cho những diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền và những kẻ đứng đầu quân đội Đế quốc Nhật Bản. Từ đây, chúng tôi có thể diễn giải được nguyên nhân và sự ảnh hưởng của diễn ngôn về chiến tranh đối với hành vi đồng thuận hoặc kháng cự của những người lính Nhật Bản với thiết chế quyền lực, đồng thời chỉ ra mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực trong các chương sau.

Trước khi chính thức tham gia chiến tranh thế giới thứ hai, chính phủ Nhật Bản đương thời đã ban hành thể chế thời chiến, áp dụng trong tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự. Bề ngoài là những khẩu hiệu thúc đẩy tinh thần toàn dân nỗ lực phục vụ chiến tranh nhưng đằng sau đó là quyền lực nhà nước cưỡng chế quốc dân tuân theo. Chính phủ đã nắm trọn kinh tế trong tay, tập trung sản xuất những vật dụng cần thiết trong chiến tranh, hạn chế sản xuất nhu yếu phẩm cho dân chúng, tập trung nhập cảng và sản xuất quân nhu, quân dụng. Một cuộc chạy đua vũ trang đã được thực hiện ráo riết, khác hẳn với những tuyên truyền coi nhẹ vật chất trong quân đội: “Nay với thể chế thời chiến, chính phủ đã kêu gọi các đoàn thể tư bản và các công đoàn làm việc với nhau để đến năm 1938 (Showa 13) thì họ đẻ ra được một tổ chức gọi là Sangyo hokoku renmei (Sân nghiệp báo quốc liên minh). Những thành viên trong đoàn thể làm kỹ nghệ vì mục đích “yêu nước” này, bất luận chủ hay thợ, đều phải hợp tác để phục vụ chiến tranh.” [17; tr.366].

Trong thực tế, nguyên nhân khiến người Nhật tham gia cuộc chiến là do cảm thấy thua thiệt, đến chậm so với các nước phương Tây trong cuộc chạy đua tranh giành các thuộc địa trên thế giới. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước tư bản “già” phương Tây cơ bản đã phân chia ổn định thuộc địa, những nước tư bản “trẻ” như Nhật Bản sẽ bị thôi thúc chủ nghĩa bành trướng, phát động chiến tranh nhằm phân chia lại thuộc địa. Điều này được ghi chép lại từ chính lời khai của những tội phạm chiến tranh bị xử tại tòa án Tokyo năm 1946.

Việc chính quyền dồn toàn lực vào chạy đua vũ trang đã dẫn đến tình trạng đời sống tồi tệ của nhân dân, “vào năm 1939 (Showa 14), sức sản xuất lương thực trong nước trở nên vô cùng tồi tệ. Tình trạng kinh tế nông thôn cực kỳ khó khăn và nạn thiếu thốn lương thực không còn cách nào che giấu được nữa.” [17; tr.367]. Trong *Giáo trình lịch sử Nhật Bản (quyển hạ)*, Nguyễn Nam Trân đã cho thấy sự khốn khó của người dân Nhật Bản thời kỳ này, bị cưỡng chế lao động sản xuất quân nhu, đồ tiêu dùng thiếu thốn, vật giá tăng cao, chính quyền thì đưa ra khẩu hiệu “Xa xỉ là địch” [17; tr.367] khiến nhân dân phải sống kiệm ước, trói buộc, khốn khổ. Trong bối cảnh như vậy, việc gia nhập quân đội giúp họ có một cuộc sống ổn định hơn, điều này được khẳng định trong tiểu thuyết *Không chiến Zero rục rủa* của Naoki Hyakuta mà chúng tôi sẽ trình bày ở những phần sau.

Nhật Bản khi đó vẫn là một đất nước phân chia hệ thống cấp bậc trong xã hội rất nặng nề, sự phát triển sau cải cách Minh Trị chỉ thực sự diễn ra đối với tầng lớp trên, còn tầng lớp bình dân phải chịu hoàn cảnh nghèo khổ như đã trình bày ở trên. Vì thế, xuất thân của phần lớn lính Nhật là người dân bình thường, việc gia nhập quân đội giúp họ có được cuộc sống ổn định. Quân đội Nhật Bản gồm phần nhiều là lính nghĩa vụ, họ là những thanh niên bình dân đến độ tuổi nhập ngũ và phần ít hơn là những sĩ quan được học tập và tốt nghiệp trường đào tạo sĩ quan chuyên nghiệp ở Nhật Bản. Lính nghĩa vụ có trường hợp bắt buộc gia nhập hoặc có trường hợp tự nguyện xin gia nhập quân đội. Vào thời điểm chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, với những lời cổ động, kêu gọi lòng yêu nước, chiến đấu vì Tổ quốc và Thiên hoàng thì số lượng thanh niên xin nhập ngũ nhiều hơn, thể hiện sự trung thành với đất nước. “Nội các Konoe Fumimaro đưa ra 3 khẩu hiệu: “Cử quốc nhất trí, tận trung báo quốc, kiên nhẫn trì cửu” nghĩa là cả nước đoàn kết một lòng, nhẫn nại không ngừng, đem hết tâm lực phục vụ nhà vua và đất nước. Như thế, chính phủ muốn động viên tinh thần toàn thể quốc dân để phục vụ cho nỗ lực chiến tranh.” [17; tr.365-366].

Để những diễn ngôn về chiến tranh có sức thuyết phục, ảnh hưởng đối với người dân và binh lính, chính quyền Nhật Bản đã sớm thực hiện việc đưa vào giáo dục toàn dân quan niệm và ý thức hệ Kokutai (quốc thể) (“kokutai có nghĩa gần như là ‘tính cách đặc trưng của

các thể chế và các quá trình cai trị đất nước của chính quyền Nhật Bản’.” [8; tr.344]). Ý thức hệ này được các nhà chính trị, giáo dục, trí thức, báo chí, lực lượng quân đội truyền bá đặc biệt đối với những người lính nghĩa vụ. Điều này được chứng minh rõ trong *Giáo trình lịch sử Nhật Bản (quyển hạ)* của Nguyễn Nam Trân: “Năm 1937 (Showa 12), Bộ Giáo dục phát hành Kokutai no hongî (Quốc thể bản nghĩa) nói về đường lối của quốc gia và năm 1941 (Showa 16), lại in ra Shinmin no dō (Thần dân chỉ đạo) với mục đích giáo hóa dân chúng theo phương châm đạo đức của họ. Cùng năm, họ đề xướng cuộc tổng động viên tinh thần toàn dân để cổ xúy cho chủ nghĩa quân sự, chủ nghĩa quốc gia và dĩ nhiên quan niệm kokutai (quốc thể). Năm 1940 (Showa 15), họ lập Naikaku jōhōkyoku (Nội các tình báo cục) tức Cục thông tin của nội các với mục đích kiểm duyệt tất cả các hình thức thông tin và nghệ thuật từ báo chí, xuất bản, điện ảnh cho đến kịch nghệ. Gọng kìm đối với văn hoá vô cùng chặt chẽ.” [17; tr.368]. Chịu ảnh hưởng bởi ý thức hệ Kokutai từ thời Minh Trị cùng với quan điểm lý giải “Trung” của võ sĩ đạo thời trước đã thúc đẩy tinh thần những thanh niên trẻ gia nhập quân đội chiến đấu vì Tổ quốc, không ngại hy sinh khi cần như tuyên truyền của chính quyền. Đây cũng có thể xem là một phần lý do dẫn tới sự hình thành đội quân cảm tử Kamikaze trước khi Nhật Bản thực sự thừa nhận thất bại trong chiến tranh Thái Bình Dương. Ý thức hệ Kokutai cùng sự phổ biến Thần đạo góp phần củng cố vị trí quan trọng của Thiên hoàng đối với quốc dân, trở thành nhân tố trong những diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Đế quốc Nhật Bản đương thời. Về vai trò, vị trí của Thiên hoàng, chúng tôi sẽ trình bày và phân tích kỹ hơn ở những phần sau vì nó có sự ảnh hưởng lớn đến hành vi đồng thuận với thiết chế quyền lực của những người lính Nhật trong chiến tranh.

Từ những dẫn chứng, phân tích trên, chúng tôi muốn chỉ ra vấn đề thực tế trong xã hội Nhật Bản trước và trong chiến tranh thế giới thứ hai. Đó cũng chính là tiền đề, bối cảnh đằng sau để chính quyền Đế quốc Nhật Bản có thể phát động, hợp thức hóa chiến tranh bằng những diễn ngôn mang tính “chính nghĩa” (đặc biệt là về chiến tranh Đại Đông Á) có sức ảnh hưởng với người dân, binh lính Nhật Bản.

1.1.2. Hành động của quân đội Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai

Lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai ghi lại việc chính quyền Đế quốc Nhật Bản đã gây ra nhiều tội ác tại các nước thuộc địa. Theo *Giáo trình lịch sử Nhật Bản (quyển hạ)* của Nguyễn Nam Trân, ở những nước thuộc địa của Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Nhật đã có nhiều hành vi tàn ngược như: tịch thu và chiếm đoạt nhiều tài nguyên thiên nhiên, cưỡng bách dân chúng lao động, thể hiện sự coi thường lịch sử và những truyền thống của người dân địa phương, cưỡng ép họ phải vái lạy đền Thần đạo và học tiếng Nhật...

Những hành động đó đã khiến người dân bản địa tức giận, thực hiện chống lại quân đội Nhật và đánh đuổi khỏi nước mình. Kế hoạch Đại Đông Á không như những tưởng tượng của người Nhật trước kia, đó là một cuộc chiến thất bại.

Quân đội Nhật Bản trong chiến tranh liên tục tuyên truyền những quan điểm sai trái, cực đoan từ đó đưa ra và áp đặt nhiều chiến lược sai lầm. Chính những chiến lược sai lầm đã mang đến thất bại liên tiếp, tổn thất nặng nề cho Nhật Bản. Càng nhiều thất bại, chính quyền Đế quốc Nhật Bản và những kẻ đứng đầu quân đội với chủ nghĩa bành trướng càng bộc lộ tính chất phản động, cực đoan. Trong cuộc chiến, quân đội Nhật Bản không ngừng tuyên truyền về việc chiến đấu bằng tinh thần, chủ nghĩa anh hùng, thà chết cũng không để bị bắt làm tù nhân. Vì vậy, hành vi tự sát của binh lính Nhật diễn ra rất phổ biến, họ lựa chọn tự sát thay vì để bị bắt, thậm chí tự sát kéo theo kẻ địch. Hành vi này của họ bị coi là sự cuồng tín, điên rồ và hết sức cực đoan. Đó cũng là tiền đề để hình thành đội quân cảm tử Kamikaze và Kaiten - lá bài cuối cùng của quân đội Nhật Bản trong cuộc chiến - họ là những người lính rất trẻ, tân binh mới nhập ngũ phải thực hiện nhiệm vụ mang phi cơ gắn đầy bom và tiềm thủy đình gắn ngư lôi lao vào tấn công các hạm đội của quân Mỹ. “Họ đều là những kẻ ra đi không có ngày về. Người ta còn ghi lại trên phim ảnh những bữa cơm cuối cùng, những cảnh ly biệt, những bài thơ tuyệt mệnh và di vật (tóc, móng tay...) họ để lại. Tổng số tử trận lên tới 4.400 người.” [17; tr.392]. Một lần nữa thấy được sự phân biệt đẳng cấp xã hội ở Nhật Bản, sinh mệnh của những người lính xuất thân bình dân bị coi thường, bị đẩy ra để cứu vãn một cuộc chiến đã định rõ thất bại.

Vào giai đoạn cuối cùng, nội địa Nhật Bản bị quân Mỹ oanh tạc dữ dội không phân biệt khu quân sự hay dân sự. Nhân dân Nhật Bản trở nên hoảng loạn, thương vong vô số, chính quyền lệnh di tản dân chúng về các vùng quê. Tháng 2 năm 1945, quân đội Mỹ đổ bộ lên Okinawa, cả quân đội và nhân dân Nhật Bản đều chiến đấu kháng cự. “Chỉ một trận Okinawa này thôi mà quân đội Nhật đã chết hết 9 vạn lính. Còn số thương vong của thường dân thì phải lên đến 10 vạn. Trong bầu không khí hoảng loạn và nhiều khi do sức ép, đã xảy ra những vụ tự sát tập thể.” [17; tr.391]. Khi hai quả bom hạt nhân bị Mỹ thả xuống Hiroshima và Nagasaki, đó là lúc chính quyền và quân đội Nhật Bản bị chấn động, chấp nhận Tuyên bố Potsdam và đầu hàng vô điều kiện, cuộc chiến kết thúc.

Qua hai phần trình bày trên, chúng tôi đã khảo cứu và đưa ra những dẫn chứng, lập luận, phân tích về những vấn đề trong xã hội Nhật Bản trở thành tiền đề, bối cảnh cho sự ảnh hưởng của diễn ngôn về chiến tranh. Tiếp đó, việc tìm hiểu những hành động của chính quyền và quân đội Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai góp phần thể hiện rõ nét hơn bối cảnh

lịch sử nước Nhật thời kỳ này. Từ bối cảnh lịch sử này kết hợp với lý thuyết diễn ngôn, chúng tôi sẽ áp dụng để phân tích diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Nhật Bản và mối quan hệ giữa diễn ngôn với thiết chế quyền lực trong trường hợp tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta.

1.2. Khái lược diễn ngôn về chiến tranh

1.2.1. Giới thuyết chung về diễn ngôn

1.2.1.1. Ba hướng tiếp cận chính về khái niệm diễn ngôn

Diễn ngôn là một thuật ngữ đã có rất nhiều định nghĩa và được áp dụng trong nhiều bộ môn khoa học khác nhau, thậm chí hình thành trào lưu nghiên cứu diễn ngôn. Ban đầu, diễn ngôn là thuật ngữ được sử dụng nhiều trong ngành ngôn ngữ học, sau này lan tỏa vào nhiều lĩnh vực học thuật khác nhau, tạo ra sự chòng chéo, phức tạp về nét nghĩa cho thuật ngữ này. Để hiểu rõ hơn về thuật ngữ có nội hàm phức tạp này và áp dụng trong đề tài khóa luận, chúng tôi sẽ khái lược lại một số vấn đề của ba hướng tiếp cận chính về khái niệm diễn ngôn từ bài nghiên cứu *Ba cách tiếp cận khái niệm diễn ngôn* của Nguyễn Thị Ngọc Minh [9] và *Khái niệm diễn ngôn trong nghiên cứu văn học hôm nay* của Trần Đình Sử [16]. Trong hai bài viết, cả hai nhà nghiên cứu đều chỉ ra ba hướng tiếp cận chính về khái niệm diễn ngôn trong khoa học, bao gồm: hướng tiếp cận ngôn ngữ học, hướng tiếp cận phong cách học, hướng tiếp cận xã hội học.

Về hướng tiếp cận ngôn ngữ học, đây có thể xem là hướng tiếp cận đầu tiên, vì “discourse” (diễn ngôn) lần đầu tiên được sử dụng như một khái niệm chuyên môn trong nghiên cứu của nhà ngôn ngữ học người Bỉ E.Buysen [9]. Theo bài nghiên cứu *Bước đầu nhận diện diễn ngôn, diễn ngôn văn học, diễn ngôn thơ* của Trần Thiện Khanh [6], tác giả đã thống kê và chỉ ra ít nhất năm nhóm quan niệm về diễn ngôn trong nghiên cứu ngôn ngữ học, bao gồm: đồng nhất diễn ngôn (discourse) và văn bản (text) (hoặc phân biệt thành hai dạng tồn tại khác nhau của ngôn ngữ); diễn ngôn thuộc đơn vị ngữ nghĩa; diễn ngôn chịu sự phân xét của dụng học; chỉ quá trình, sự kiện gián tiếp có tính chỉnh thể, mục đích; đặt vào ngữ cảnh văn hóa xã hội, cấu trúc luận mô tả cấu trúc độc lập của diễn ngôn. Luận điểm quan trọng nhất, được xem như nền tảng cho hướng tiếp cận ngôn ngữ học về diễn ngôn là của Saussure. Trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Saussure phân biệt rõ sự đối lập ngôn ngữ (hệ thống, kết cấu tinh thần trừu tượng, khái quát) với lời nói (vận dụng ngôn ngữ trong hoàn cảnh cụ thể). Từ đó, Saussure phân biệt văn bản (text) (phân tích cấu trúc nội tại văn bản (tĩnh) khép kín, biệt lập) với diễn ngôn (discourse) (nghiên cứu cấu trúc diễn ngôn trong mối

quan hệ với ngữ cảnh, nhân vật phát ngôn...). Chính vì thế, “[...] phân tích diễn ngôn nhằm làm nổi bật mối quan hệ chặt chẽ giữa kết cấu ngôn từ bên trong văn bản với những yếu tố ngoài văn bản (hay còn gọi là ngôn vực). Các yếu tố này bao gồm trường (field) (hoàn cảnh bao quanh diễn ngôn), thức (mode) (vai trò của ngôn ngữ trong tình huống), không khí chung (tenor) (các vai xã hội trong giao tiếp).” [9]. Như vậy, hướng tiếp cận ngôn ngữ học chỉ tập trung vào việc nghiên cứu cấu trúc tĩnh tại, bất biến của diễn ngôn, văn bản.

Hướng tiếp cận phổ biến thứ hai là phong cách học, hướng tiếp cận này có nền tảng đối lập với quan điểm của Saussure về ngôn ngữ. Nền tảng hướng tiếp cận này có lý thuyết tiêu biểu là quan điểm của Bakhtin về diễn ngôn. Chúng tôi xin khái lược lại một số điểm trong quan điểm của Bakhtin ở bài viết của nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Ngọc Minh [9]. Theo Bakhtin, ngôn ngữ phải được xem xét như thực thể đa dạng, có tính lịch sử, không phải hệ thống khép kín, trừu tượng (như quan điểm của các nhà ngôn ngữ học). Từ đó, ông đưa ra khái niệm về diễn ngôn là ngôn ngữ trong sử dụng, bối cảnh xã hội, giọng xã hội mâu thuẫn, đa tầng, nơi tiếp xúc của nhiều quan niệm khác nhau. Trong quan điểm của Bakhtin, ta có thể thấy được ba vấn đề về diễn ngôn: ngôn ngữ trong giao tiếp thực tiễn; tính đối thoại; sự phức tạp, đa diện, không ngừng biến đổi của diễn ngôn trong lịch sử. Bản chất của diễn ngôn là tính đối thoại, lời nói và quan điểm phát triển trong quá trình đối thoại. Trong khi đó, phát ngôn (nơi đời sống - ngôn ngữ hòa nhập) là đơn vị giao tiếp của lời nói, phát ngôn được tổ chức trong những hình thức ổn định mà Bakhtin gọi là các thể loại lời nói: “Thể loại lời nói là những loại hình phát ngôn tương đối bền vững, được sản sinh ra trong một phạm vi sử dụng ngôn ngữ cụ thể, là một chỉnh thể bao gồm ba bình diện: nội dung chủ đề, phong cách và tổ chức kết cấu.” [9]. Và sự đa dạng, biến đổi không ngừng phong cách ngôn ngữ trong thực tiễn, lịch sử đã tạo thành kho tàng thể loại lời nói. Thể loại lời nói (tương tự diễn ngôn) có tính lịch sử bởi chúng lưu trữ dữ liệu đời sống từng thời đại, thể hiện sự vận động của ngôn ngữ trong lịch sử. Bakhtin cho rằng thể loại lời nói có trước và chi phối, tổ chức lời nói của con người. Từ những điểm trên thấy được mối liên hệ giữa phát ngôn như đơn vị lời nói cá thể với thể loại lời nói như kho lưu giữ phát ngôn cộng đồng, thời đại. Những quan điểm trên của Bakhtin đã làm rõ bản chất đối thoại của diễn ngôn, tính chủ thể của diễn ngôn và quyền lực của ngôn từ với tư duy, giao tiếp con người.

Hướng tiếp cận thứ ba trong bài nghiên cứu [9] là xã hội học. Lý thuyết quan trọng nhất của hướng tiếp cận này là những quan niệm về diễn ngôn của Foucault. Foucault không xem xét diễn ngôn về mặt ngôn ngữ học (cấu trúc ngôn ngữ tĩnh tại, khép kín) mà xem xét trên ý nghĩa triết học, tư tưởng, văn hóa, xã hội. Qua tham khảo hai bài nghiên cứu của nhà

ngiên cứu Trần Đình Sử và nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Ngọc Minh, chúng tôi khái quát lại quan niệm của Foucault về diễn ngôn như sau. Thứ nhất, diễn ngôn có hình thức là ngôn ngữ (phát ngôn, văn bản) có ý nghĩa, hiệu lực trong thế giới thực, là một phương thức biểu đạt tư tưởng, lịch sử, vì thế để phân tích diễn ngôn cần nghiên cứu sự kiện và bối cảnh lịch sử liên quan. Thứ hai, diễn ngôn có tính chỉnh thể, từng nhóm diễn ngôn cụ thể, “được quy ước theo một cách thức nào đó và có một mạch lạc hoặc một hiệu lực nói chung, “được nhóm lại với nhau bởi một áp lực mang tính thiết chế nào đó, bởi sự tương tự giữa xuất xứ và bối cảnh hay bởi chúng cùng hành động theo một cách gần giống nhau”” [9], vì vậy cần nghiên cứu tổng thể một nhóm diễn ngôn về áp lực thiết chế, xuất xứ, bối cảnh, hành động. Thứ ba, diễn ngôn là những nguyên tắc, cấu trúc chi phối mọi hoạt động lời nói (phát ngôn, văn bản), thể hiện hệ thống quan điểm, ý thức hệ tác động tới nhiều cá nhân, nhóm người trong xã hội, “Đó là một hệ thống của “những tư tưởng, quan điểm, khái niệm, cách thức tư duy và hành xử, những cái được hình thành trong một bối cảnh xã hội cụ thể” [9]. Từ quan niệm thứ ba cho thấy, nghiên cứu diễn ngôn để thấy được đằng sau ngôn từ là các chủ nghĩa, cơ chế quyền lực, tổ chức...

Sau khi tham khảo và khái lược lại ba hướng tiếp cận về diễn ngôn (qua các bài nghiên cứu của nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Ngọc Minh [9], Trần Đình Sử [16], Trần Thiện Khanh [6]), chúng tôi nhận thấy hướng tiếp cận xã hội học có những quan điểm có thể áp dụng cho đề tài khóa luận. Chính vì vậy, chúng tôi lựa chọn hướng tiếp cận xã hội học và tham khảo những quan điểm của Foucault về mối quan hệ giữa diễn ngôn và quyền lực (sẽ được trình bày rõ hơn ở phần 1.2.2) để thực hiện đề tài khóa luận này.

1.2.1.2. Một số định nghĩa về diễn ngôn

Như đã trình bày ở phần trước, diễn ngôn là một thuật ngữ được sử dụng trong nhiều ngành khoa học, chính vì thế, đã có rất nhiều cách định nghĩa, khái niệm về diễn ngôn. Từ ba hướng tiếp cận chính, chúng ta đã thấy được sự phức tạp của nội hàm thuật ngữ diễn ngôn, sản sinh ra nhiều khái niệm về diễn ngôn. Chúng tôi đã tham khảo bài viết *22 định nghĩa về diễn ngôn* do nhà nghiên cứu Lã Nguyên chuyên ngữ, và đề giới thiệu một số định nghĩa, khái niệm về diễn ngôn (giúp làm sáng tỏ thêm về thuật ngữ diễn ngôn) trong phần này.

Đầu tiên là một số định nghĩa có sự ảnh hưởng của nghiên cứu ngôn ngữ, chẳng hạn như: “Diễn ngôn là sự kiện giao tiếp diễn ra giữa người nói và người nghe (người quan sát...) trong tiến trình hoạt động giao tiếp ở một ngữ cảnh thời gian, không gian, hay những ngữ cảnh khác nào đó. Hoạt động giao tiếp này có thể bằng lời nói, bằng văn viết, những bộ phận hợp thành của nó có thể bằng lời và không lời.” (Teun Adrianus Van Dijk) [10]. Theo

Norman Fairclough, “Diễn ngôn là ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình mô tả thực tiễn xã hội khác với quan điểm riêng.” [10]. Đến Victoria Krasnyk, định nghĩa về diễn ngôn đã mở rộng thêm ra ngoài phạm vi ngôn ngữ đơn thuần: “Diễn ngôn là hoạt động diễn đạt bằng lời nói biểu nghĩa được hiểu như tổng thể của quá trình và kết quả, nó có bình diện ngôn ngữ học thuần túy, và cả những bình diện ngoài ngôn ngữ học.” [10]. Muara Chimombo và Robert L.Rozberi đã định nghĩa diễn ngôn phức tạp hơn nữa: “Diễn ngôn là một tiến trình phức hợp đặc biệt bao gồm vô số thành phần phụ thuộc lẫn nhau. Nó phát sinh từ những tiến trình tinh thần giao cắt với các bình diện, ví như, tâm lí, xã hội, văn hoá và những khía cạnh khác của đời sống.” [10]. Cuối cùng, đến Olga Rusakova, định nghĩa về diễn ngôn đã bao chứa một phạm vi rộng và phức tạp hơn nhiều: “Chúng tôi xác định diễn ngôn là hệ thống cấu trúc giao tiếp - kí hiệu phức tạp có sáu bình diện cơ bản: chủ định (chủ định quyền uy, chiến lược, ý đồ), bức thiết (phản ánh chủ định quyền uy trong hoạt động thực tiễn có đặc tính kí hiệu - biểu trưng), tiềm năng (xác định và thấu hiểu ý nghĩa, giá trị, bản sắc), ngữ cảnh (mở rộng trường nghĩa trên cơ sở ngữ cảnh văn hoá xã hội, lịch sử và các ngữ cảnh khác), tâm lí (dự trữ tình cảm, nghị lực chứa đựng trong diễn ngôn và cung cấp cho nó sức mạnh khơi gợi), “trầm tích” (dấu ấn của tất cả các bình diện nêu ra ở trên trong ý thức và kinh nghiệm xã hội, trong môi trường được xã hội cấu trúc hoá và vật chất hoá mà hình thức của nó là sự phản ánh của văn hoá).” [10].

Từ một số định nghĩa trên và tổng thể phần 1.1.1. *Giới thuyết chung về diễn ngôn*, có thể nhận thấy các định nghĩa, quan điểm về diễn ngôn, nội hàm khái niệm diễn ngôn rất đa dạng, đa lĩnh vực tiếp cận. Vì thế, để tiếp cận thuật ngữ này tốt nhất, nên “đặt nó vào những bối cảnh sử dụng khác nhau, từ đó nghiên cứu xem trong mỗi bối cảnh, nét nghĩa nào đã được khai triển, sáng tạo thêm.” [9].

1.2.2. *Mối quan hệ giữa diễn ngôn với quyền lực theo quan điểm của Foucault*

Để phục vụ nghiên cứu đề tài khóa luận, từ giới thuyết chung về diễn ngôn ở phần 1.2.1, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu sâu hơn về quan điểm của Foucault (được giới thiệu trong ba bài nghiên cứu [9], [16], [6]). Trong quan điểm về diễn ngôn của Foucault, ông đã chỉ ra mối quan hệ giữa diễn ngôn và quyền lực, từ đây, chúng tôi sẽ tham khảo để trình bày về mối quan hệ giữa diễn ngôn và thiết chế quyền lực.

Trong bài viết của Nguyễn Thị Ngọc Minh, quan niệm thứ ba của Foucault về diễn ngôn đó là: “Diễn ngôn là một thực tiễn sản sinh ra vô số các nhận định và chi phối việc vận hành của chúng.” [9]. Quan niệm này cho thấy được quyền lực của diễn ngôn trong thực tế

nhưng đồng thời diễn ngôn cũng chịu sự chi phối trở lại của quyền lực. Lý thuyết về diễn ngôn của Foucault có ảnh hưởng lớn đến các nhà hậu hiện đại, hậu cấu trúc. Họ thống nhất rằng “mọi diễn ngôn đều gắn liền với quyền lực, qua đó các thiết chế và kỉ cương được hình thành” [6]. Từ nhận định đó thấy được, hiện thực xã hội được diễn ngôn góp phần tạo dựng và diễn ngôn có khả năng chi phối hành vi, tư tưởng của con người tồn tại trong thiết chế cụ thể. Những hệ thống tri thức, tư tưởng được tạo thành từ những diễn ngôn (hay khái niệm trong các ngành), và ở mỗi thời kỳ lịch sử, xã hội khác nhau lại có sự ảnh hưởng khác nhau đến con người. Sự ảnh hưởng thường là những quy tắc, khuôn khổ đối với tư duy, hành vi của từng cá nhân, nhóm người. Đó chính là tính chất quyền lực của diễn ngôn.

Ở chiều ngược lại, quan điểm của Foucault còn cho thấy sự chi phối, tác động của quyền lực (hay thiết chế quyền lực) đối với diễn ngôn, diễn ngôn trở thành một “công cụ” để các thiết chế, luật lệ thể hiện quyền lực thống trị. Hệ tư tưởng thống trị (đại diện cho thiết chế quyền lực) nhờ đoạt được phương tiện thông tin đại chúng, đưa ra những diễn ngôn nhằm áp đặt ngôn ngữ, lối nghĩ lên các cá nhân, nhóm người, khiến họ mất khả năng tự tổ chức kinh nghiệm, suy nghĩ cho mình (điều này thể hiện rất rõ trong thời kỳ trước, khi các phương tiện thông tin đại chúng chưa phổ biến rộng rãi như hiện nay). Chính điều này khiến cho mỗi thời đại lịch sử cụ thể, với thiết chế, hệ tư tưởng, bối cảnh văn hóa khác nhau sản sinh ra con người có trình độ, tư duy, quan niệm, lời nói và hành vi ứng xử khác nhau. Theo quan điểm của Foucault, tri thức là sản phẩm của các diễn ngôn mà đằng sau diễn ngôn là quyền lực (hay thiết chế quyền lực). Vì thế, để tìm hiểu và phân tích diễn ngôn đặt trong một bối cảnh cụ thể, quyền lực (hay thiết chế quyền lực) và mục đích tạo dựng đằng sau nó.

Từ những khái lược trên, có thể thấy được mối quan hệ giữa diễn ngôn và quyền lực (hay thiết chế quyền lực) rất phức tạp, không đơn nhất một chiều. Diễn ngôn tạo ra quyền lực nhưng đồng thời có sự can thiệp của quyền lực (trong đó có thiết chế quyền lực) vào quá trình tạo lập, vận hành diễn ngôn. Điều đó đúng như nhận định của Foucault: “Diễn ngôn có thể vừa là một công cụ, vừa là hệ quả của quyền lực; đồng thời, cũng là một vật cản, một khối chướng ngại vật, một mũi kháng cự và một điểm bắt đầu cho chiến lược đấu tranh. Diễn ngôn làm lan truyền và sản sinh quyền lực, nó củng cố chính nó, nhưng cũng hủy hoại nó và phơi bày nó, làm cho nó yếu đi và khiến nó có thể gây trở ngại cho chính nó” [9]. Như vậy, có thể thấy, diễn ngôn có quyền lực rất lớn trong thực tiễn, vì vậy chúng thường được các thế lực quyền lực (trong đó có thiết chế quyền lực) sử dụng để đạt được mục đích nhất định.

1.2.3. *Mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực*

Trong phần này, chúng tôi sẽ tiếp nối và dựa trên những quan điểm của Foucault về mối quan hệ giữa diễn ngôn với quyền lực (hay thiết chế quyền lực) ở trên để tìm hiểu và trình bày về mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực.

Trong cuốn *Discourses of War and Peace* (Tạm dịch: *Diễn ngôn về chiến tranh và hòa bình*), tác giả Adam Hodges dựa trên những nghiên cứu, quan sát trong thực tế lịch sử, đã đưa ra nhận định: “Humans never engage in war without the mediating force of discourse.” (Tạm dịch: “Con người không bao giờ tham gia chiến tranh mà thiếu đi sự tác động trung gian của diễn ngôn.”) [22]. Điều này chứng minh rằng diễn ngôn, ở đây chúng tôi nhấn mạnh tới diễn ngôn về chiến tranh, có quyền lực, sức ảnh hưởng lớn tới con người (bất kể tổ chức, cá nhân nào). Ở phần 1.2.2, chúng tôi đã trình bày về mối quan hệ giữa diễn ngôn với thiết chế quyền lực, từ đó đã thấy được quyền lực của diễn ngôn và đồng thời diễn ngôn là công cụ hữu hiệu của thiết chế quyền lực. Vì thế, diễn ngôn về chiến tranh chắc chắn đóng vai trò quan trọng trong việc phát động chiến tranh, thúc đẩy con người tham gia cuộc chiến.

Foucault đưa ra quan điểm bản thân diễn ngôn và tri thức có được quyền lực, vì thế nó là công cụ hữu hiệu cho các thế lực quyền lực (trong đó có thiết chế quyền lực). Từ điều này và khẳng định về vai trò của diễn ngôn ở trên, có thể thấy diễn ngôn là công cụ hữu hiệu cho thiết chế quyền lực sử dụng để phục vụ quá trình xâm lược (điều này thể hiện rất rõ qua các cuộc chiến tranh lớn nhỏ trong lịch sử nhân loại). Việc sử dụng “công cụ” diễn ngôn của thiết chế quyền lực thể hiện qua hai điểm. Thứ nhất, các thiết chế quyền lực sử dụng diễn ngôn (diễn ngôn về chiến tranh) để áp đặt tư tưởng, biện minh cho tính chính đáng, từ đó kêu gọi được người dân dân chính quốc tham gia chiến tranh. Những lý do thường được sử dụng trong lịch sử để làm tiền đề cho chiến tranh có thể kể đến như: khai sáng văn hóa văn minh cho các nước lạc hậu, giúp đỡ một bên trong cuộc nội chiến... Một hệ thống diễn ngôn về chiến tranh được thực hiện kết hợp với bối cảnh xã hội, phong nền văn hóa tư tưởng đã tác động đến tư duy, nhận thức của người dân. Thứ hai, các thiết chế quyền lực sử dụng diễn ngôn để áp đặt, đồng hóa người dân thuộc địa. Đây cũng là cách làm thường thấy trong lịch sử chiến tranh nhân loại. Thiết chế quyền lực của phe xâm lược thường miêu tả thuộc địa như một quốc gia man rợ, thiếu văn minh, nhà nước thuộc địa cần được thay đổi, nhân dân thuộc địa cần được khai sáng, tiến bộ hơn... hoặc nhà nước đứng đầu hiện hành ở các nước thuộc địa khiến nhân dân lầm than... Những hệ thống diễn ngôn đó nhằm mục tiêu xây dựng lý lẽ, biện minh cho tính chính đáng của cuộc chiến, giúp cuộc chiến xâm lược nghiêm nhiên được hợp

thức hóa dưới cái tên “khai hóa”, “viện trợ”. Nhưng đằng sau những phát ngôn, diễn ngôn hoa mỹ đó là những âm mưu, thủ đoạn của thiết chế quyền lực nhằm đạt được lợi ích nhất định.

Trong tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa*, nhà văn Naoki Hyakuta đã đưa ra những dẫn chứng, chi tiết để thấy được mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh và thiết chế quyền lực tồn tại xuyên suốt cuộc chiến. Chính quyền Đế quốc Nhật Bản đã sử dụng diễn ngôn làm phương tiện để “tẩy não” mỗi người dân, mỗi binh lính Nhật Bản, và hợp thức hóa chiến tranh Thái Bình Dương với khẩu hiệu hoa mỹ “khởi thịnh vượng chung Đại Đông Á”. Điều này, chúng tôi sẽ trình bày rõ ràng hơn song song việc phân tích những biểu hiện, hành vi đồng thuận hoặc kháng cự của binh lính Nhật đối với vấn đề này.

Tiểu kết

Trong chương 1, chúng tôi đã trình bày những điểm nổi bật về bối cảnh lịch sử nước Nhật trong giai đoạn chiến tranh thế giới thứ hai và trình bày khái lược một số vấn đề liên quan đến diễn ngôn về chiến tranh. Ở phần thứ nhất, thông qua việc khảo cứu các tài liệu lịch sử, nhân học liên quan, chúng tôi đã đề cập những vấn đề quan trọng trong xã hội Nhật Bản, đó là tiền đề cho sự ảnh hưởng của diễn ngôn về chiến tranh đối với người dân, binh lính Nhật Bản. Dựa vào đây, chúng tôi sẽ được bổ sung về mặt thực tiễn để lý giải những biểu hiện đồng thuận, kháng cự của người lính Nhật trong chương 2 và chương 3. Đến phần thứ hai, để khái lược diễn ngôn về chiến tranh, chúng tôi đã tham khảo các tài liệu liên quan đến lý thuyết diễn ngôn, từ đó tóm lược và trình bày lại một số điểm cho giới thuyết chung về diễn ngôn, mối quan hệ giữa diễn ngôn với quyền lực theo quan điểm của Foucault, mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực. Trong phần giới thuyết chung về diễn ngôn, dựa trên các bài nghiên cứu của các nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Đình Sử, Trần Thiện Khanh, Lã Nguyên, chúng tôi đã diễn giải lại ba hướng tiếp cận chính khái niệm diễn ngôn, từ đó lựa chọn hướng tiếp cận xã hội học với nền tảng là quan điểm của Foucault để tiếp cận, triển khai đề tài khóa luận. Nối tiếp các hướng tiếp cận, một số định nghĩa về diễn ngôn theo các hướng tiếp cận đã được được dẫn lại để chứng minh sự phức tạp, đa lĩnh vực trong nội hàm thuật ngữ diễn ngôn. Tiếp theo, từ những quan điểm của Foucault và hướng tiếp cận xã hội học, chúng tôi đã khái lược lại những luận điểm của ông về mối quan hệ giữa diễn ngôn với quyền lực (hay thiết chế quyền lực). Bản thân diễn ngôn tạo ra quyền lực trong xã hội, đồng thời nó là “công cụ” hữu hiệu đối với các thế lực quyền lực (bao gồm thiết chế quyền lực). Đây là lý thuyết quan trọng để diễn giải mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực trong phần tiếp theo và trong chương 2, chương 3. Diễn ngôn về

chiến tranh là điều không thể thiếu trong mọi cuộc chiến tranh lớn nhỏ. Vì sức ảnh hưởng của diễn ngôn về chiến tranh đối với con người rất lớn, các thiết chế quyền lực luôn biết cách vận dụng diễn ngôn vào chiến tranh để đạt được mục đích. Như vậy, trong chương 1 đã chúng tôi đã trình bày, khái lược lại những lý thuyết, thực tiễn lịch sử cần thiết từ các tài liệu tham khảo liên quan, làm cơ sở lý thuyết, dẫn chứng thực tiễn cho những phân tích, diễn giải ở chương 2 và chương 3.

CHƯƠNG 2. DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN ĐỒNG THUẬN VỚI THIẾT CHẾ QUYỀN LỰC

Dựa trên nền tảng khảo cứu, giới thuyết được trình bày ở chương 1, trong chương 2 này chúng tôi sẽ trình bày những diễn ngôn về chiến tranh được chính quyền Đế quốc Nhật Bản đưa ra trong lịch sử (thông qua việc tham khảo các tài liệu lịch sử Nhật Bản của R.H.P. Mason và J.G. Caiger [8], Vĩnh Sinh [14], Nguyễn Nam Trân [17], nhân học và văn hóa Nhật Bản trong cuốn *Hoa cúc và guom* của Ruth Benedict [1], *Võ sĩ đạo* của Inazo Nitobe [12]) và trong tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta. Từ những diễn ngôn về chiến tranh đó, kết hợp với phần 1.1. *Bối cảnh lịch sử nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai* để lý giải toan tính, âm mưu đằng sau diễn ngôn, phát ngôn của chính quyền, quân đội Đế quốc Nhật Bản, đồng thời thấy được nguyên nhân của những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực của binh lính và người dân Nhật Bản. Những biểu hiện đồng thuận và biểu hiện kháng cự (trong chương 3) là minh chứng quan trọng cho mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh với thiết chế quyền lực trong thực tiễn.

2.1. Diễn ngôn về chiến tranh và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực trong lịch sử Nhật Bản thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai

Trong phần 1.1.1 chương 1, chúng tôi đã khảo cứu và trình bày những vấn đề trong xã hội Nhật Bản trở thành phong nền, tiền đề cho diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Đế quốc Nhật Bản, đó là việc chính quyền ban hành thể chế thời chiến và quyền lực nhà nước cưỡng chế quốc dân tuân theo (đằng sau những khẩu hiệu tuyên truyền), sự phân chia hệ thống cấp bậc trong xã hội rất nặng nề còn tồn tại, đưa vào giáo dục ý thức hệ Kokutai, vị trí linh thiêng quyền lực của Thiên hoàng... Từ những tiền đề, bối cảnh xã hội, ý thức hệ như vậy, những diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Đế quốc Nhật Bản có thể thực hiện và có sức ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, quan điểm của binh lính, người dân Nhật Bản.

Diễn ngôn về chiến tranh luôn thể hiện được quyền lực và vai trò là “công cụ” hữu hiệu của thiết chế quyền lực trong các cuộc chiến tranh. Điều này có thể thấy rất rõ trong chiến tranh thế giới thứ hai, khi các nước tham chiến đưa ra nhiều diễn ngôn, điển hình nói đến ở đây là chính quyền Đế quốc Nhật Bản. Chính quyền Đế quốc Nhật Bản dựa trên nền tảng bối cảnh, ý thức hệ xã hội tại chính quốc, liên tục tuyên truyền diễn ngôn về chiến tranh như Khó khăn vượt chung Đại Đông Á, chiến đấu vì Thiên hoàng, lòng “yêu nước”... để từ đó hợp thức hóa chiến tranh xâm lược các vùng thuộc địa và thúc đẩy người dân, binh lính tham gia chiến đấu. Trong đó, diễn ngôn về chiến tranh Đại Đông Á là lý do để mở ra cuộc

chiến. Chính quyền Đế quốc Nhật Bản gọi chiến tranh Thái Bình Dương là chiến tranh Đại Đông Á, “cuộc chiến tranh với mục đích xây dựng Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á!” [17; tr.382]. “Trật tự mới Đại Đông Á” lần đầu được trình bày trong bản cương yếu quốc sách do chính phủ Konoe đề ra (năm 1940 - thời Showa 15), sẽ được áp dụng cho các nước trong khu vực gọi là “Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á” bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên, các nước Đông Nam Á, và trong đó Nhật Bản là “người anh cả” dẫn dắt khối cùng “phát triển”. Chính quyền Đế quốc Nhật Bản luôn tuyên truyền trong quân đội và nhân dân: “Với tư cách là kẻ lãnh đạo vùng Đông Á, Nhật sẽ thiết lập một nền kinh tế và một nền văn hoá lớn cho cả khu vực, để mọi thành viên có thể sống cộng tồn cộng vinh trong sự tự cung tự cấp.” [17; tr.372]. Thực tế, đằng sau những diễn ngôn hoa mỹ về chiến tranh Đại Đông Á là mục đích khai thác, vơ vét các thuộc địa - nơi có nhiều nguyên liệu cần thiết để Nhật Bản có thể sản xuất vũ khí và phục vụ công nghiệp trong nước. Không chỉ bóc lột của cải vật chất, người dân ở các nước thuộc địa còn phải chịu cảnh bị chính quyền Đế quốc Nhật Bản bóc lột cả về thể xác lẫn tinh thần với những chính sách đồng hóa, cưỡng chế. Không dừng lại ở đó, đối với người dân các nước thuộc địa, chính quyền Đế quốc Nhật Bản cũng có diễn ngôn, phát ngôn hoa mỹ như: “Nhật Mãn nhất thể”, “Nam Tiến”, “Nội Tiên nhất thể” (Quốc nội và Triều Tiên là một), “cộng tồn cộng vinh”, “độc lập thân hòa”... [17; tr.373] Diễn ngôn ở các nước thuộc địa của chính quyền Đế quốc Nhật Bản thực tế chỉ nhằm lôi kéo người dân thuộc địa tự nguyện tham gia phục vụ quân đội Nhật Bản, lừa dối người dân chính quốc về mục đích của chiến tranh Đại Đông Á và những hành động tại các nước thuộc địa đương thời.

Như vậy, diễn ngôn về chiến tranh Đại Đông Á và diễn ngôn tại các nước thuộc địa của chính quyền Đế quốc Nhật Bản đã thể hiện được quyền lực của diễn ngôn, chứng tỏ rằng nó là “công cụ” hữu hiệu của thiết chế quyền lực. Diễn ngôn về chiến tranh Đại Đông Á đã thành công tác động đến tư tưởng của người dân, binh lính Nhật, khiến họ sẵn sàng tham gia cuộc chiến với lý tưởng “nhân văn”. Cùng với đó, chính quyền Nhật Bản đương thời đã đưa ra được lý do, nguyên nhân để thành công phát động cuộc chiến, hợp pháp hóa việc tham gia chiến tranh thế giới thứ hai và chính thức tham chiến. Không chỉ dừng lại ở đây, trong suốt thời gian chiến tranh diễn ra, chính quyền và quân đội Nhật Bản vẫn liên tục có những diễn ngôn về chiến tranh ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng, niềm tin của binh lính, người dân quốc gia mình. Những diễn ngôn đó sẽ được trình bày, phân tích kết hợp với những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực của binh lính trong những tiểu mục tiếp theo. Từ đó, chúng tôi muốn minh chứng cho mối quan hệ giữa diễn ngôn với thiết chế quyền lực - sự ảnh hưởng, quyền lực của diễn ngôn và việc bị chi phối bởi thiết chế quyền lực.

2.1.1. Chiến đấu bằng tinh thần được rèn luyện khắc nghiệt

Sau khi khảo cứu tài liệu về nhân học - cuốn *Hoa cúc và gươm* của Ruth Benedict cùng một số tài liệu lịch sử khác, chúng tôi nhận thấy biểu hiện đồng thuận đầu tiên của người dân, binh lính Nhật Bản đối với diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền là việc rèn luyện tinh thần, sẵn sàng chiến đấu bằng tinh thần được rèn luyện khắc nghiệt. Thông qua việc kiểm soát, nắm giữ phương tiện truyền thông (như đài phát thanh, báo chí), chính quyền, quân đội Đế quốc Nhật Bản dễ dàng đưa ra những diễn ngôn, tuyên truyền, cổ vũ binh lính chiến đấu bằng tinh thần rèn luyện khắc nghiệt. Điều này tương đồng với quan điểm của Foucault về quan hệ giữa diễn ngôn và thiết chế quyền lực đã được chúng tôi trình bày ở chương 1.

Việc đề cao chiến đấu bằng tinh thần, coi nhẹ vật chất, căm thù vật chất diễn ra rất phổ biến trong quân đội (thậm chí tuyên truyền cả trong nhân dân). Các báo đài với sự chi phối của chính quyền, các tướng lĩnh cấp cao quân đội ra sức tuyên truyền về khả năng chiến đấu và chiến thắng chỉ bằng tinh thần. Tinh thần được coi là điều tối quan trọng thay vì vật chất (như vũ khí, tiềm lực tài chính) trong cuộc chiến. Binh lính Nhật luôn được dạy rằng tinh thần bất diệt tất thắng, chỉ cần có tinh thần và chiến đấu bằng tinh thần được rèn luyện khắc nghiệt ấy thì chủ nghĩa vật chất của kẻ địch sẽ thất bại. Nếu nhìn lại lịch sử tư tưởng của người Nhật, so sánh diễn ngôn này với việc rèn luyện tinh thần khắc nghiệt được nhắc đến trong võ sĩ đạo, có thể thấy được việc rèn luyện tinh thần không phải điều gì xa lạ hay mới mẻ đối với người Nhật. Trong chương IV cuốn *Võ sĩ đạo* của Inazo Nitobe, chương về dũng khí, tinh thần gan dạ và nhẫn nại đã nhắc đến cách huấn luyện con cái của các gia đình thời xưa. Họ kể chuyện quân kí cho những đứa trẻ từ lúc mới lọt lòng, đẩy những đứa trẻ ra trời lạnh, bỏ đói chúng và khuyến khích làm những việc khó nhọc. Khi đứa trẻ khóc la vì đau đớn sẽ bị mẹ chúng trách mắng: “Chỉ đau đớn một chút mà cũng la khóc lên à? Sao mà nhút nhát như thế! Ra ngoài chiến trường nếu bị chặt đứt tay thì làm sao hả? Nếu bị ra lệnh phải mổ bụng thì làm sao hả?” [12; tr.76]. Với các samurai, nếu họ cảm thấy đói khi rỗng bụng thì đó là một điều nhục nhã. Bằng cách rèn luyện như vậy, những đứa trẻ Nhật Bản ngay từ nhỏ đã dần hình thành tinh thần chịu đựng và tính can đảm, gan dạ. Mặc dù việc rèn luyện tinh thần này có từ lâu đời ở Nhật nhưng so với việc rèn luyện tinh thần khắc nghiệt của binh lính trong chiến tranh thế giới thứ hai thì dường như nó có phần biến tướng theo chiều hướng cực đoan hơn với âm mưu của những kẻ đứng đầu chính quyền quân phiệt.

Dựa trên quan điểm hiện đại ngày nay, những diễn ngôn cổ vũ hành vi chiến đấu chỉ bằng tinh thần đó của chính quyền quân phiệt thật phi lý. Nhưng trong bối cảnh ý thức hệ và toàn bộ phương tiện truyền thông bị chính quyền chi phối, người dân không được tự do về

mặt tư duy, ngôn luận, quen với lối sống không cá nhân trong một trật tự đẳng cấp chặt chẽ, hà khắc thì điều đó lại trở nên hoàn toàn dễ dàng được tin tưởng. Qua cuốn *Hoa cúc và grôm*, nhà nhân học Ruth Benedict đã đưa ra những dẫn chứng phát ngôn của chính quyền quân phiệt và truyền thông Nhật Bản thời điểm đó về vấn đề này, thấy được truyền thông đóng vai trò rất quan trọng trong việc truyền bá diễn ngôn của chính quyền (dù nó có bất hợp lý). Nhiều phát ngôn của chính quyền và báo chí truyền thông ca ngợi tinh thần, coi thường vật chất đã được đưa ra xuyên suốt cuộc chiến: “Cuộc chiến này không phải là sự so kè về quân bị, mà là cuộc chiến tranh giữa người Nhật dựa vào tinh thần và người Mỹ dựa vào vật chất” [1; tr.44]; “Trong cuộc so kè này, sức mạnh vật chất chắc chắn sẽ thất bại” [1; tr.44]; “Nguồn tài nguyên vật chất thì có giới hạn, không có vật chất nào thiên thu bất tận, đó là chân lý vĩnh hằng” [1; tr.45]; “Dùng sự rèn luyện của chúng ta chống lại ưu thế về số lượng của quân địch, dùng khí huyết của chúng ta chống lại sắt thép của quân địch” [1; tr.46]. Điều này trái ngược với thực tế rằng chính quyền quân phiệt vẫn chạy đua sản xuất vũ khí, trong phần 1.1. *Bối cảnh lịch sử nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai* chúng tôi đã trình bày về việc chính quyền Đế quốc Nhật Bản dồn toàn lực nền kinh tế vào việc sản xuất vũ khí, quân dụng.

Như vậy, có thể thấy được mục đích đầu tiên của những diễn ngôn này là nhằm tăng lòng thù địch, sự khinh bỉ, coi thường của binh lính Nhật đối với quân Đồng minh bởi quân Đồng minh, đặc biệt là Mỹ, được chỉ đích danh là những kẻ theo chủ nghĩa vật chất. Mục đích thứ hai của những diễn ngôn này đó là những người đứng đầu chính quyền dường như tạo dựng và tuyên truyền đề cao việc chiến đấu bằng tinh thần, căm thù chủ nghĩa vật chất để giảm bớt chi phí dành cho binh lính - những người vốn có xuất thân thấp kém trong trật tự đẳng cấp xã hội Nhật Bản. Một mục đích nữa đằng sau diễn ngôn về chiến tranh thúc đẩy hành vi chiến đấu bằng tinh thần mà chúng tôi nhận thấy qua những phân tích nhân học của Ruth Benedict đó là sự sẵn sàng về mặt tinh thần đối với mọi tình huống xảy ra trong cuộc chiến. Bất kể xảy ra tình huống nào, những người lính vẫn giữ vững tinh thần được rèn luyện khắc nghiệt của họ. Từ đây, những phát ngôn phi lý hơn về chiến đấu bằng tinh thần đã được truyền bá, đó là chủ nghĩa anh hùng cực đoan và chủ thuyết không đầu hàng.

Nhờ niềm tin vào việc chiến đấu bằng tinh thần đã được gây dựng, diễn ngôn cực đoan hơn nữa có thể thuận lợi được phát đi và được tiếp nhận. Vẫn là truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cực đoan trong chiến đấu, điển hình như “trong chiến đấu, tinh thần có thể chiến thắng hiện thực về sinh lý là cái chết.” [1; tr.47]. Cũng vì chủ nghĩa anh hùng như vậy mà quân đội Nhật Bản bài xích cứu trợ, đội ngũ y tế luôn trong tình trạng thiếu thốn, những binh sĩ bị bệnh sốt rét, thương binh trở thành

đồ bỏ đi, những người đứng đầu chính quyền quân phiệt cho rằng điều đó làm quấy nhiễu chủ nghĩa anh hùng. Đó là những lời tuyên truyền đến từ báo chí, đài phát thanh, chính quyền tới binh lính của họ, tạo ra và thúc đẩy phát triển môi trường rèn luyện tinh thần khắc nghiệt trong quân đội. Trong *Hoa cúc và giơm*, Ruth Benedict có nhắc nhiều đến việc cấp cao trong quân đội coi thường sinh mệnh của binh lính, lực lượng quân y nghèo nàn và họ không quan tâm đến việc cứu chữa cho các thương binh. Hẳn nhiên, việc tuyên truyền chiến đấu bằng tinh thần giúp quân lính chiến đấu hăng hái và khước từ việc chữa trị, học cách chịu đựng những thiếu thốn trong quân đội.

Từ chủ nghĩa anh hùng cực đoan, chính quyền và quân đội Nhật Bản đã phổ biến chủ thuyết không đầu hàng trong toàn quân. Đây được Ruth Benedict đánh giá là “Biểu hiện cực đoan nhất về thuyết hy sinh trong chiến đấu của Nhật Bản” [1; tr.63]. Ngay từ khi bắt đầu, những binh sĩ Nhật đã được quán triệt chủ thuyết không đầu hàng, họ phải chiến đấu đến phút cuối cùng và nếu có nguy cơ bị bắt làm tù binh thì họ sẽ tự sát. Đỉnh cao của việc coi trọng rèn luyện ý chí, tinh thần trong chiến đấu là coi nhẹ vật chất, xem nhẹ cái chết, “Binh sĩ Nhật Bản được dạy rằng, bản thân cái chết chính là thắng lợi của tinh thần.” [1; tr.61]. Điều đó khiến họ cảm thấy vinh dự, những con người vinh dự khi được chiến đấu đến chết vì đất nước và nghĩ rằng mình sẽ được ca ngợi như những anh hùng. Đây là tiền đề cho hành vi tự sát trong chiến đấu được phân tích ở phần sau.

Có thể nhận thấy, tất cả những diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền quân phiệt được trình bày ở trên nhằm thúc đẩy hành vi chiến đấu bằng tinh thần rèn luyện khắc nghiệt, tăng cường tinh thần chiến đấu một cách cực đoan của binh lính Nhật. Những người lính, người dân Nhật Bản hoàn toàn tin tưởng vào những tuyên truyền, phát ngôn của chính quyền (vì tất cả phương tiện truyền thông bị chính quyền chi phối), họ mất đi khả năng tự phát triển tư tưởng qua nguồn thông tin khác. Chính quyền, quân đội Nhật Bản dường như cho rằng binh lính là thứ “vũ khí” dễ dàng thay mới, tiếp nạp hơn bất kỳ vũ khí nào, coi rẻ sinh mệnh binh lính, người dân mình trong khi những kẻ đứng đầu, cấp cao trong quân đội được hưởng nhiều đặc quyền. Đặt trong bối cảnh sự phân biệt đẳng cấp xã hội rất lớn của nước Nhật thời kỳ này, khi binh lính phần lớn là dân thường nhập ngũ tự nguyện, cùng với niềm tin vào chế độ đẳng cấp, điều này hoàn toàn có thể lý giải. Khi binh lính đã quen với việc chiến đấu bằng tinh thần, coi nhẹ vật chất, quân đội càng giảm thiểu được chi phí dành cho các binh lính. Không chỉ trong quân đội, ở phần bối cảnh lịch sử chúng tôi đã chỉ ra việc chính quyền cưỡng chế nhân dân sống một lối sống cần kiệm, khổ sở, cắt giảm nhu yếu phẩm để chính quyền chạy đua vũ trang cho cuộc chiến. Như vậy, chúng tôi đã trình bày về diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Đế quốc Nhật và biểu hiện đồng thuận đầu tiên của binh lính Nhật với

thiết chế quyền lực trong lịch sử, qua đó thấy được quyền lực và vai trò quan trọng của diễn ngôn đối với thiết chế quyền lực trong chiến tranh.

2.1.2. Trung thành, chiến đấu để đền ơn, tận hiếu với Thiên hoàng

Để lý giải vì sao người dân, binh lính Nhật hoàn toàn tin tưởng, phục tùng chính quyền, chúng ta cần nhìn vào bối cảnh xã hội nước Nhật, những tiền đề. Chính quyền Nhật Bản đã hoàn toàn thành công trong việc đưa ý thức hệ Kokutai vào giáo dục, đưa Thần giáo trở thành quốc giáo và Thiên hoàng có được vị trí quyền năng linh thiêng nhất - một nhân vật có thực nhưng trong lòng nhân dân lại phủ màu sắc huyền thoại. Qua những phân tích, dẫn chứng về ý thức hệ Kokutai và Thiên hoàng ở phần trước, có thể hiểu rằng, lý do chính khiến binh lính, người dân Nhật Bản phục tùng, tin tưởng vào tính chính đáng của cuộc chiến và mọi diễn ngôn về cuộc chiến chính là Thiên hoàng, từ đó, biểu hiện đồng thuận thứ hai chính là chiến đấu vì Thiên hoàng. Các diễn ngôn về chiến tranh liên quan đến điều đó sẽ được trình bày rõ hơn ở phần 2.1.2 này.

Chính quyền quân phiệt đã lợi dụng sự sùng kính của người dân Nhật Bản nói chung, binh lính Nhật nói riêng đối với Thiên hoàng để đưa ra diễn ngôn về chiến tranh, kích động tinh thần chiến đấu của binh lính vì Thiên hoàng. Trong *Hoa cúc và gwom*, nhà nhân học Ruth Benedict đã đưa ra dẫn chứng cho những phát ngôn đó của chính quyền quân phiệt: “Họ kêu gọi binh sĩ phải “phụng chiếu tất cần”; “trừ bỏ nỗi lo lắng của thánh thượng”, phải “đền đáp lòng nhân từ của thánh thượng bằng thái độ sùng kính”, phải “hy sinh vì Thiên hoàng”.” [1; tr.57]. Nhờ những tuyên truyền, phát ngôn như vậy xuyên suốt cuộc chiến, chính quyền Đế quốc Nhật Bản đã tạo dựng được một đội ngũ binh lính trung thành, chiến đấu vì đất nước, đền ơn, tận hiếu với Thiên hoàng. Diễn ngôn về chiến tranh này cũng góp phần quan trọng thúc đẩy tinh thần chiến đấu không ngừng, sẵn sàng cảm tử khi cần, tình nguyện gia nhập quân đội, đặc biệt trong giai đoạn cuối cuộc chiến với chiến dịch Thần phong (Kamikaze), tất cả binh lính đều phải tham gia chiến đấu cảm tử. Cùng với việc khẳng định tính đúng đắn của cuộc chiến tranh Đại Đông Á, chính quyền và quân đội Nhật Bản đưa ra diễn ngôn nhằm cực đoan hóa lý tưởng chiến đấu vì đất nước của binh lính, tuyên truyền về quân đội các nước Đồng minh là những kẻ xâm lược, mặc dù chiến đấu ở khu vực các nước thuộc địa những binh lính Nhật lại xem như việc chiến đấu bảo vệ quốc gia. Từ góc nhìn ngoài cuộc, các nhà sử học, nhà nhân học thường đánh giá đây như một hình thức “tẩy não” người dân, binh lính của chính quyền Nhật Bản thời điểm đó.

Trong *Hoa cúc và guom*, nhà nhân học Ruth Benedict đã chỉ ra ý nghĩa tồn tại và thái độ của người dân Nhật Bản đối với Thiên hoàng. Dù Thiên hoàng là vị nguyên thủ hữu danh vô thực nhưng Thiên hoàng là hạt nhân của Thần đạo - quốc giáo của Nhật Bản hiện đại. Trong tâm trí của người dân Nhật Bản, Thiên hoàng rất thiêng liêng và có vị trí to lớn, Thiên hoàng và Nhật Bản không thể tách rời nhau. “Nhật Bản không có Thiên hoàng thì không phải là Nhật Bản”; “Thiên hoàng là biểu tượng của Nhật Bản, là trung tâm của đời sống tôn giáo quốc gia, là đối tượng tín ngưỡng siêu tôn giáo” [1; tr.55]. Thái độ và niềm tin ấy của người dân Nhật Bản nói chung, binh sĩ Nhật nói riêng có thể lý giải xuất phát từ ý thức hệ Kokutai được xây dựng và phổ biến từ thời Minh Trị. Việc áp đặt và truyền bá vào hệ thống giáo dục toàn dân quan niệm, ý thức hệ Kokutai là điều dễ dàng khi thiết chế quyền lực (ở đây gồm các nhà chính trị, tầng lớp cao trong quân đội) nắm giữ trong tay phương tiện truyền thông, lực lượng báo chí cùng các nhà giáo dục, giới trí thức - những người nắm giữ quyền lực tri thức. Từ đó, họ có thể đưa ra những diễn ngôn, tuyên truyền khiến người dân, binh lính tin tưởng.

Ý thức hệ Kokutai thể hiện vai trò tương đương của Thiên hoàng và đất nước, khi “chủ quyền thuộc về Thiên hoàng” (*shuken zaikun* = chủ quyền tại quân) [17; tr.146] và “Đế quốc Đại Nhật Bản là do một vị Thiên hoàng vạn thế nhất hệ cai trị” [17; tr.146]; hơn nữa, đưa hình tượng Thiên hoàng trở nên “linh thiêng và bất khả xâm phạm” [8; tr.346]. Chính quyền thời Minh Trị đã cố gắng xây dựng hình ảnh Thiên hoàng bao phủ bởi lớp huyền thoại về sự ra đời Yamato (tên gọi sơ khai của nước Nhật), tạo ra một vị quân vương đặc biệt nửa thần linh. Để củng cố điều đó, chính quyền Minh Trị quyết định đưa Thần đạo trở thành quốc giáo, kết hợp thờ cúng địa phương với thờ cúng quốc gia vào một tổ chức duy nhất, từ đó tăng thêm lòng yêu nước sâu sắc, trung thành với đất nước và Thiên hoàng. Như vậy, Thiên hoàng vừa có quyền lực rất lớn, vừa có vị trí linh thiêng đối với người dân và binh lính Nhật Bản đương thời.

Sắc lệnh về giáo dục ban hành năm 1890 trong đó có điều như sau: “Khi có sự cố đột ngột xảy ra, hãy can đảm hiến dâng mình cho đất nước và như vậy là bảo vệ và giữ gìn sự thịnh vượng của Ngôi báu Hoàng triều ta trường tồn cùng trời đất. Như vậy, các ngươi không những chỉ là những thần dân tốt và trung thành của ta mà các ngươi còn làm rạng rỡ những truyền thống tốt đẹp nhất của cha ông các ngươi.” [8; tr.344-345]. Điều này cho thấy chính quyền cố gắng đưa ý thức hệ này vào giáo dục lớp trẻ từ sớm và có thể xem như một tiền đề để chính quyền quân phiệt có thể đưa ra những diễn ngôn về Thiên hoàng, tuyên truyền chiến đấu vì đất nước, vì Thiên hoàng sau này. Từ đó hình thành nên những người dân và đặc biệt là những binh sĩ phục vụ hết mình, chiến đấu vì lòng yêu nước, yêu gia đình cũng như lòng trung thành, đền ơn, tận hiếu với Thiên hoàng. Trong lịch sử, tư tưởng lựa chọn cảm tử vì

Thiên hoàng đã thực sự tồn tại. Trong bài viết *The Last Kamikaze: Two Japanese Pilots Tell How They Cheated Death* của tờ *The Guardian*, cựu phi công Hisao Horiyama đã kể lại sự việc Thiên hoàng Hirohito đến thăm họ khi tốt nghiệp trường huấn luyện sĩ quan và họ nhận ra mình không có sự lựa chọn nào ngoài việc hy sinh vì Thiên hoàng, vào thời điểm đó họ đã tin rằng Thiên hoàng và Nhật Bản là một [26].

Liên hệ sự trung thành ấy với trung nghĩa của tinh thần võ sĩ đạo được trình bày trong *Võ sĩ đạo* của Inazo Nitobe ta sẽ thấy sự tương đồng. “[...] võ sĩ đạo nghĩ rằng quốc gia có trước cá nhân, cá nhân được sinh ra như một phần, một bộ phận của quốc gia, nên cá nhân phải sống hoặc chết cho quốc gia hay cho người cầm quyền có quyền lực hợp pháp.” [12; tr.134]. Tuy nhiên cũng có sự khác biệt: “Võ sĩ đạo không yêu cầu chúng tôi bắt lương tâm của mình phải làm nô lệ chúa quân.” [12; tr.137]. Võ sĩ đạo tồn tại từ lâu ở Nhật Bản, có vai trò như một hệ thống đạo đức của đất nước, vì thế sự trung thành với đất nước và Thiên hoàng có thể xuất phát sâu xa từ những lý giải về trung nghĩa ấy của võ sĩ đạo nhưng võ sĩ đạo không chỉ dẫn việc ngu trung bắt lương tâm mình làm nô lệ chúa quân như cách một phần binh lính Nhật đã nghĩ và thực hiện trong chiến tranh thế giới thứ hai. Có những binh lính đã nghĩ rằng việc tham gia chiến tranh là thiên chức của mình, chiến đấu để hiến thân cho Thiên hoàng... Từ một tinh thần tốt đẹp, trung nghĩa với đất nước, tôn kính Thiên hoàng đã trở nên cực đoan bởi chủ nghĩa quân phiệt bấy giờ.

Như vậy, thông qua những lý giải về xã hội Nhật Bản, về ý thức hệ, niềm tin và sự tôn kính đối với một vị nguyên thủ được thần hóa trở linh thiêng bất khả xâm phạm như Thiên hoàng, chúng ta có thể thấy được nguyên nhân khiến những diễn ngôn của chính quyền có sức thuyết phục, ảnh hưởng lớn tới tư tưởng của người dân, binh lính Nhật Bản. Dù tình cảm của nhân dân Nhật Bản đối với Thiên hoàng đã có từ lâu trong ý thức hệ quốc gia, nhưng chính quyền (thiết chế quyền lực) với những âm mưu xây dựng đội quân cho chiến tranh xâm lược đã cố ý tạo ra diễn ngôn về chiến tranh tác động đến con người Nhật Bản, khiến sự tôn kính của nhân dân với Thiên hoàng dần trở thành một thứ tình cảm thái quá, thậm chí cực đoan, bị lịch sử và nhân học nhìn nhận là cuồng tín.

2.1.3. Hành vi tự sát vì thanh danh

Trong hai phần trước, chúng tôi đã trình bày diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền quân phiệt Nhật Bản từ đó nảy sinh hai biểu hiện đồng thuận rõ ràng của binh lính Nhật trong lịch sử. Hai biểu hiện đồng thuận đó có thể xem như tiền đề, bước đệm phát sinh biểu hiện đồng thuận thứ ba - chiến đấu cảm tử. Nếu như việc rèn luyện tinh thần khắc nghiệt và chiến đấu với lý tưởng trung thành, đền ơn, tận hiếu với Thiên hoàng đã bị xem là cuồng tín, thì ở

đây, hành vi tự sát vì thanh danh thể hiện sự cực đoan đến đỉnh điểm của binh lính Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Ngay từ diễn ngôn cổ vũ việc chiến đấu và rèn luyện khắc nghiệt, quân đội Nhật Bản đã tuyên truyền chủ nghĩa anh hùng cực đoan và chủ thuyết không đầu hàng, ca ngợi cái chết cảm tử của binh lính trong chiến đấu, ca ngợi họ và gia đình như những người anh hùng dân tộc. Những lời ca tụng được phát đi khắp các phương tiện truyền thông, từ đó tự thân những người dân và binh lính Nhật cũng nhìn nhận điều đó là hợp lý, các gia đình tự hào vì con cái họ tham gia chiến đấu thậm chí là chiến đấu cảm tử. Cùng với đó, chính quyền và cấp cao quân đội Nhật Bản lợi dụng sự tôn kính của binh lính đối với Thiên hoàng, niềm tin vào trật tự đẳng cấp để đưa ra những tuyên truyền hoa mỹ về việc cảm tử trong chiến đấu, đó là hy sinh vì Thiên hoàng, tinh thần chiến thắng cái chết (bằng câu chuyện không tưởng của phi công đã chết vẫn có thể trở về căn cứ báo cáo, hoàn thành phận sự [1; tr.47-48]), những người cảm tử là anh hùng... Vì lẽ đó, nhiều binh lính sẵn sàng chiến đấu đến chết và cho rằng điều đó là vinh quang đối với họ, họ đã giữ gìn được danh dự cho bản thân, gia đình, Thiên hoàng, đất nước.

Đối với binh lính Nhật việc bị bắt làm tù binh là một điều nhục nhã (với tư tưởng tuyên truyền của chính quyền rằng tù binh sẽ bị hành hạ dã man, “quân Mỹ đã dùng xe tăng cán chết các tù binh trên đảo Guadalcanal” [1; tr.65]), và để gột rửa thanh danh, họ sẽ lựa chọn trả thù. Từ xa xưa trong lịch sử Nhật Bản, con người đã ưa thích những câu chuyện trả thù, thậm chí còn cổ vũ cho tinh thần trả thù phục hận. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, dường như sự trả thù ấy thể hiện bằng hình thức kéo theo kẻ thù cùng chết, những binh lính thương nặng sẽ từ bỏ sự sống và kéo theo cả binh sĩ phe địch chết cùng. Kiểu gột rửa thanh danh thứ hai là tự sát, đó là hành vi công kích đối với chính bản thân mình. “Theo quan điểm của họ, tự sát, khi được thực hiện đúng, sẽ gột rửa thanh danh và được hậu thế tưởng nhớ.” [1; tr.222]. Trong chiến tranh điều này được thể hiện rất rõ, khi bị thương nặng do thất bại hoặc bị bắt làm tù binh, lính Nhật sẽ lựa chọn tự sát. Việc tự sát ấy có nét tương đồng với việc tự sát của các võ sĩ đạo thời trước. Điều đó giúp họ được chết trong danh dự, tránh việc bị sỉ nhục và giữ gìn thanh danh của mình. Và đây cũng là tiền đề dẫn đến việc quân đội Nhật Bản tạo ra chiến dịch cảm tử vào thời điểm cuối cuộc chiến, khi thất bại của nước Nhật đã rõ ràng, Kamikaze - lá bài tuyệt vọng của Đế quốc Nhật Bản, quân đội Nhật Bản.

Để lý giải nguyên nhân binh lính Nhật phát sinh hành vi tự sát, cảm tử khi chịu ảnh hưởng từ diễn ngôn của chính quyền, chúng tôi đã khảo cứu tiếp về chủ nghĩa khắc kỷ và vấn đề danh dự trong võ sĩ đạo, trong đó có những điểm nhắc đến hành vi tự sát của người Nhật.

Inazo Nitobe đã chỉ ra chủ nghĩa khắc kỷ trong võ sĩ đạo dạy người Nhật luôn rèn luyện tinh thần khắc nghiệt và đến điểm cùng cực sẽ nảy sinh hành vi tự sát. Về vấn đề danh dự trong võ sĩ đạo, mối liên hệ giữa sinh mệnh và danh dự đã được tổng kết lại: “Dẫu có mất mạng cũng không tiếc nếu có được danh dự và tiếng tăm. Vì thế cho nên khi có một lý do nào đó được xem như là quan trọng hơn tính mạng, võ sĩ sẽ hết sức bình thản, sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình.” [12; tr.126]. Tuy nhiên, những quan điểm trên của võ sĩ đạo thống nhất chỉ tự sát vì mục đích hoàn thành nghĩa vụ quan trọng chứ không hề lạm dụng hay sử dụng nó như một cách trốn tránh nghĩa vụ. Những diễn ngôn của chính quyền đã góp phần phát triển tiêu cực những quan điểm của võ sĩ đạo, nhằm tạo ra lối chiến đấu và tư duy cực đoan cho các binh lính Nhật.

Cũng từ sự ảnh hưởng của võ sĩ đạo, đối với người Nhật, thanh danh hay danh dự là một điều cao quý, quan trọng trong cuộc đời. Chính vì điều đó mà người Nhật đặc biệt nhạy cảm với những lời gièm pha, chế nhạo và sự thất bại. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, việc lựa chọn tự sát như một cách để binh lính Nhật bảo trì danh dự, thanh danh của bản thân và cao hơn là của cả gia đình. Trong *Hoa cúc và guơm* có nhắc đến vấn đề người con trai trong gia đình Nhật Bản có vai trò quan trọng, người đó phải đảm nhận mọi trách nhiệm cao cả đối với gia đình mình, nên tự sát khi chiến bại được xem là một cách để họ bảo vệ gia đình mình khỏi bị người đời sỉ nhục, và khi diễn ra chiến dịch cảm tử, bản thân họ trong quân đội không có sự lựa chọn, những người từ chối sẽ bị quy kết là tội đồ, bị xem thường và người nhà họ cũng có thể phải hứng chịu chỉ trích tương tự.

Người Nhật có niềm tin và đã quen thuộc với cuộc sống trong trật tự đẳng cấp. Điều này khiến họ không dám phản kháng và luôn phục tùng mệnh lệnh cấp trên vô điều kiện (đặc biệt khi cấp cao trong quân đội đưa ra những mệnh lệnh do “Thiên hoàng ban xuống”). Vì nguyên nhân ấy, quân đội Đế quốc Nhật Bản dễ dàng ban hành và thực thi những chiến lược không tương bất chấp sinh mệnh của binh lính, điển hình như các chiến dịch cảm tử. Các binh lính Nhật Bản thậm chí được đào tạo chỉ để cảm tử, họ không có sự lựa chọn từ chối, không dám phản kháng cấp trên, và chấp nhận cảm tử như một cách bảo toàn thanh danh cho đất nước, gia đình (khi Nhật Bản đã gần như thất bại trong chiến tranh thế giới thứ hai). Tuy nhiên, hành vi tự sát được người Nhật cho là cao cả ấy lại bị thế giới cho rằng đó là một hành động cực đoan không thể hiểu được, lên án đó là sự quy phục mù quáng đối với nỗi thất vọng. Từ đó dẫn đến quan điểm xem phi đội cảm tử Kamikaze là những kẻ khủng bố giống như ở hiện đại.

Như vậy, trong phần 2.1. *Diễn ngôn về chiến tranh và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực trong lịch sử Nhật Bản thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai*, chúng tôi đã trình bày những diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Đế quốc Nhật Bản trong lịch sử. Sau quá trình khảo cứu một số tài liệu nhân học và lịch sử Nhật Bản liên quan, chúng tôi cố gắng lý giải nguyên nhân để chính quyền Nhật Bản đưa ra những diễn ngôn đó và lý do khiến chúng có sức ảnh hưởng tới người dân Nhật Bản. Qua đó, có thể thấy, binh lính Nhật đã chịu ảnh hưởng và nảy sinh những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực. Những diễn ngôn được hậu thuẫn bởi bối cảnh văn hóa xã hội đặc trưng của Nhật Bản thời đó đã thể hiện được quyền lực và vai trò đặc lực đối với thiết chế quyền lực. Người lính và nhân dân Nhật Bản hầu hết tin tưởng vào chính quyền và có quan điểm khác hẳn với phần còn lại của thế giới về cuộc chiến tranh Thái Bình Dương (hay chiến tranh thế giới thứ hai). Họ tin tưởng tính chính đáng của cuộc chiến và sẵn sàng chiến đấu với tinh thần rèn luyện khắc nghiệt, chiến đấu vì lòng trung thành, đền ơn, tận hiếu với Thiên hoàng và thậm chí tự sát vì thanh danh.

2.2. Diễn ngôn về chiến tranh và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực trong trường hợp *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta

Ở phần trên, chúng tôi đã trình bày và lý giải diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Đế quốc Nhật Bản và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực của binh lính Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai, được các nhà nghiên cứu lịch sử, nhân học ghi lại. Với *Không chiến Zero rực lửa*, tác giả Naoki Hyakuta đã tạo dựng một câu chuyện hư cấu dựa trên những tư liệu lịch sử, những chia sẻ chân thực của những cựu binh Nhật Bản từng tham gia chiến tranh thế giới thứ hai. Chính vì vậy, diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền, quân đội Nhật Bản và những biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực của binh lính Nhật trong tiểu thuyết có nhiều điểm tương đồng với phần 2.1. Trong *Không chiến Zero rực lửa*, những người lính Nhật Bản cũng rèn luyện khắc nghiệt và chiến đấu cảm tử, tuy nhiên ở hai trường hợp khác nhau đó là: sẵn sàng hy sinh, tự nguyện cảm tử trong chiến đấu hoặc cảm tử theo mệnh lệnh của chính quyền quân phiệt và Hải quân Đế quốc Nhật Bản.

2.2.1. Sẵn sàng hy sinh, tự nguyện cảm tử trong chiến đấu

Trong các tài liệu lịch sử, nhân học chúng tôi đã khảo cứu, việc tự sát trong chiến đấu và tham gia chiến dịch cảm tử là hành vi cực đoan, cuồng tín, điên loạn. Ở *Không chiến Zero rực lửa*, tác giả Naoki Hyakuta cũng đã đề cập đến quan điểm của một người trẻ tuổi - đại

diện số đông đồng tình với quan điểm đó và cho rằng quân đội Nhật một thời gian dài bị tẩy não về việc chết vì Thiên hoàng, “Tôi nghĩ những phi công tấn công cảm tử là những người yêu nước cuồng nhiệt, cả đời nguyện hiến dâng mạng sống cho Tổ quốc và Thiên hoàng.”; “Trước chiến tranh, nhiều người chịu ảnh hưởng tư tưởng của nền giáo dục rằng Thiên hoàng là hiện thân của thần linh.” [4; tr.117], và họ nhìn nhận đội quân cảm tử Kamikaze cũng giống như những kẻ khủng bố Hồi giáo cực đoan thời hiện đại bởi tư tưởng cuồng tín ấy. Qua những phân tích về diễn ngôn của chính quyền Nhật Bản trong phần 2.1 có thể thấy điều này có phần đúng với lịch sử nhưng không phải tất cả. Liên hệ với thực tế, trên trang *Japantoday* với chủ đề “*Do you think of Japan's World War II Kamikaze pilots as brave? How would you compare them with today's suicide bombers?*” [19] (Tạm dịch: “*Bạn có nghĩ rằng những phi công Kamikaze Nhật Bản trong thế chiến thứ hai là những người quả cảm? Bạn so sánh họ với những kẻ đánh bom liều chết ngày nay như thế nào?*”) đã có nhiều bình luận với nhiều luận điểm trái chiều. Có những người cho rằng các phi công Kamikaze thật sự quả cảm, dám làm điều khó khăn là tấn công cảm tử vì đất nước và không thể so sánh với khủng bố hiện đại. Một số khác lại đưa ra quan điểm các phi công Kamikaze tương đồng với khủng bố hiện đại, tất cả đều cảm tử vì tín ngưỡng, tôn giáo (nhiều quan điểm nhân học văn hóa đã nói về việc những người lính Nhật trong thế chiến thứ hai tôn sùng và chiến đấu vì Thiên hoàng như thế nào). Nhưng dù quan điểm so sánh tương đồng hay không tương đồng với những kẻ khủng bố ở hiện đại thì hầu hết họ đều cho rằng những người phi công cảm tử Kamikaze đã bị tẩy não bởi chính quyền và cấp trên quân đội Đế quốc Nhật.

Trong bài viết *How Japan's Youth See The Kamikaze Pilots of WW2* [21] (Tạm dịch: *Giới trẻ Nhật Bản nhìn nhận những phi công Kamikaze trong thế chiến thứ hai như thế nào?*) trên *BBC news* tác giả đã phỏng vấn ý kiến của giới trẻ Nhật Bản ngày nay và quan điểm của họ về những người phi công cảm tử Kamikaze Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai. “Irrational, heroic and stupid” [21] (Tạm dịch: *Phi lý, anh hùng, ngu ngốc*) là những gì người trẻ Nhật Bản miêu tả về Kamikaze. Khi hiện tại chỉ có 11% người trẻ Nhật Bản được hỏi sẵn sàng hy sinh vì đất nước nếu xảy ra chiến tranh (theo thống kê khảo sát của WIN/Gallup International) thì việc sử dụng ba từ trên miêu tả về phi công Kamikaze trong quá khứ là điều tất yếu. Đã không còn là một nước Nhật đậm chủ nghĩa dân tộc và tư tưởng rèn luyện tinh thần khắc nghiệt trong quá khứ, Nhật Bản của hiện tại với những con người tư duy chủ nghĩa cá nhân thật khó để họ nghĩ đến chiến tranh và hy sinh vì đất nước.

Từ một số bài báo trên có thể thấy sự khác biệt trong tư tưởng của người Nhật ở hai giai đoạn khác nhau. Điều này chứng tỏ mối quan hệ chặt chẽ giữa diễn ngôn về chiến tranh và thiết chế quyền lực. Diễn ngôn đã đóng vai trò đắc lực giúp chính quyền tác động lên tư

tướng của người dân, binh lính đúng như mục đích cần đạt được (lịch sử đã ghi nhận việc binh lính Nhật Bản chiến đấu cảm tử, cực đoan). Sự ảnh hưởng này có được nhờ những vấn đề tồn tại trong xã hội Nhật Bản thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai và trước đó, đó là ý thức hệ Kokutai được đưa vào giáo dục trong nhà trường, quyền lực và vị trí linh thiêng của Thiên hoàng, cực đoan hóa vấn đề tự sát vì danh dự, trung nghĩa trong võ sĩ đạo, phân biệt đẳng cấp trong xã hội và quân đội nặng nề...

Tác giả Naoki Hyakuta đã đặt bối cảnh câu chuyện vào thời gian 60 năm sau khi kết thúc chiến tranh, khi hai nhân vật là người cháu của một cựu phi công Nhật từng tham gia tấn công cảm tử Kamikaze quyết định tìm hiểu về cuộc đời cũng như sự hy sinh của người ông họ chưa từng tiếp xúc hay biết đến trước đây. Hai người cháu vốn không có bất cứ tình cảm gì với người ông quá cố qua những câu chuyện được các cựu binh kể lại lật giở về quá khứ ác liệt đã xa, tìm về những giá trị con người xưa cũ, thay đổi cách nhìn nhận về những người lính cảm tử Kamikaze. Bối cảnh ấy cũng dẫn dắt độc giả cùng với hai nhân vật tìm hiểu và khai phá những góc khuất về cuộc đời người lính Nhật, góc khuất trong quân đội, chính quyền và xã hội Nhật Bản trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai.

Tương tự như trong lịch sử, *Không chiến Zero rực lửa* đã nhắc đến diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền, quân đội Nhật Bản, đó cũng là những phát ngôn ca ngợi tinh thần chiến đấu, rèn luyện khắc nghiệt, chủ nghĩa anh hùng cực đoan, chủ thuyết không đầu hàng và hành động cảm tử. Chính quyền và báo đài không ngừng ca ngợi những hy sinh trong cuộc chiến, những người lính chiến đấu cảm tử, không chịu khuất phục làm tù binh được gọi là những người anh hùng. Ngược lại, những người lính bị bắt làm tù binh bị coi là kẻ phản bội, không chỉ bản thân họ mà ngay cả gia đình họ cũng bị khinh thường, chịu sự nhục mạ từ chính người dân xung quanh, “khi ấy có một chiếc mắc kẹt tại cửa vịnh, một người đã bị bắt làm tù binh. Đại bản doanh rầm rộ tán dương 9 chiến sĩ hy sinh và bỏ qua sự tồn tại của người bị bắt và còn sống là thiếu úy Sakamaki. [...] nhà của anh ấy bị ném đá, các bức thư quấy nhiễu đầy những lời lẽ như “Đồ phản động”, “Sao không tự sát?” từ khắp cả nước đổ tới.” [4; tr.388]; “ngược với thiếu úy Sakamaki, 9 chiến sĩ đã hy sinh kia, dân làng và trẻ con xếp hàng xung tụng họ như anh hùng.” [4; tr.388]. Những chi tiết ấy đã cho thấy một xã hội khắc nghiệt đối với những người lính, vì phát ngôn của chính quyền và báo chí khắp cả nước, trong quân đội, họ không còn sự lựa chọn nào ngoài việc sẵn sàng hy sinh trong cuộc chiến thay vì đầu hàng - đối với họ là nỗi nhục kinh khủng hơn cả cái chết.

Như đã trình bày ở phần trước, thanh danh đối với người Nhật rất quan trọng, và đối với họ, lựa chọn cái chết là một cách gột rửa thanh danh của họ và hơn nữa là của gia đình họ. Việc lựa chọn tự nguyện hy sinh trong cuộc chiến còn đến từ việc chính quyền, quân đội Đ

quốc Nhật Bản không ngừng tuyên truyền với toàn thể binh lính về việc tù binh sẽ bị đối xử man rợ, phải tuân theo chủ thuyết không đầu hàng: “Chúng ta đã được lệnh rằng, nếu bị trúng đạn trong cuộc không kích và thấy khó có thể quay về thì phải tấn công cảm tử. Chúng ta cũng được dạy rằng, không thể sống mà chấp nhận sự nhục nhã của một tù nhân...” [4; tr.79]. Điều đó khiến binh sĩ bài xích việc đầu hàng và lựa chọn tự sát, bởi họ quan niệm cái chết ấy sẽ giúp họ tránh khỏi cuộc sống nhục nhã. Và điều này cũng tương tự với những chi tiết khảo cứu được trong lịch sử, nhân học Nhật Bản.

Trong *Không chiến Zero rực lửa*, tác giả Naoki Hyakuta đã xây dựng hình tượng người lính Nhật sẵn sàng hy sinh, cảm tử trong chiến đấu với thái độ, quan điểm khác nhau. Họ cùng tiếp nhận sự ảnh hưởng bởi diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền và Hải quân Đế quốc Nhật Bản nhưng họ lại đồng thuận theo suy nghĩ riêng khác biệt nhau hoàn toàn. Có người giống như quan điểm của các nhà nhân học, sử học đó là họ chiến đấu cực đoan và tự sát trong chiến tranh như những kẻ cuồng tín, điên loạn, được khắc họa qua nhân vật cựu binh Hasegawa Umeo.

Việc phải sống trong hoàn cảnh cơ cực, bị bóc lột, đối xử tàn tệ đã thúc đẩy Hasegawa gia nhập Hải quân Đế quốc, điều này giống với hiện thực lịch sử khi nhiều binh lính xem việc tham gia quân đội là cách để chạy trốn hiện thực đầy nghèo khó, đau khổ, bất hạnh. Diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền, quân đội Nhật Bản đã hoàn toàn ảnh hưởng đến ông theo hướng cực đoan nhất. Sau khi trở thành phi công, Hasegawa điên cuồng chiến đấu không sợ chết, điều này được thể hiện rất rõ qua lời hồi tưởng của ông, thậm chí, đã đi qua chiến tranh nhiều năm nhưng tư tưởng của Hasegawa dường như chưa từng đổi thay: “Chiến trường là nơi chiến đấu, không phải nơi để chạy trốn. [...] Nếu đã ra chiến trường thì phải tiêu diệt kẻ địch trước mắt, đó là nhiệm vụ của một quân nhân.” [4; tr.32]; “Chúng ta giao phó thân mình cho những chiếc chiến cơ, lao vào luyện tập bằng cả linh hồn và thể xác...” [4; tr.36]. Cũng vì chiến tranh mà sau đó Hasegawa bị thương nặng mất một cánh tay, khiến ông không thể chiến đấu được nữa. Thế nhưng, đối với những người có tư tưởng thiên hướng cuồng tín như Hasegawa, những người thận trọng và trốn tránh việc hy sinh trong chiến tranh như nhân vật Miyabe là không thể chấp nhận. Thậm chí, Hasegawa có suy nghĩ cực đoan, đổ lỗi, khi bản thân phải chịu nhiều khổ còn những người như Miyabe lại mơ ước đến hạnh phúc cá nhân trong thời điểm sinh tử cận kề. “Đó là một trận chiến rất khốc liệt. Đội Zero trở về, không chiếc nào thiếu những lỗ đạn trên thân, vậy mà hắn vẫn hoàn toàn lành lặn, không thương tích. Trong khi bọn ta chiến đấu hết mình thì hắn ở đâu? Khi ta bị trúng đạn thì hắn đã ở đâu?” [4; tr.49]. Sau chiến tranh, trở lại cuộc sống bình thường, một lần nữa Hasegawa phải

đối diện với thực tại cuộc sống cơ cực, bất hạnh, bị người đời ghẻ lạnh vì quá khứ là quân nhân. Người cựu binh này luôn khát khao được chết trong chiến tranh, nhớ lại những kỷ ức huy hoàng thời chiến, đối sánh với thực tại càng tăng thêm ham muốn được tham gia tấn công cảm tử ngay trước, vì cho rằng đó là hy sinh oanh liệt vì Tổ quốc. “Ta chưa bao giờ sợ cái chết. So với cuộc sống khổ sở lấm lem bùn đất ở nơi quê mùa này, thì hy sinh oanh liệt như một tráng nam nhi chẳng phải đích đáng hơn sao.” [4; tr.50]. Tuy nhiên, đó không hẳn là tinh thần yêu nước. Sự ham muốn cảm tử của ông Hasegawa dường như chỉ xuất phát từ những ảm ức đối với thực tại khắc nghiệt của mình, mong mỗi được chết chỉ là cách để ông chạy trốn khỏi chuỗi ngày đau khổ thực tại. Ông là con người cô độc vĩnh viễn không thể hòa nhập với xã hội, chỉ có quân đội là nơi ông có thể thỏa mãn tư tưởng cực đoan, thù đời của mình. Cái chết trong chiến tranh mà Hasegawa mong muốn chỉ là trốn chạy, đó không phải cái chết cao cả vì danh dự như ông suy nghĩ và nói ra.

Một trường hợp cựu binh khác, người sống với lý tưởng của võ sĩ, căm thù hiện thực xã hội, đó là nhân vật cựu binh Kageura Kaizan, một yakuza (tổ chức tội phạm truyền thống ở Nhật Bản, tương tự như mafia tại Ý) đã nghỉ hưu. Ông Kageura có một tuổi thơ bất hạnh và gia đình ghẻ lạnh, đó là tiền đề cho việc gia nhập quân đội, một sự giải thoát khỏi hiện thực. Điều này cũng giống với những người tự nguyện gia nhập quân đội nhằm chạy trốn khỏi cuộc sống hỗn loạn trong lịch sử Nhật Bản thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai.

Cựu binh Kageura mang trong mình dòng máu võ sĩ samurai, chính vì vậy ông đặc biệt ham thích việc chiến đấu và không hề sợ cái chết. Mặc dù tiếp nhận diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền nhưng bản thân Kageura không có bất cứ ràng buộc nào và chiến đấu vì chính bản thân mình, vì sở thích: “Tao không chiến đấu vì quốc gia. Hiển nhiên, cũng không phải vì quốc dân. Cũng không phải vì gia đình. Lại càng không phải vì Thiên hoàng. Tuyệt đối không!” [4; tr.415]. Việc chiến đấu và sẵn sàng cảm tử chỉ để thỏa mãn ý chí cá nhân và tự thân cảm thấy điều đó làm cho cái chết có ý nghĩa hơn, như những võ sĩ thuở trước. Như đã trình bày ở phần trước, những diễn ngôn của chính quyền Nhật Bản có điểm tương đồng với quan điểm của võ sĩ đạo, nhưng theo hướng biến thể cực đoan hóa, và ở đây, trường hợp cựu binh Kageura sẵn sàng hy sinh trong chiến đấu gần với quan điểm của võ sĩ đạo, ông không hoàn toàn chịu ảnh hưởng từ diễn ngôn của chính quyền. “Từ khi trở thành phi công, tao đã quyết sống như một võ sĩ. [...] Hồi tao còn nhỏ, mẹ tao thường nói: ‘Trong người con chảy dòng máu samurai. Hãy sống anh dũng như một võ sĩ!’ Chính vì thế, cuộc chiến tranh đó là dành cho tao. Tao không chiến đấu vì ai cả. Tao chiến đấu vì chính mình.” [4; tr.416]. Kageura muốn chiến đấu và chết bởi một người tài giỏi hơn mình, bởi đó mới là

tinh thần của võ sĩ đạo, cái chết đầy danh dự. “Tao muốn mình được chết như một phi công, bị người giỏi hơn mình giết hạ.” [4; tr.431]. Quan điểm chiến đấu của Kageura chỉ tương tự về việc rèn luyện tinh thần khắc nghiệt và sẵn sàng hy sinh (vì dòng máu võ sĩ trong người).

Ngoài những nhân vật sẵn sàng chết vì khát vọng cá nhân như trên, Naoki Hyakuta có xây dựng trong tiểu thuyết những nhân vật chịu ảnh hưởng và tin tưởng vào những diễn ngôn của chính quyền, quân đội. Họ chiến đấu hết mình và không ngại hy sinh vì Tổ quốc, Thiên hoàng như những gì Ruth Benedict đã nhắc đến trong *Hoa cúc và guom*.

Chẳng hạn nhân vật cựu binh Ito Kanji, đại diện cho phần đông binh sĩ Nhật bảy giờ với tư tưởng hết sức phổ biến: cảm thấy cái chết trong chiến tranh là điều rất bình thường, hiển nhiên và luôn sẵn sàng cho cái chết. Chính quyền, quân đội, báo đài thường xuyên tuyên truyền về chủ thuyết không đầu hàng, chủ nghĩa anh hùng cực đoan, coi nhẹ chủ nghĩa cá nhân và điều đó đã ăn sâu, ảnh hưởng đến tâm lý chung của toàn bộ binh sĩ quân đội Nhật Bản, điều mà sau này thế hệ trẻ và những người khác cho rằng họ là những người bị tẩy não. Họ luôn nghĩ rằng quân nhân phải dẹp bỏ bản năng muốn sống như người bình thường, coi thường những người không muốn chết, cho rằng sợ chết trong chiến đấu là nhát gan. “Hiển nhiên, con người không ai muốn chết. Nhưng ta nghĩ đã là quân nhân thì phải dẹp bỏ bản năng đó. Giống như con người kiềm chế nhiều bản năng và dục vọng để sống trong xã hội, quân nhân có thể dẹp bỏ khao khát muốn sống là việc rất quan trọng.” [4; tr.81]. Những người lính Mỹ cũng bị coi thường vì cho rằng Mỹ là một quốc gia đa dân tộc, con người luôn sống với chủ nghĩa cá nhân và không hề có lòng yêu nước, đời sống chủ nghĩa vật chất... Điều này giống với những dẫn chứng về diễn ngôn của chính quyền Nhật Bản trong lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai.

Nhưng có một sự thật khác được hé lộ qua lời của nhân vật cựu binh Ito Kanji, ông khẳng định những người lính chiến đấu không màng tính mạng không hẳn vì Thiên hoàng mà còn vì tinh thần yêu nước. Điều đó thể hiện việc chiến đấu cảm tử của binh lính Nhật không hẳn vì sự cuồng tín với Thiên hoàng hay chủ nghĩa dân tộc cực đoan như những ghi chép lịch sử, nhân học, “...sự thật thì người Nhật chúng ta chiến đấu không màng tính mạng vốn không hẳn vì Thiên hoàng mà còn vì tinh thần yêu nước.” [4; tr.107]. Việc họ cảm tử chỉ đơn thuần là tình yêu nước, suy nghĩ chiến đấu đến phút cuối cùng với kẻ thù để bảo vệ đất nước, cũng là bảo vệ gia đình thân yêu của những thanh niên trẻ tuổi. Hoặc có những người lính, sau khi chiến dịch cảm tử diễn ra một thời gian, họ đã bị hủy hoại về tâm hồn khi phải chứng kiến quá nhiều cái chết của các phi công trẻ còn đầy hy vọng trong tương lai và sự đau đớn của những giáo quan phải huấn luyện bay cho những phi công cảm tử. Sự hủy hoại tâm hồn, ám ảnh về

chết chóc ấy đã đeo bám nhân vật chính Miyabe Kyuzo khiến anh đưa ra lựa chọn chấm dứt sinh mệnh vào giây phút cuối cùng dù bản thân luôn khát khao được sống.

Đề lý giải hành vi đồng thuận này của binh lính Nhật trong *Không chiến Zero rực lửa*, có thể soi chiếu vào bối cảnh lịch sử, xã hội Nhật Bản thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, đã được khắc họa qua những lời tường thuật, hồi ức của các cựu binh. Bối cảnh đó giống như những ghi chép của lịch sử, nhân học về nước Nhật thời điểm bấy giờ. Đó là vấn đề phân chia đẳng cấp xã hội khắc nghiệt, đời sống nhân dân khổ cực, cần kiệm, nghèo đói, kinh tế xã hội kiệt quệ vì toàn lực đầu tư vũ trang (trái ngược hoàn toàn những tuyên truyền rèn luyện tinh thần, từ bỏ vật chất của chính quyền), sự lên ngôi của chủ nghĩa quân phiệt, quá khứ hào hùng của võ sĩ đạo khiến nhiều người tiếc nuối và điều quan trọng nhất, nhân dân Nhật Bản đã bị diễn ngôn của chính quyền ảnh hưởng sâu sắc. Mọi tin tức trên các phương tiện truyền thông bị chính quyền, quân đội chi phối theo mục đích cực đoan hóa tư tưởng của người dân, thậm chí có những người thuộc thành phần trí thức (đại diện nắm giữ tri thức số đông) cũng hỗ trợ đắc lực trong việc truyền bá những quan điểm bất hợp lý của chính quyền vào đời sống tư tưởng, giáo dục toàn dân...

Chính bối cảnh đó đã thúc đẩy hành vi sẵn sàng hy sinh, cảm tử trong chiến đấu của người lính Nhật (dù xuất phát từ quan điểm, mục đích khác nhau). Người muốn cảm tử để thoát khỏi thực tại cô độc khốn khổ, người muốn chiến đấu và hy sinh như tinh thần võ sĩ đạo thuở trước và phần đa số thì muốn hy sinh để bảo vệ Tổ quốc, gia đình và những người thân yêu. Điều này chứng tỏ những binh lính Nhật thực sự chịu ảnh hưởng từ diễn ngôn của chính quyền, quân đội nhưng không phải tất cả đều là niềm tin mù quáng, cuồng tín như trong lịch sử ghi chép. Họ vẫn có tư tưởng, quan điểm của riêng mình và biểu hiện đồng thuận với thiết chế quyền lực - hành vi sẵn sàng hy sinh, cảm tử trong chiến đấu là cách để họ thực hiện mục tiêu của mình, điều đó vô tình tạo nên sự hưởng ứng với diễn ngôn phi lý của chính quyền, quân đội quân phiệt và hoàn thành được những mục đích, âm mưu đằng sau đó của thiết chế quyền lực.

2.2.2. Cảm tử theo mệnh lệnh của chính quyền quân phiệt và Hải quân Đế quốc Nhật Bản

Nếu trong các tài liệu lịch sử và nhân học chỉ viết về những người lính Nhật cảm tử theo lời kêu gọi của chính quyền quân phiệt như những kẻ cuồng tín theo chủ nghĩa anh hùng cực đoan thì trong *Không chiến Zero rực lửa* nhà văn Naoki Hyakuta đã nhìn nhận theo một cách khác. Đằng sau hành vi cảm tử của binh lính theo mệnh lệnh của chính quyền và Hải

quân Đế quốc Nhật Bản không đơn thuần là việc làm quy phục mù quáng với Thiên hoàng và diễn ngôn của thiết chế quyền lực. Đằng sau đó là nhiều vấn đề về văn hóa, xã hội - tiền đề cho sự ảnh hưởng của diễn ngôn đối với những người lính Nhật, được Naoki Hyakuta thể hiện rất rõ qua hồi ức của các cựu binh Nhật Bản - những người trực tiếp tham gia và chứng kiến giai đoạn chiến tranh thế giới thứ hai ác liệt, cùng với đó là sự tìm hiểu, đánh giá đa chiều về giai đoạn lịch sử đó của chính thế hệ sau này, những người trẻ tuổi.

Những kẻ đứng đầu chính quyền quân phiệt, Hải quân Đế quốc Nhật Bản đã tuyên truyền những luận điệu và tư tưởng xảo trá, cực đoan của mình để kích động lòng yêu nước của phần đông thanh niên, khiến họ đầy nhiệt huyết tham gia chiến đấu. Giống như quan điểm trình bày trong *Hoa cúc và guom* của Ruth Benedict, binh lính trong quân đội đã được tuyên truyền rằng đầu hàng trở thành tù binh sẽ bị hành hạ khủng khiếp và đó là một điều nhục nhã, với những người mang tư tưởng võ sĩ đạo trọng danh dự thì tất yếu việc tự sát là cách giúp họ giữ gìn danh dự bản thân, cảm thấy cái chết có ý nghĩa. Cùng với đó việc tuyên truyền tư tưởng không chấp nhận thất bại, chủ thuyết không đầu hàng, phải coi nhẹ sinh mệnh đã ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng của binh lính Nhật Bản. Hơn nữa, chính quyền, quân đội với sự trợ giúp từ báo chí, phát thanh đã không ngừng ca ngợi cái chết, ví cái chết trong cuộc chiến thật đẹp đẽ, hào hùng, đội quân bị toàn diệt nhưng lại lấp liếm nỗi đau thương, tội ác chiến tranh của những kẻ đứng đầu bằng cụm từ “hy sinh oanh liệt” như lời cựu binh Okabe Masao trong tác phẩm có đề cập: “Ngay cả trên báo cũng không hiếm các dòng Hy sinh oanh liệt. Nó có nghĩa là Toàn diệt. Là toàn quân đều phải chết. Người ta dùng từ Hy sinh oanh liệt thế cho Toàn diệt, nhằm che giấu đi sự bi thương. Thời ấy, Quân đội Nhật Bản dùng vô số từ thay thế như vậy.” [4; tr.354]. Ngay cả khi thực hiện chiến dịch cảm tử, chính quyền, quân đội và báo đài vẫn dùng những ngôn từ hoa mỹ ấy để che giấu tội ác thật sự, khiến nhân dân tin tưởng binh lính hy sinh trong chiến dịch cảm tử là vinh quang, dù chiến dịch ấy chỉ là vô nghĩa khi kết cục chiến bại của Nhật Bản đã thấy rõ, “Chẳng mấy chốc, trên báo tràn ngập những câu như “Một triệu người chết cho vinh quang.” [4; tr.354].

Cũng có những người lính qua ngôn từ hoa mỹ của chính quyền, quân đội đã thực sự mong muốn cảm tử vì đất nước, tuy nhiên, trong *Không chiến Zero rực lửa*, Naoki Hyakuta đã vén màn lịch sử và cho thấy một bối cảnh thực tế tang thương, nặng nề trong quân đội suốt giai đoạn cuối cuộc chiến - thời điểm diễn ra chiến dịch cảm tử Kamikaze. Chiến dịch cảm tử ấy được lịch sử nhận định là hành động tuyệt vọng của quân đội Nhật Bản khi cuộc chiến ngày càng bế tắc và kết quả chiến bại đã rất rõ ràng.

Giáo trình lịch sử Nhật Bản (quyển hạ) của Nguyễn Nam Trân đã trích dẫn một bài viết từ cuốn *Story - Nihon no reikishi* của Okumiya Masatake, Kamizu Naotsugu về Kamikaze và Kaiten, đó là những lá bài tuyệt vọng. Sau những thất bại liên tiếp trước Mỹ, quân đội Nhật Bản đã áp dụng chiến pháp tấn công cảm tử và xem đây là giải pháp cuối cùng cứu vãn kết cục thất bại đang dần hiện rõ trước mắt, đó là những Kamikaze (gắn bom vào máy bay để đâm đầu xuống chiến hạm địch), Kaiten (tiềm thủy đỉnh cá nhân gắn ngư lôi), Oka (những đặc công buộc trái phá vào đầu), Shinyo (đặc công sử dụng thuyền máy để tấn công địch). Những người tham gia vào các chiến dịch cảm tử ấy đều còn rất trẻ, họ là những thanh niên trong độ tuổi từ 18 - 23, có cả người đang là sinh viên theo học những trường đại học hàng đầu ở Nhật Bản, họ là những chàng trai có tương lai tươi sáng đón chờ, còn cả tuổi trẻ rực rỡ phía trước, chưa có nhiều trải nghiệm cuộc đời, có gia đình thân yêu nhưng tất cả đã phải kết thúc sinh mệnh quá sớm vì tư tưởng cực đoan không chấp nhận thất bại và coi thường sinh mệnh con người của Bộ Tham mưu. Đã có tới 4.400 người tử trận vì chiến dịch này. Ban đầu những người tham gia là tự nguyện, càng về cuối cuộc chiến lại biến chuyển thành mệnh lệnh bắt buộc.

Những dẫn chứng lịch sử ấy đã được tái hiện hoàn toàn qua lời kể của từng nhân vật cựu phi công Nhật Bản trong *Không chiến Zero rực lửa*, “Ngay cả sinh viên Đại học từ trước đến nay được hoãn nghĩa vụ quân sự cũng bị bắt đi quân dịch. Chúng ta bước vào thời đại cả quốc dân đều là lính chiến.” [4; tr.344]; “Có hơn 4.400 người chết vì tấn công cảm tử. Gần nửa số đó là các phi công xuất thân từ học viên dự bị.” [4; tr.345]; “Quân đội thời bấy giờ hoàn toàn không nghĩ đến sinh mệnh của binh sĩ. 4.400 thanh niên trẻ đã hy sinh vì tấn công cảm tử...” [4; tr. 357]. Dù câu chuyện của mỗi người khác nhau nhưng phần lớn câu chuyện của họ đều mang màu sắc bi thương vì cái chết của vô số đồng đội, bạn bè, và hơn cả, khi nhắc lại quãng thời gian đó, họ đều cảm thấy nỗi sợ hãi ủa về. Có thể thấy trên thực tế, những phi công cảm tử đã được đặt trong kế hoạch của Bộ Tư lệnh, việc triệu tập và đào tạo họ ngay từ đầu đã không phải là mục đích chiến đấu trên chiến trường, họ chỉ là lá bài tuyệt vọng, đào tạo cho cái chết. Vì vậy, họ phải học cách rèn luyện tinh thần để chấp nhận cái chết được định sẵn từ cấp trên, họ không có sự lựa chọn nào khác, phải suy nghĩ về đất nước, gia đình để có thể thực hiện nhiệm vụ của đội quân cảm tử. Đó là thời khắc vô cùng khó khăn, đau đớn. Sau này, có quan điểm cho rằng Kamikaze giống với khủng bố hiện đại nhưng Maxwell Taylor Kennedy (tác giả cuốn sách *Danger's Hour: The Story of the USS Bunker Hill and the Kamikaze Pilot Who Crippled Her*, tạm dịch: *Giờ khắc Nguy hiểm* viết về Kamikaze) lại có quan điểm khác: “Họ hết sức yêu nước, nhưng cũng đồng thời sống vô cùng lý tưởng” [2]. Ban đầu Kennedy cũng có suy nghĩ về sự cuồng tín nào đó của các phi công Kamikaze nhưng

khi tìm hiểu ông đã nhận thấy họ cũng như mọi thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết khác, họ không giống những kẻ khủng bố hay đánh bom tự sát hiện tại, họ buộc phải thực hiện nhiệm vụ trong chiến tranh mà không có lựa chọn khác và quan trọng hơn họ không tấn công dân thường mà nhằm vào quân Đồng minh giao chiến.

Đến tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa*, Naoki Hyakuta đã nói đến một sự thật ít được nhắc tới trong lịch sử trong việc tạo dựng đội quân cảm tử Kamikaze. Nguyên nhân của việc những phi công nói riêng hay binh lính Nhật nói chung chấp nhận mệnh lệnh cảm tử của cấp trên một phần do ảnh hưởng từ diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền và một phần khác quan trọng hơn xuất phát từ việc phân chia cấp bậc khát khe trong quân đội Nhật Bản. Chính sự phân chia đẳng cấp ấy chính đã giúp cho cấp cao quân đội có thể phát ngôn bằng lời lẽ xảo trá, đưa ra những mệnh lệnh hết sức phi lý mà ko ai có thể phản bác. Những binh sĩ trong quân đội Nhật Bản không có khả năng từ chối mệnh lệnh cấp trên và họ cũng không thể tránh khỏi việc tham gia tấn công cảm tử, đó là mệnh lệnh bắt buộc. “Quân lính bị áp đặt rằng “Lệnh của cấp trên là lệnh của Thượng Đế”. Với tội kháng lệnh nếu bị đưa ra Tòa án quân sự có thể sẽ bị tử hình.” [4; tr.389]. Điều này đã được Ruth Benedict nhắc đến trong *Hoa cúc và gươm* và đã được trình bày trong phần trước.

Như những lời tự thuật của các cựu binh trong tiểu thuyết, các cảm tử quân không phải người hùng hay kẻ điên, họ chỉ đang chấp nhận cái chết không thể tránh khỏi và mong muốn điều đó có ý nghĩa, đó là cái chết vì bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ gia đình. Việc đăng ký tình nguyện tham gia tấn công cảm tử chỉ là tiền đề hiển nhiên, một thủ tục, một cách để hợp thức hóa chiến dịch vô nhân đạo, như lời kể của người cựu binh trong tiểu thuyết: “Chúng ta bị bắt viết đơn tình nguyện tham gia tấn công vào ngày cuối của khóa đào tạo. Đó là một mệnh lệnh mang hình thức đơn xin tự nguyện. Chính vì thế mà các cảm tử quân bị những người ban lệnh nói rằng ‘Bọn chúng tham gia tấn công là do ý nguyện của bản thân’.” [4; tr.391].

Những cảm tử quân khi đăng ký tham gia có suy nghĩ, đắn đo rất nhiều về gia đình, đất nước, thậm chí có những người đã biết được việc tấn công cảm tử không thể làm thay đổi kết cục cuộc chiến nhưng vì tình yêu và mong muốn bảo vệ đất nước, gia đình cùng sự sợ hãi cấp trên đã khiến họ buộc mình lựa chọn cái chết. Có người phải tự ép mình vào trạng thái cuồng tín của chủ nghĩa anh hùng cực đoan để chấp nhận cái chết. “Không chàng trai nào mơ tưởng về một cái chết vinh quang của chủ nghĩa anh hùng. Chắc hẳn cũng có những người tự ép mình vào trạng thái tinh thần đó để chấp nhận cái chết...” [4; tr.383]. Những tân binh non trẻ, chưa một lần được chiến đấu thật sự, họ chỉ được tập huấn bay cảm tử. Các cảm tử quân đều là những binh lính trẻ, xuất thân từ sinh viên đại học vốn đầy ước mơ, hy vọng cho tương

lai lại phải “Tập huấn cho cái chết” [4; tr.361]. Nếu những người tham gia chiến đấu và hy sinh đã để lại nhiều đau thương thì những người phải tập luyện cho cái chết, chuẩn bị tinh thần cho việc chắc chắn phải chết là sự khủng bố rất lớn về mặt tinh thần.

Trong lịch sử có nói đến việc chính quyền và quân đội, báo chí lan truyền nội dung di thư của các binh lính cảm tử như một cách thể hiện sĩ khí của binh lính và ca ngợi chiến dịch tàn bạo ấy. Thế nhưng trong *Không chiến Zero rực lửa*, qua lời tiết lộ của các cựu binh, thực tế, cấp cao quân đội đã can thiệp, kiểm duyệt di thư, nhật ký của binh lính, đặc biệt là của các cảm tử quân. “Những câu chữ phê phán quân đội hay chiến tranh là tuyệt đối cấm. Hơn nữa, cũng không được phép viết những điều nhu nhược không xứng với một quân nhân. Họ đã phải đặt suy nghĩ của mình vào từng dòng chữ trong sự quản chế khắt khe đó.” [4; tr.377]. Trong di thư cảm tử quân chỉ được phép viết những lời ca tụng, thể hiện sự tự hào, yêu nước bởi lẽ xuyên suốt cuộc chiến, chính quyền và quân đội Đế quốc vẫn không ngừng đưa ra những diễn ngôn lừa dối quốc dân đầy khí thế, mang đậm màu sắc chủ nghĩa anh hùng, ca ngợi hy sinh vì đất nước, Thiên hoàng. Họ không được viết phê phán quân đội, phê phán chiến tranh, những điều nhu nhược, và bản thân người lính cũng không muốn viết lời lẽ đau thương vì lo sợ gia đình đau khổ, họ muốn để gia đình được thấy tình cảm yêu thương, mong muốn bảo vệ gia đình, Tổ quốc của mình. Chính việc di thư và nhật ký chỉ được viết ca tụng, tự hào chết vì đất nước, Thiên hoàng cùng sự nguy hiểm, thoải phòng của những kẻ chỉ huy chiến dịch, “Cảm tử quân là tự nguyện. Họ chân thành hiến dâng tính mạng cho Tổ quốc từ tận đáy lòng.” [4; tr.386] mà các cảm tử quân phải nhận sự phán xét, bị xem là khủng bố.

Chính sự phân chia đẳng cấp nặng nề trong quân đội là tiền đề cho việc tuyên truyền diễn ngôn hoa mỹ, xảo trá về hành vi cảm tử của binh lính Nhật và góp phần thúc đẩy chính quyền, quân đội Đế quốc Nhật Bản thực hiện chiến dịch cảm tử. Ngay từ đầu chiến tranh, sự coi thường, phân biệt đối xử trong quân đội đã rõ rệt: “Hẳn không nơi nào đánh người tàn bạo như quân đội Nhật Bản nhất là với lính hải quân. [...] sĩ quan cấp trên đánh rất thẳng tay.” [4; tr.35]; “Sự đả ngộ đối với các binh sĩ và hạ sĩ quan trong hải quân tồi tệ đến khủng khiếp.” [4; tr.137]. Những sĩ quan vốn xuất thân danh giá nên được đả ngộ cao, ở một đẳng cấp khác biệt so với hạ sĩ quan và binh lính, lính bảo trì xuất thân thường dân, nghèo hèn. Sự phân biệt ấy không chỉ ở đả ngộ mà còn thể hiện ở khả năng kiểm soát, quyền chỉ huy, ra lệnh của sĩ quan đối với cấp dưới. Trong quân đội Nhật Bản đương thời, mệnh lệnh của thượng cấp là tuyệt đối. Những diễn ngôn cũng được những kẻ đứng đầu quân đội ấy sử dụng để thực hiện quyền lực. Vào giai đoạn cuối cuộc chiến, những kẻ cấp cao chỉ quan tâm tới chức vị của

mình đã ra lệnh “Toàn quân tấn công cảm tử” và “dù không tình nguyện cũng có lệnh bắt buộc tham gia” [4; tr.318], cái chết đã được định sẵn cho tất cả binh lính.

Sự phân chia đẳng cấp đã tiếp tay cho việc coi rẻ sinh mệnh binh lính, tạo ra chiến dịch hoang đường đó. Những người lính trẻ tuổi chiến đấu vì Tổ quốc nhưng sinh mệnh bị coi rẻ không bằng những trang bị vũ khí, họ được lệnh phải cảm tử nếu sau cuộc chiến gặp trục trặc không thể quay lại, cơ sở y tế tồi tệ thiếu thốn, như trong *Không chiến Zero rực lửa*, khi số lượng máy bay sản xuất ra không đủ thì máy bay còn trân quý hơn sinh mệnh của phi công, những người đứng đầu cho rằng phi công có thể thay thế nhanh chóng còn máy bay thì không, “đối với sĩ quan cấp cao của quân đội, binh lính Lục quân, binh sĩ Hải quân và cả phi công là thứ chỉ cần tốn một đồng năm cắc là có thể triệu tập bao nhiêu cũng có.” (một đồng năm cắc là giá tiền một tờ lệnh chiêu quân) [4; tr.327]. Hay sinh mệnh họ chỉ được coi như vũ khí trên chiến trường, “Chúng ta, binh sĩ và hạ sĩ quan, ngay từ đầu chỉ là công cụ của bọn họ, đối với các sĩ quan, mạng sống của hạ sĩ quan và binh lính cũng chỉ như những viên đạn của khẩu súng.” [4; tr.189]; “Các binh lính và hạ sĩ quan ở hầu hết các chiến trường đều bị sử dụng như những viên đạn pháo.” [4; tr.267]. Chiến dịch tấn công cảm tử dù không đem lại sự thay đổi tình hình cuộc chiến nhưng với những kẻ đứng đầu chính quyền, quân đội Đế quốc Nhật Bản, sinh mệnh của binh lính cũng chỉ như những vũ khí, “món hàng” có thể đem ra đánh cược bất chấp kết quả. “Với Bộ tư lệnh thì chiến hạm, chiến cơ hay binh sĩ cũng giống như tiền trong canh bạc vậy. Khi thắng thì chi nhỏ từng giọt, bỏ qua cơ hội thắng lớn. Đến khi bắt đầu nghèo túng, sắp thua trắng rồi thì chơi hăn một cú.” [4; tr.436]. Những lời tự thuật ấy của những cựu binh trong câu chuyện đã vén lên bức màn đen tối của quân đội Nhật Bản, đó là nơi tàn khốc nhất, độc ác nhất, sự phân chia cấp bậc nặng nề và sinh mệnh những binh lính cấp thấp bị coi rẻ đến mức khó tin. Và đến khi chiến tranh qua đi, những cảm tử quân ấy vẫn tiếp tục bị nhìn nhận như những kẻ cuồng tín cực đoan, như khủng bố thời hiện đại.

Như đã trình bày ở các phần trước, chính quyền và quân đội nắm giữ và chi phối phương tiện truyền thông, điều này giúp thiết chế quyền lực có thể đưa ra những diễn ngôn ảnh hưởng tới tư tưởng của người dân, thực hiện được mục đích nhất định. Và điều này đã thực sự diễn ra tại Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai. Trong *Không chiến Zero rực lửa*, những người cựu binh đã tiết lộ việc này thậm chí đã diễn ra từ trước chiến tranh: “Trước chiến tranh, báo giới lan truyền phát ngôn của Đại bản doanh, mỗi ngày đều hăm hở viết bài nâng cao tinh thần chiến đấu. [...] Chúng viết như thể toàn bộ quốc dân đều không có học thức.” [4; tr.385]. Có thể thấy, phương tiện truyền thông có vai trò rất quan trọng, có tầm ảnh hưởng trong việc định hướng tư tưởng của nhân dân, binh lính, thậm chí với thế giới khi

những tài liệu lịch sử, nhân học công khai thường ghi nhận thông tin từ báo đài Nhật Bản, từ đó nhiều người nhìn nhận binh lính Nhật đều là những kẻ cuồng tín, cực đoan. Điều này đã góp phần chứng tỏ mối quan hệ giữa diễn ngôn và thiết chế quyền lực. Đó là mối quan hệ hai chiều khi thiết chế quyền lực với công cụ là báo đài để tuyên truyền diễn ngôn, và những diễn ngôn nhờ có thiết chế quyền lực đã trở thành mệnh lệnh bất khả kháng, tác động tới hành vi đồng thuận của binh lính Nhật và ảnh hưởng đến cả cách thế giới nhìn nhận về hành vi cảm tử đó của họ.

Tiểu kết

Trong chương 2, chúng tôi đã vận dụng hướng tiếp cận xã hội học về diễn ngôn và quan điểm của Foucault đã khái lược trong chương 1, cùng với đó là những vấn đề về lịch sử, văn hóa, xã hội, nhân học Nhật Bản để trình bày và lý giải diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền, quân đội Đế quốc Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai và trong trường hợp tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta. Chính quyền quân phiệt và Hải quân Đế quốc Nhật Bản không ngừng đưa ra những phát ngôn, tuyên truyền cổ vũ tinh thần chiến đấu của binh lính một cách cực đoan, cuồng tín theo chủ nghĩa anh hùng, chủ thuyết không đầu hàng, bài trừ vật chất, rèn luyện tinh thần khắc nghiệt đỉnh điểm là hành vi tự sát, từ đó ca ngợi việc chiến đấu cảm tử vì đất nước, Thiên hoàng. Trong *Không chiến Zero rực lửa*, thông qua lời các nhân vật cựu binh, tác giả đã cho thấy âm mưu, đối trá, thủ đoạn đằng sau những diễn ngôn hoa mỹ của chính quyền, quân đội Nhật Bản. Tất cả chỉ thể hiện sự bạc nhược, yếu kém trong chỉ huy, chiến lược và mối quan tâm đến địa vị của cấp cao tướng lĩnh quân đội đương thời và thái độ coi thường sinh mệnh của binh lính.

Mỗi chương của tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* là một câu chuyện thời chiến của một cựu chiến binh. Tác giả đã lựa chọn ngôi kể chuyện thứ nhất, người kể chuyện liên tục thay đổi, mang tính chất tự truyện khiến những kí ức về chiến tranh được kể với cảm xúc mãnh liệt, người đọc sẽ cảm nhận được độ chân thực cao. Nhà văn Naoki Hyakuta đã khéo léo lồng ghép những sự kiện, nhân vật lịch sử có thật với nhân vật hư cấu giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận, không quá khô khan như lịch sử đơn thuần nhưng cũng không hề phi thực tế, cùng với đó bối cảnh hai người cháu tìm hiểu về quá khứ người ông thật gần gũi với độc giả. Cũng nhờ sự tìm hiểu đó mà những góc khuất chưa từng được biết đến về binh lính Nhật đã được hé lộ. Ở đó, họ vẫn có những thể hiện đồng thuận với diễn ngôn về chiến tranh và mệnh lệnh của thiết chế quyền lực nhưng qua lời tự thuật của những cựu binh, độc giả sẽ thấy được lý giải nguyên nhân cho những hành vi đồng thuận đó.

Từ hướng tiếp cận xã hội học và bối cảnh lịch sử Nhật Bản đã khái lược trong chương 1 và lời tường thuật của các cựu binh trong *Không chiến Zero rực lửa*, có thể thấy, nguyên nhân đằng sau sự ảnh hưởng của diễn ngôn đối với binh lính, người dân Nhật Bản, đó là nền tảng tư tưởng võ sĩ đạo từ xa xưa (sự trung thành, danh dự, đền ơn, báo hiếu, vấn đề tự sát vì thanh danh), việc sớm đưa ý thức hệ Kokutai vào hệ thống giáo dục toàn dân, hình ảnh Thiên hoàng vừa linh thiêng vừa quyền lực, cuộc sống cơ cực nghèo khổ bào mòn tinh thần, sự phân biệt đẳng cấp nặng nề trong xã hội và đặc biệt là trong quân đội Nhật Bản. Chính những nền tảng đó cùng với sự trợ giúp của phương tiện truyền thông, giới tri thức mà thiết chế quyền lực đã thể hiện được quyền lực thông qua diễn ngôn, và diễn ngôn đã thể hiện được quyền lực thông qua những hành vi đồng thuận của binh lính Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai. Mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh và thiết chế quyền lực ấy còn rõ ràng hơn nữa qua lời kể của các cựu binh trong tiểu thuyết lịch sử *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta mà chúng tôi đã trình bày trong chương 2 này.

CHƯƠNG 3. DIỄN NGÔN VỀ CHIẾN TRANH VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN KHÁNG CỰ VỚI THIẾT CHẾ QUYỀN LỰC

Trong chương 2 chúng tôi đã trình bày diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền, quân đội Đế quốc Nhật Bản, những hành vi đồng thuận của binh lính Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai và trong tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta. Qua những khảo cứu, giới thuyết về diễn ngôn và bối cảnh lịch sử Nhật Bản được trình bày ở chương 1, để lý giải toan tính, âm mưu đằng sau diễn ngôn của chính quyền quân phiệt và Hải quân Đế quốc Nhật Bản cùng nguyên nhân dẫn đến hành vi đồng thuận với thiết chế quyền lực của binh lính Nhật. Trong chương 3 này, chúng tôi sẽ tiếp tục vận dụng những khảo cứu trên để lý giải tiếp diễn ngôn của chính quyền và nguyên nhân dẫn đến hành vi kháng cự với thiết chế quyền lực của binh lính Nhật trong tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta và liên hệ với những lời tường thuật của các cựu binh Nhật trong thực tế, từ đó minh chứng cho mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh và thiết chế quyền lực. Đồng thời, chúng tôi sẽ có những điểm so sánh về hành động kháng cự của binh lính Nhật Bản trong *Không chiến Zero rực lửa* với một số hành động của người lính Việt Nam trong *Nỗi buồn chiến tranh* của nhà văn Bảo Ninh; từ đó thấy được dù tính chất cuộc chiến là khác biệt, những diễn ngôn về chiến tranh của hai thiết chế quyền lực trong hai cuộc chiến có bản chất khác nhau nhưng những tình cảm bản năng tốt đẹp, đậm tính nhân văn vẫn khiến hành động của những người lính đó có điểm tương đồng.

Trái ngược với những gì chúng ta được biết đến trong lịch sử, Naoki Hyakuta đã cho độc giả thấy được một mặt khác với biểu hiện kháng cự của những binh lính Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai, thông qua những hành động, tình cảm đẹp, đậm chất con người của họ. Dù số đông không thể trực tiếp bày tỏ hành vi kháng cự với thiết chế quyền lực nhưng với những tình cảm, suy tư sâu sắc trong họ, những dẫn vật, mâu thuẫn nội tâm đều đã thể hiện được sự kháng cự với diễn ngôn về chiến tranh và những hành động của thiết chế quyền lực trong cuộc chiến.

3.1. Tinh thần đồng đội cao cả

3.1.1. Bảo vệ đồng đội

Khác với những điều thường được nhắc đến trong lịch sử, những người lính Nhật Bản trong *Không chiến Zero rực lửa* vẫn có cảm xúc, tình cảm cá nhân như mọi người bình thường, họ không hề cuồng tín, điên loạn. Ngay cả trong quân đội - nơi được biết đến việc

phân chia đẳng cấp nặng nề nhất cũng có những con người sẵn sàng bảo vệ đồng đội, cấp dưới, và hơn hết có nhiều binh lính mang theo niềm thương cảm với hy sinh, mất mát của đồng đội.

Trong quân đội không phải toàn bộ cấp trên đều coi rẻ sinh mệnh binh lính, ở đó vẫn có những người sẵn sàng bảo vệ đồng đội, đội bay của mình cả trong chiến đấu lẫn chiến dịch tấn công cảm tử. Ngay trong giai đoạn đầu cuộc chiến đã có những chỉ huy bảo vệ đội bay, dẫn đội bay an toàn qua trận không chiến, ngay cả khi bị phản bác vẫn không cho phép các thành viên đội bay chết một cách vô nghĩa. Người đội viên của Miyabe sau này đã biết ơn khi nhờ lời dẫn dắt của Miyabe, nhờ có lời nói ấy mà người cựu binh Izaki đã sống sót đi qua cuộc chiến: “Nếu còn sống thì vẫn còn cơ hội để bắn hạ máy bay địch. Nhưng... để bị bắn dù chỉ một lần thì cũng xem như chấm hết. [...] Vì thế, trước hết hãy suy nghĩ về việc sống sót.” [4; tr.153-154]. Tuy số lượng không nhiều nhưng vẫn có người dám lên tiếng phản đối tấn công cảm tử của quân đội Nhật Bản khi ấy. Họ không cho đội của mình tham gia tấn công cảm tử, thậm chí có người chỉ huy sẵn sàng tham gia tấn công cảm tử cùng đội bay của mình, như đội bay của chỉ huy Nonaka, họ gọi nhau là gia đình Nonaka, và viên chỉ huy ấy chấp nhận dùng tính mạng mình để minh chứng cho quan điểm tấn công cảm tử là một chiến thuật sai lầm, tội tệt. Mặc cho quy định kháng lệnh cấp trên có thể bị đưa ra Tòa án quân sự và xử tử hình, vẫn có những chỉ huy đứng ra phản bác lại mệnh lệnh cấp cao Hải quân Đế quốc như Thiếu tá Minobe Tadashi “phản đối thẳng thắn phương châm “Toàn lực tấn công tự sát” do tham mưu trưởng thông báo” [4; tr.389], khẳng định với cấp trên rằng “Đưa các máy bay luyện tập ra tấn công cảm tử là điều vô cùng khủng khiếp.” [4; tr.389] và không cho đội bay của mình tham gia; Thiếu tá Shido Saburo “trước sự kêu gọi toàn quân tấn công cảm tử của cấp trên” [4; tr.390-391] cũng không cho một chiếc máy bay nào trong đội tham gia; hay như Thiếu tá Okajima Kiyokuma cũng “kiên quyết từ chối đưa máy bay tấn công đi tự sát, dù bị Bộ Tư lệnh tuyên bố là kẻ phản quốc.” [4; tr.391].

Ngoài những chỉ huy bảo vệ đội bay của mình còn có những giáo quan huấn luyện bay cho học viên dự bị, như nhân vật Miyabe (nhân vật được kể lại xuyên suốt câu chuyện), cố gắng bảo vệ học viên bằng cách đánh trượt họ trong các bài kiểm tra tập huấn, khiến họ không đủ điều kiện tham gia chiến dịch tấn công cảm tử dù có bị họ hiểu lầm. “Đào tạo những người ưu tú như các cậu, nói thật tôi thấy không thích hợp trở thành phi công. Các cậu phải làm những việc to lớn, vĩ đại hơn thế. Nếu có thể, tôi không muốn các cậu phải chết.” [4; tr.353]. Miyabe đã luôn đau đớn khi phải thực hiện việc đào tạo các phi công cảm tử, huấn luyện cho cái chết. Thậm chí, giáo quan Miyabe đã sẵn sàng bảo vệ danh dự cho người học viên bị viên chỉ huy chỉ trích vì chết khi tập bay, dù sau đó Miyabe bị cấp trên đánh mắng. “Thiếu úy Ito

đã mất là một chàng trai bản lĩnh. Không phải là người không có tư chất quân nhân. [...] Thiếu úy Ito là một chàng trai đầy khí phách.” [4; tr.396-397]. Đó là hành động bảo vệ danh dự cho người học viên, một giá trị rất quan trọng với người Nhật như đã trình bày trong các phần trước. Hành động ấy của Miyabe cũng đã thực sự lay động các học viên khác, khiến tất cả họ đều sẵn sàng tham gia tấn công cảm tử để bảo vệ Miyabe “Khi ấy, ta đã nghĩ, nếu tham gia tấn công mà có thể bảo vệ con người này ta cũng bằng lòng. Tâm trạng đó không phải chỉ của riêng ta. Thực tế đã có người liều mạng bảo vệ thầy Miyabe.” [4; tr.397], người học viên đã thực sự đỡ đạn cho Miyabe trong cuộc không kích. Trong *Nỗi buồn chiến tranh*, nhân vật Kiên cũng nhiều lần được đồng đội bảo vệ trước các cuộc tấn công của địch để rồi anh là người cuối cùng sống sót trong đội. Ở cả hai tác phẩm, dù tính chất cuộc chiến hoàn toàn đối lập nhưng việc thực hiện hành động này của những người lính đều diễn ra với tâm lý tự nhiên, xuất phát từ tình cảm giữa những người đồng đội trong chiến tranh, không đến từ chủ thuyết không đầu hàng hay chủ nghĩa anh hùng; và tất cả đều diễn ra đột ngột, không chuẩn bị trước, một hành động bản năng.

Ngay cả một người giáo quan, phi công yêu thích việc chiến đấu điên cuồng, sống theo tư tưởng võ sĩ đạo như cựu binh Kageura cũng nhận thấy chiến dịch cảm tử đánh dấu sự thất bại của quân đội Đế quốc Nhật Bản, chỉ đem đến những cái chết vô nghĩa, một chiến dịch phi lý không thể tán thành: “Tao tuyệt đối không tán thành tấn công cảm tử. Nếu chết vì bị địch bắn rơi đã đành nhưng tao căm ghét vì tấn công cảm tử mà phải chết.” [4; tr.431]; “Nhật Bản đã đến nước này thì chắc sắp hết thời rồi.” [4; tr.432]. Kageura còn hiểu rằng “Tấn công cảm tử là kế hoạch tác chiến vì sĩ diện của quân đội.” [4; tr.435], một chiến dịch vô nghĩa, lãng phí sinh mệnh hàng nghìn con người, một tội ác của chính quyền Đế quốc. Đây là cái chết định sẵn, cái chết ép buộc vô nghĩa, đối với người mang tinh thần võ sĩ đạo như Kageura thì đó là điều khó chấp nhận. Chính những suy nghĩ đó và việc chứng kiến những phi công dự bị bị cho là công tử bột nhưng lại vô cùng khí phách, dám hy sinh vì người thân yêu đã khiến người luôn lãnh cảm trước cái chết như cựu binh Kageura phải khâm phục, thương cảm: “Đám học viên dự bị thật đáng thương.” [4; tr.433]; “[...] Hy sinh vì Tổ quốc, vì gia đình nhưng lại chẳng được đền đáp, chết một cách vô nghĩa như thế. [4; tr.434]; “[...] cái chết của chúng hoàn toàn lãng phí.” [4; tr.435]. Còn giữa những người lính cảm tử, có người thậm chí đã cầu xin được đổi cho đồng đội để tham gia tấn công cảm tử...

Những hành động trên được kể lại qua nhiều câu chuyện khác nhau của các cựu phi công Hải quân Đế quốc Nhật Bản trong *Không chiến Zero rực lửa*, hoàn toàn khác lạ so với những điều chúng ta đã được biết đến trong lịch sử. Có thể thấy, vào thời điểm đó, những binh lính Nhật vẫn nhận ra sai lầm của chính quyền, quân đội, họ đã chống lại chủ thuyết,

diễn ngôn về chiến tranh, chiến dịch cảm tử của chính quyền, Để từ đó họ có những hành vi kháng cự với thiết chế quyền lực như không chấp thuận mệnh lệnh cảm tử của cấp trên, không để đội bay, cấp dưới tham gia cảm tử, đánh trượt để bảo vệ học viên, hộ tống và bảo vệ đồng đội trong trận chiến... bất chấp việc có thể bị trừng phạt, Tòa án quân sự xử tử. Giữa cuộc chiến khốc liệt, giữa không khí u ám với việc sinh mệnh luôn trong trạng thái chờ ngày phán quyết nhưng giữa những người lính vẫn có mối liên kết mạnh mẽ, xuất phát từ tình cảm chân thật nhất, chỉ khi tình cảm mãnh liệt mới có thể khiến họ kiên quyết phản đối dù có thể phải chịu hình phạt, sẵn sàng cùng chết hoặc đánh đổi mạng sống để bảo vệ đồng đội của mình. Tuy nhiên, số lượng người dám làm điều đó không nhiều bởi quyền lực của chính quyền, quân đội là quá lớn.

Và với sự tuyên truyền, diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền, quân đội qua báo đài, phần lớn người dân đều tin tưởng họ là anh hùng của đất nước những cảm tử quân là tự nguyện và vì vậy, gia đình của những người phản đối cảm tử có thể bị liên lụy, bị sỉ nhục thanh danh, bị mọi người xung quanh coi thường và đối xử tàn tệ (điều này được nhắc đến trong *Không chiến Zero rực lửa*). Sự tin tưởng của phần đông quốc dân đối với những diễn ngôn xảo trá, hoa mỹ của chính quyền đã được thuật lại qua hoàn cảnh của một cựu binh Nhật Bản: “Nhưng thật khó xử khi bị dân làng hỏi về tình hình chiến trận. Bởi những phát ngôn của Tổng hành dinh Đế quốc đều hoàn toàn là bịa đặt. Thế nhưng, dân làng lại tin vào những điều ấy nên buộc lòng ta phải nói những lời hoa mỹ.” [4; tr.295] Và hơn nữa, để đảm bảo người dân hoàn toàn tin tưởng những tuyên truyền, diễn ngôn của chính quyền, những người lính về phép được lệnh “tuyệt đối không được bàn tán tình hình chiến sự.” [4; tr.295]. Như vậy, những người không trực tiếp tham gia chiến đấu nơi chiến trường chỉ có thể biết những gì chính quyền, quân đội Đế quốc muốn họ biết, báo đài truyền thông lại là phương tiện hỗ trợ đắc lực cho chính quyền. “Tổng hành dinh thông báo với quốc dân rằng Nhật Bản đang giành thắng lợi nhưng sự thật là chúng ta đang dần thua trận.” [4; tr.297]. Sự thật đã được giấu đi đằng sau những ngôn từ hoa mỹ về cuộc chiến, điều đó càng tăng thêm niềm tin của quốc dân đối với chính quyền đương thời. Tuy vẫn có những người không tin tưởng hoàn toàn diễn ngôn của chính quyền nhưng số lượng không nhiều hoặc không mấy ai dám thể hiện ra trong bối cảnh xã hội đương thời. Điều đó khiến cho phần đông quốc dân - những người tin tưởng diễn ngôn của thiết chế quyền lực, đã góp phần đẩy những người lính cảm tử sau này vào cảnh mâu thuẫn, đau khổ và buộc phải chấp nhận cái chết định sẵn.

3.1.2. Niềm thương cảm với sự hy sinh của đồng đội

Hành vi kháng cự với thiết chế quyền lực một cách kín đáo hơn đó là việc những binh lính Nhật bày tỏ niềm thương cảm, nổi xót xa với hy sinh của đồng đội. Điều đó như một sự

phản bác mạnh mẽ đối với chủ thuyết không đầu hàng, những ca ngợi của chính quyền, quân đội Đế quốc Nhật Bản đối với chủ nghĩa anh hùng được tuyên truyền khắp báo đài nước Nhật thời kỳ đó. Họ không hề hạnh phúc khi “được” chết, những đồng đội ở lại cũng không hề được nâng cao sĩ khí như truyền thông đã đưa tin, toàn quân bao phủ bởi không khí âm ảm, tang thương khi chiến dịch toàn quân cảm tử (gồm Kamikaze, Oka, Kaiten) diễn ra vào cuối cuộc chiến.

Nhà văn Naoki Hyakuta đã tái hiện trong *Không chiến Zero rực lửa* hai trạng thái đối lập giữa người lính cảm tử và đồng đội ở lại. Trong giai đoạn đầu cuộc chiến, đã có những người lính lựa chọn tấn công cảm tử trong những trận chiến ác liệt không còn đường lui, hình ảnh tươi cười chào đồng đội trước lúc chết đã để lại sự ám ảnh, đau khổ cho người ở lại: “Trước khi đâm xuống, ba thành viên phi đội hướng về phía tôi, nghiêm chào với gương mặt tươi cười.”; “Gương mặt của họ rất tươi cười, tôi đã không nghĩ rằng đó là gương mặt của những người đang đi vào cõi chết.” [4; tr.79-80]. Đối lập với vẻ mặt thanh thản của người lính chấp nhận cái chết hiển nhiên, người đồng đội ở lại chịu nỗi đau thương mất mát, tiếc nuối cho sinh mệnh còn quá trẻ của đồng đội. Ngay cả khi chiến tranh đã đi qua, nỗi đau và ký ức bi thương vẫn còn mãi với những cựu chiến binh và gia đình người đã mất.

Nếu ở giai đoạn đầu binh lính Nhật còn tin tưởng vào diễn ngôn, tuyên truyền của cấp trên, xem nhẹ mạng sống của mình để chiến đấu đến cùng vì đất nước thì đến khi chiến dịch tấn công cảm tử Kamikaze diễn ra họ đã nhận ra sự phi lý và sai lầm của chiến dịch này và diễn ngôn của những kẻ đứng đầu khởi xướng. Chiến dịch tấn công cảm tử không thể thay đổi cục diện cuộc chiến, chỉ có những chàng trai trẻ tuổi, đứa con yêu dấu của các gia đình, họ vốn là tương lai của đất nước nhưng lại phải tham gia một chiến dịch định sẵn cái chết, dù học đã tự trấn an bản thân đó là cái chết để bảo vệ đất nước, gia đình, nhưng thực tế ai cũng nhận thấy đó là cái chết vô nghĩa. Nhưng vào bối cảnh thời điểm đó, trong quân đội, họ không thể phản kháng trực tiếp. Những diễn ngôn về việc tinh thần chiến đấu của binh sĩ được nâng cao khi diễn ra chiến dịch hoàn toàn là dối trá khi thực tế, sau mỗi buổi tấn công cảm tử, không khí trong quân lại âm ảm hơn, niềm thương cảm bao trùm toàn đội, “Sĩ khí của phi đội giảm sút rõ rệt.” [4; tr.314]. Những người được chọn và không được chọn có sự khác biệt lớn. Những người được chọn đã phải vận dụng tinh thần được rèn luyện khắc nghiệt để cố gắng thể hiện sự bình thản, điềm tĩnh khi đối diện với cái chết được định sẵn, trận chiến không thể sống. Đặc biệt, trong thời khắc tiến vào tử đạo họ vẫn tươi cười tạm biệt đồng đội ở lại. “Các thành viên trong đội từ biệt những người ở lại, mỉm cười cất cánh.” [4; tr.432]. Điều đó càng khiến những đồng đội ở lại đau đớn, ám ảnh, tiếc thương người bạn, người đồng đội và cao hơn thương cảm là sự kính nể đối với những con người mạnh mẽ ấy. Nhận ra những âm mưu

trong diễn ngôn về cuộc chiến của chính quyền và quân đội Đế quốc Nhật Bản đã khiến binh lính không còn tinh thần chiến đấu nhiệt huyết hay cuồng loạn như ghi chép trong các tài liệu lịch sử, Naoki Hyakuta đã cho thấy một bức tranh tang thương, âm đạm, thiếu sinh khí ngày càng lan rộng khắp quân đội. Tương tự với khung cảnh này, trong *Nỗi buồn chiến tranh*, nhà văn Bảo Ninh đã cho thấy sự tang thương, hủy hoại của chiến tranh khi những người lính đối diện với hy sinh của đồng đội, thậm chí không thể khóc thương mà phải nhanh chóng chôn cất và tiếp tục chiến đấu. Chiến tranh đã khiến họ, những người lính trong cả hai tác phẩm, khi phải đi qua quá nhiều mất mát thương đau đến mức ám ảnh, không thể bày tỏ đau đớn ra bên ngoài như ban đầu; sự tôn trọng, niềm thương cảm không chỉ ở việc khóc thương mà còn ở những ký ức đau thương, nỗi buồn chiến tranh, mặc cảm tội lỗi sâu trong tâm hồn những người còn sống sau chiến tranh. Họ mang trong mình những nỗi niềm bi thương và kể lại với thế hệ sau như một cách tri ân đồng đội cũ. Dù cuộc chiến trong hai tiểu thuyết có tính chất đối lập, những nỗi đau mà con người phải chịu đựng trong và sau chiến tranh vẫn có điểm tương đồng, cùng thể hiện tính chất phi nhân đạo của chiến tranh nhân loại nói chung.

Không chỉ đồng đội mà những giáo quan huấn luyện bay cho các học viên dự bị cảm tử hay các thông tin viên, những người làm nhiệm vụ hộ tống đội bay cảm tử đều thương cảm trước sự hy sinh của những chàng trai trẻ đó. Như đã trình bày ở trên, các giáo quan huấn luyện bay đều biết rằng mình đang huấn luyện cho những học viên đi vào cõi tử, họ hết sức thương cảm với những chàng trai trẻ non nớt nghĩ rằng mình sẽ được tham chiến vì bảo vệ Tổ quốc. Chính nỗi thương cảm ấy đã khiến họ tìm mọi cách bảo vệ học trò như đánh trượt, khuyên nhủ quý trọng sinh mệnh hay bảo vệ danh dự cho học trò đã chết trong khi luyện tập, như cách nhân vật Miyabe đã làm trong tiểu thuyết.

Thông tin viên là những người làm nhiệm vụ nhận điện tín từ đội quân cảm tử và ghi lại “chiến tích” của các phi công cảm tử. Họ phải nhận tín hiệu thông báo cái chết của các phi công Kamikaze, phải phân tích tín hiệu có đủ dài để ghi nhận thành công tấn công địch hay không, trước cái chết của một con người họ không được phép bày tỏ sự thương tiếc ngay lúc đó. “Trường hợp máy bay cảm tử phát hiện chiến cơ địch sẽ liên tiếp gửi các mã ngắn, khi sắp đâm vào tàu địch sẽ đánh mã dài, và ấn giữa nút điện tín cho đến giây phút va chạm.” [4; tr.457]. Âm thanh mã Morse vang lên là khi họ đang lao xuống, âm thanh kết thúc dù ngắn hay dài đều là báo hiệu cho thời điểm sinh mệnh của một chàng trai trẻ kết thúc. Quãng thời gian âm thanh vang lên là quãng thời gian nặng nề, đau đớn và sợ hãi đối với thông tin viên xác nhận chiến tích và ám ảnh đến mãi mãi. Trước khi chết những chàng trai cảm tử ấy vẫn phải giữ tỉnh táo để vừa chiến đấu vừa thao tác điện tín phát tín hiệu thông báo cho cái chết của chính mình. Họ không hề tập luyện trước đó, điều đó chỉ làm được một lần duy nhất vào

giây phút cuối cùng của cuộc đời. Qua những lời tự thuật của người thông tin viên một thời, người đọc đã có thể hình dung ra khung cảnh ác liệt đau thương ấy, hiểu được lý do khiến những đồng đội, thông tin viên bày tỏ nỗi xót xa, nỗ lực những chàng lính trẻ phải thực hiện sự tra tấn cả thể xác lẫn tâm hồn chính mình.

Những giáo quan, thông tin viên dù chỉ làm nhiệm vụ liên quan đến các phi công cảm tử đã thương cảm sâu sắc đối với sự hy sinh ấy thì những người làm nhiệm vụ hộ tống đội bay cảm tử càng cảm thấy đau đớn, ám ảnh hơn nữa. Miyabe đã đại diện cho hình ảnh những người đồng đội của các phi công cảm tử, làm nhiệm vụ dẫn đội và hộ tống đội bay đến điểm tấn công cảm tử. Phải hộ tống và chứng kiến cái chết của nhiều học trò mà không thể bảo vệ được họ khiến cho một người luôn lịch sự, nhã nhặn, khát vọng sống tràn trề như Miyabe cũng trở nên u tối, “Mỗi lần thực hiện nhiệm vụ hộ tống máy bay cảm tử là mỗi lần thiếu úy bị bào mòn.” [4; tr.466]. Ám ảnh trong tâm hồn, nỗi niềm bi thương quá độ khi phải đưa tiễn quá nhiều người yêu quý, mặc cảm của sự bất lực không thể bảo vệ ai trong số đó khiến Miyabe như con người đã bước một nửa sang thế giới bên kia. Thậm chí, sự nhiều dằn vặt, tự trách càng trở nên tuyệt vọng để đến đỉnh điểm Miyabe lựa chọn cái chết khi tham gia tấn công cảm tử ngay trước khi cuộc chiến kết thúc. Ngay cả con người vô cảm, căm ghét cuộc đời như cựu binh Kageura trong tiểu thuyết cũng bày tỏ niềm thương cảm và nỗ lực với những phi công cảm tử, vì họ vốn xuất thân là những sinh viên, tầng lớp trí thức trẻ, những người chưa từng đối diện với cuộc chiến ác liệt đã bị đẩy ra trận chiến không thể sống sót. Hay như cựu binh, cựu giáo quan Ito Kanji, khi kể lại về các cảm tử quân, ông đã không thể giấu nỗi đau khổ khi phải làm công việc đào tạo những chàng trai trẻ đi vào cõi chết, sự xúc động, thương xót không thể che giấu: “Gương mặt ông Ito trở nên đau khổ”; “Mắt ông ngấn lệ.” [4; tr.111]. Nỗi ám ảnh đeo bám những cựu binh ngay cả khi chiến tranh đã đi qua hàng chục năm.

Những hành động bảo vệ, bày tỏ thương cảm với các binh lính cảm tử trong *Không chiến Zero rực lửa* đã tiết lộ những câu chuyện chúng ta chưa từng được biết đến trong lịch sử. Ở đó, những người lính Nhật cảm tử và đồng đội ở lại không hề cuồng tín, điên rồ như khủng bố thời hiện đại, họ vẫn là những con người với tình cảm chân thành nhất, có sợ hãi, có bi phẫn, có xót xa, ám ảnh khi chứng kiến quá nhiều cái chết... Và cũng ở đó, những đối trá về diễn ngôn chiến tranh, tội ác của chính quyền và quân đội Đế quốc Nhật Bản đã được nhận định qua chính lời kể, ký ức của các cựu binh. Họ và những người đã hy sinh đều nhận ra điều đó, có những người đã kháng cự trực tiếp nhưng bối cảnh lịch sử - xã hội đương thời đã không cho phép họ thay đổi được điều gì.

3.2. Chạy trốn cuộc chiến, chống đối mệnh lệnh cảm tử, mang danh kẻ hèn nhát

Trong các phần trước, chúng tôi đã trình bày diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền và quân đội Đế quốc Nhật Bản, quan trọng nhất là chủ thuyết không đầu hàng và chủ nghĩa anh hùng cực đoan. Đó là những tuyên truyền chủ đạo, xuyên suốt cuộc chiến mà chính quyền thực hiện đối với binh lính Nhật Bản. Chính vì vậy, việc cố gắng sống sót thay vì sẵn sàng cảm tử bất cứ lúc nào - như cách gọi “chạy trốn cuộc chiến”, mang danh kẻ hèn nhát và chống đối mệnh lệnh cảm tử như Miyabe cùng một số phi công Nhật Bản khác được nói đến trong *Không chiến Zero rục rủa* đã là một hành vi kháng cự đối với thiết chế quyền lực.

Trước đây, khi được chính quyền và quân đội Đế quốc Nhật Bản tuyên truyền diễn ngôn về chiến tranh, phần lớn binh lính Nhật đều bày tỏ sự tin tưởng và đồng thuận. Nhờ có sự tồn tại của ý thức hệ Kokutai; niềm tin, sự tôn kính, đền ơn với Thiên hoàng; vấn đề về danh dự; và tình yêu đất nước, tư tưởng chiến đấu vì đất nước, gia đình mà các binh lính Nhật Bản luôn trong tâm thế sẵn sàng chiến đấu hết mình, cảm tử khi cần thiết (điều này gần giống với chủ thuyết không đầu hàng của chính quyền Đế quốc). Tuy nhiên, có những binh lính sau khi trải qua quãng thời gian dài chiến đấu khắc nghiệt trên chiến trường, ngày ngày phải chứng kiến cái chết của nhiều đồng đội, và khi binh tâm suy nghĩ về gia đình, họ đã có những thay đổi trong tư tưởng.

Nhân vật phi công Miyabe đóng vai trò then chốt, Miyabe chính là người tiên phong bày tỏ thái độ kháng cự với diễn ngôn của thiết chế quyền lực trong *Không chiến Zero rục rủa*. Ban đầu, sự kháng cự của Miyabe chỉ đơn giản là cố gắng rèn luyện kỹ năng chiến đấu để sống sót sau những trận chiến ác liệt, khi cuộc chiến trở nên bế tắc, Hải quân Đế quốc Nhật Bản không ngừng đưa ra những chiến thuật phi lý, kém cỏi, Miyabe đã sẵn sàng đứng ra chống đối lại mệnh lệnh của cấp trên bất chấp những quy định nghiêm ngặt của quân đội và cái nhìn coi thường của đồng đội, phải mang danh kẻ hèn nhát.

Miyabe là một con người kì lạ với tư tưởng đối lập hoàn toàn những phi công khác. Trong không khí mà quân đội Nhật Bản ca ngợi khẩu hiệu “Một trăm triệu người chết cho vinh quang” [4; tr.111], khi phần lớn phi công Hải quân Đế quốc đều quyết tâm chiến đấu bất chấp hiểm nguy, quên đi mong muốn được sống như mọi con người bình thường thì Miyabe lại luôn thận trọng trong chiến đấu, cố gắng không tham gia tấn công, cố gắng bảo vệ mình an toàn vì đối với Miyabe sinh mệnh là điều quan trọng nhất. Cho dù những người xung quanh gièm pha và gọi anh là kẻ hèn nhát nhưng Miyabe vẫn giữ nguyên quan điểm, chiến đấu cẩn thận, suy nghĩ đến việc sống sót trước hết và cố gắng bảo vệ an toàn cho cả đồng đội và học

trò mình. Sự thận trọng của Miyabe thậm chí còn bị những đồng đội, người lính bảo trì chế nhạo, coi thường, không một người lính nào lại thận trọng và lẩn tránh việc chiến đấu đến vậy: "...đạn của anh ấy lúc nào cũng còn, nghĩa là anh ấy hầu như không tham gia chiến đấu." [4; tr.238]; "...Miyabe khá phiền phức, rất khó tính trong việc bảo trì máy bay." [4; tr.239]. Không chỉ thận trọng trong chiến đấu, xuyên suốt cuộc chiến được kể lại trong *Không chiến Zero rực lửa*, có thể thấy, Miyabe từ góc nhìn của một người trân quý sinh mệnh đã có những nhận định khác hẳn so với số đông. Miyabe đã nhận ra sai lầm, kém cỏi trong những chiến dịch, chiến lược của Bộ Tư lệnh, Miyabe và dám đứng ra phản đối dù bị cấp trên đánh mắng, xử phạt (xuất phát từ sự phân biệt đẳng cấp rõ rệt, nặng nề trong quân đội): "Không thể chiến đấu với khoảng cách như thế được. [...] Trận chiến lần này, mọi tính toán cho đến bây giờ hoàn toàn là sai lầm." [4; tr.162]. Nhưng trong thời điểm đó, những nhận định đúng đắn của Miyabe lại bị số đông xem là nhu nhược, hèn nhát.

Khi Hải quân Đế quốc quyết định thực thi chiến dịch cảm tử vào giai đoạn cuối cuộc chiến, Miyabe và một số phi công đã dám thách thức từ chối tham gia tấn công cảm tử, không điền vào đơn tình nguyện cảm tử (thực tế đó chỉ là thủ tục, mọi phi công đều bắt buộc phải tham gia) dù có thể bị cấp trên đe dọa, xử phạt. Như đã trình bày trong phần trước, sự phân biệt đẳng cấp trong quân đội Nhật Bản rất gay gắt, "Dù là phi công ưu tú thế nào thì hạ sĩ quan cũng tuyệt đối không thể trở thành chỉ huy." [4; tr.411]. Chính vì thế, cấp trên có quyền lực rất lớn, thậm chí còn có khả năng nắm giữ, quyết định sinh mệnh của binh lính cấp dưới, vì vậy rất ít người dám đứng ra chống đối lại mệnh lệnh cảm tử. "Hình như toàn đội học viên phi công đều đánh dấu tình nguyện. Nhưng sau đó, ta nghe đồn rằng có vài người đã không đánh dấu, và bị thượng cấp gọi riêng ra thuyết phục. Lời thuyết phục của thượng cấp trong quân đội Nhật Bản thời ấy tương đương với mệnh lệnh, không thể kháng cự." [4; tr.356]; "Quân đội ắt sẽ không tha cho các chiến sĩ không tình nguyện tham gia cảm tử." [4; tr.357]. Mặc cho phi đội trưởng tức giận, khi được yêu cầu tham gia cảm tử, Miyabe vẫn khẳng định: "Mạng sống rất đáng quý ă!" [4; tr.315]. Chia sẻ với đồng đội, Miyabe vẫn luôn nhấn mạnh việc tham gia tấn công cảm tử là sai lầm, luôn thể hiện ý chí phản kháng với diễn ngôn và mệnh lệnh của chính quyền: "Tôi tuyệt đối không tham gia tấn công tự sát. Tôi đã hứa với vợ rằng sẽ sống sót trở về." [4; tr.315]; "Tôi chiến đấu đến tận bây giờ không phải để đi chết." [4; tr.316]; "Dù trong trận chiến tàn khốc đến thế nào, dù cơ hội sống sót có mong manh đến đâu, tôi cũng có thể cố hết sức chiến đấu. Nhưng tôi không thể nào chấp nhận được cuộc chiến định sẵn sẽ chết." [4; tr.316]. Thực tế, Miyabe không phải kẻ hèn nhát, điều khác biệt với các phi công khác đó là Miyabe biết rõ mục đích chiến đấu của mình và ý nghĩa của

sinh mệnh, gia đình, điều đó giúp cho Miyabe nhận định rõ vấn đề sai lầm trong chiến lược của quân đội Đế quốc Nhật Bản, không mù quáng tin hay cam chịu mệnh lệnh sai trái.

Không những vậy Miyabe còn đưa ra lời khuyên cho đồng đội, phải tìm nơi hạ cánh khẩn cấp khi tấn công cảm tử, bằng mọi giá không được hy sinh mạng sống duy nhất. Anh giải thích cho đồng đội hiểu về giá trị của sự sống và khẳng định khi họ chết thì người đau khổ nhất chính là gia đình họ. Không có cái chết nào trong cuộc chiến cảm tử này là vinh quang như diễn ngôn của báo giới, chính quyền, cái chết của binh lính không đem lại thay đổi nào cho cuộc chiến (vì kết cục thất bại của Nhật Bản đã rất rõ ràng) nhưng sẽ thay đổi hoàn toàn số phận gia đình họ. “Nếu cậu chết vì tấn công cảm tử thì chiến cục cũng không thay đổi nhưng nếu cậu chết thì cuộc đời vợ cậu sẽ thay đổi rất lớn đấy.” [4; tr.317]. Minh chứng cho điều này chính là vợ con của Miyabe, sau khi anh hy sinh, hai mẹ con phải chịu cảnh nghèo khổ, lưu lạc và bị lừa làm thê thiếp của yakuza.

Thậm chí, sau chiến tranh, những cảm tử quân, cựu binh Nhật Bản đều bị xem như tội phạm, khủng bố, chịu sự ghẻ lạnh của chính đồng bào mình, gia đình của họ tất yếu cũng chịu ảnh hưởng. Điều này đã được các nhân vật cựu binh Nhật Bản trong *Không chiến Zero rực lửa* kể lại qua chính trải nghiệm của họ. Trong chiến tranh, khi những người lính trở về địa phương sinh sống, họ được ca ngợi, tiếp đón như những “người hùng của làng” [4; tr.295] thì sau chiến tranh, bị mọi người ghẻ lạnh, coi thường, phải sống khốn khổ, trốn chạy khỏi quê hương, họ lại bị coi là tội phạm chiến tranh, là quân nhân chuyên nghiệp - cách nói “những người chiến đấu hết mình vì Tổ quốc như kẻ chiến đấu để kiếm ăn” [4; tr.320]. Sự thật đau đớn ấy giống với những suy tư, lo lắng của Miyabe và không một ai trong số những con người từng cố gắng rèn luyện, chiến đấu hết mình, sẵn sàng cảm tử vì Tổ quốc tránh được. Những hy sinh của cảm tử quân trở nên vô nghĩa không chỉ với diễn biến cuộc chiến mà còn đối với gia đình họ. Không những không bảo vệ được gia đình, cái chết cảm tử của họ còn khiến gia đình phải chịu nhiều nỗi đau thương, mất mát khác, và ngay đầu tiên là nỗi đau mất người thân.

Sau khi gặp gỡ, cùng chiến đấu, trò chuyện với Miyabe và tận mắt chứng kiến sự ác liệt, tang thương của từng đợt tấn công cảm tử, những người lính khi đó - cựu binh sau này đã có những thay đổi trong suy nghĩ. Họ đã nhận ra những sai lầm trong chiến đấu của cấp cao quân đội, những phi lý trong diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền và bắt cập trong tổ chức quân đội Đế quốc Nhật Bản. Chiến dịch tấn công cảm tử không hề lật ngược tình thế của Nhật Bản trong cuộc chiến, chiến dịch phi lý ấy chỉ đem đến những đau thương, mất mát cho gia đình và đồng đội của các cảm tử quân. Những lời chia sẻ của nhân vật Miyabe đã làm thay đổi suy nghĩ của đồng đội, học trò, giúp họ nhận ra giá trị thật sự của cuộc sống, khao khát

sống và tìm cách vượt qua giờ phút sinh tử. Miyabe khẳng định rằng sống sót trở về là trách nhiệm của những người lính đối với gia đình mình. Điều này tại thời điểm chiến tranh thế giới thứ hai, trong quân đội, có thể bị coi thường, khinh bỉ vì tư tưởng ấy đối lập hoàn toàn với những diễn ngôn của chính quyền, quân đội về chủ nghĩa anh hùng, chủ thuyết không đầu hàng, chiến đấu cảm tử, đối lập với sự ca ngợi đầy rẫy báo chí truyền thông Nhật Bản. Đó là hành vi kháng cự với thiết chế quyền lực.

Và sự thật, đến thời bình, lời nói của Miyabe càng thể hiện giá trị rõ nét hơn hết, những người lính khi trước xem nhẹ mạng sống đã nhận ra ý nghĩa của sinh mệnh, cuộc đời không phải của riêng mình mà còn là của những người thân yêu, là một người đàn ông phải có trách nhiệm gánh vác gia đình bằng mọi giá, không thể dễ dàng buông bỏ sự sống. Những đồng đội ngày trước nhìn Miyabe bằng ánh mắt coi thường kẻ hèn nhát nhưng khi trải qua cuộc sống thời bình, họ đã hiểu ra ý nghĩa sinh mệnh và trách nhiệm của người đàn ông trong gia đình mà Miyabe hướng tới. Miyabe và những phi công thẳng thắn từ chối tấn công cảm tử đã dám nói lên, dám thể hiện sự phản kháng với diễn ngôn và quyền lực của chính quyền, quân đội. Họ là những người sớm nhận thấy và chỉ ra những sai lầm, yếu kém của Hải quân Đế quốc Nhật Bản, đã thấy được sự phi lý trong diễn ngôn của thiết chế quyền lực trong cuộc chiến, đó là nguyên nhân khiến họ có hành vi phản kháng trên. Tuy nhiên, số lượng người như vậy vào thời điểm chiến tranh thế giới thứ hai chỉ là thiểu số, họ chưa đủ lớn mạnh để được lịch sử ghi nhận. Thế nhưng, qua lời kể của các cựu binh trong *Không chiến Zero rực lửa*, “Hàng ngàn phi công thời ấy, mấy ai có thể mở miệng nói ra những lời này. Thế nhưng, những gì Miyabe nói chính là suy nghĩ tự đáy lòng của hầu hết các phi công.” [4; tr.316], “Thế nhưng, bây giờ ta tin chắc rằng những chàng trai không đánh dấu ấy thật sự rất bản lĩnh. Không trói buộc chuyện sống chết của bản thân vào những người khác, quyết định bằng chính ý nguyện của bản thân. Đó chính là những người đàn ông thực sự. Nếu đa phần người Nhật, bao gồm cả ta đều giống như thế chắc chiến tranh đã sớm kết thúc.” [4; tr.356], có thể thấy, họ mới thật sự là những anh hùng khi dám phản kháng trong môi trường quân đội khắc nghiệt, dám vượt thoát khỏi khuôn mẫu tư tưởng, quan điểm của số đông người Nhật trong bối cảnh lịch sử - xã hội Nhật Bản khi đó.

Liên hệ trong thực tế, có những binh lính Nhật đã thực sự bày tỏ thái độ, hành vi phản kháng với thiết chế quyền lực, nhưng điều này ít được biết đến. Một số cựu binh Kamikaze may mắn sống sót đã kể lại những câu chuyện, trải nghiệm chân thực về đội cảm tử tình nguyện trong chiến tranh thế giới thứ hai. Ông Osamu Yamada khẳng định trong bài viết của *BBC news* rằng khoảng 60 - 70% trong số họ thực sự mong muốn hy sinh vì Thiên hoàng, phần còn lại đều tự hỏi vì sao phải tham gia chiến dịch [21]. Ông Keiichi Kuwahara thậm chí

tỏ ra sợ hãi, sợ cái chết, luôn suy nghĩ về gia đình mình sẽ ra sao nếu bản thân hy sinh trong chiến dịch cảm tử vô nghĩa đó. Việc lựa chọn tham gia hay không không còn thuộc về họ, đó là sức ép từ cấp trên bên trong quân đội Nhật Bản bấy giờ, dù tờ đơn tham gia có ba quyền lựa chọn nhưng sự thực không ai trong số họ được lựa chọn, câu trả lời chỉ có “tình nguyện tham gia”.

Trong bài báo *Hé lộ những góc khuất về phi công cảm tử Thần Phong* [2], những điều chưa từng được nhắc đến trong lịch sử về các phi công cảm tử Kamikaze đã được chính các cựu phi công tiết lộ sau này. Cựu phi công Hisashi Tezuka nghĩ lại thời điểm được yêu cầu điền vào lá đơn tham gia tấn công cảm tử “có 3 sự lựa chọn dành cho người điền: “Tôi tha thiết ước muốn gia nhập”, “Tôi ước muốn được gia nhập”, và “Tôi không muốn gia nhập”.” [2]. Trong lịch sử cũng như những diễn ngôn trong thời chiến của chính quyền Đế quốc Nhật Bản đã luôn nhắc đến việc tham gia tấn công cảm tử của các phi công là tự nguyện, tất cả họ đều tự nguyện, nhanh chóng và hồ hởi đăng ký gia nhập đội quân cảm tử, điều khiến sau này lịch sử đã đánh giá họ như những kẻ cuồng tín, điên loạn. Thế nhưng, sự thật phần đông những người lính khi đó đã phải suy nghĩ, đấu tranh nội tâm rất lớn để đi đến quyết định chấp nhận cái chết được Bộ Tư lệnh định sẵn và thậm chí có những người đã dùng cảm tử chối việc gia nhập đội quân cảm tử. Qua lời kể của cựu binh Hisashi Tezuka, “ông và đa phần những người khác ngồi nán nã trong hàng giờ liền, dường như không thể quyết định được phải chọn câu trả lời nào trong đơn.”; “Ông không biết khi đó liệu có ai dám từ chối hay không. Sau này ông được biết rằng số ít người làm như vậy đã được nhắc nhở phải chọn câu trả lời ‘đúng’.” [2], có thể thấy, sự phân biệt đẳng cấp trong quân đội Nhật Bản khi đó quá lớn, những binh lính cấp dưới, đặc biệt là những người lính nghĩa vụ (lực lượng chủ yếu của đội quân cảm tử Kamikaze) không có khả năng phản đối hay từ chối chiến dịch phi lý, cực đoan này.

Đó là những lời kể của các cựu phi công về những người đồng đội đã đứng ra chống lại mệnh lệnh của quân đội, không hề sợ hãi việc xử phạt, dám nhìn nhận vấn đề và thực hiện hành vi theo quan điểm của riêng mình. Các cựu phi công khi kể lại cũng đồng thời khẳng định Miyabe và những người lính như anh trong chiến tranh là những con người dũng cảm, đầy khí phách thực sự. Họ không chịu sự chi phối quyền lực nào, họ dám đương đầu, dám lựa chọn con đường sống của mình và làm tất cả vì điều đó. Mọi diễn ngôn về chiến tranh của thiết chế quyền lực, quan điểm của số đông cũng không thể ngăn họ bày tỏ thái độ của mình với cuộc chiến, không chấp nhận những áp đặt phi lý, sai trái của chính quyền, quân đội Đế quốc. Và quan điểm khi đó của họ đã đúng, chiến dịch tấn công cảm tử không đem lại bất kỳ lợi ích nào cho Nhật Bản, chỉ có gia đình các phi công cảm tử phải chịu cảnh mất đi người thân yêu, các phi công cảm tử bị chỉ trích là tội phạm chiến tranh. Chiến dịch tấn công cảm tử

là một chiến dịch sai lầm, phi lý, chỉ đem đến quá nhiều đau thương, chết chóc cho chính người Nhật, có những người lính đã dám thể hiện hành vi kháng cự với diễn ngôn của thiết chế quyền lực, tuy nhiên lịch sử còn ít biết đến sự tồn tại của họ.

3.3. Tình cảm cá nhân và những mâu thuẫn nội tâm

Có thể thấy trong phần trước, nguyên nhân chủ yếu khiến những người lính chống đối mệnh lệnh cảm tử, mang danh kẻ hèn nhát, chạy trốn khỏi cuộc chiến chính là do những tình cảm cá nhân. Những tình cảm cá nhân và mâu thuẫn nội tâm của các phi công trước thực tế đang diễn ra không phải sự ích kỷ hay hèn nhát, đó là bản năng của một con người. Thế nhưng, điều đó lại vô tình đối lập hoàn toàn với những diễn ngôn về chiến tranh mà chính quyền và Hải quân Đế quốc Nhật Bản đã ra sức tuyên truyền, đề cao trong cuộc chiến. Đây có thể xem là một hành vi kháng cự với thiết chế quyền lực, đã được thể hiện trong tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa*.

Vì những diễn ngôn về chiến tranh và các chiến thuật, chiến dịch của quân đội Đế quốc Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai, lịch sử và hậu thế vẫn giữ quan điểm rằng toàn bộ binh lính Nhật Bản là những kẻ cuồng tín, điên loạn, đặc biệt là trường hợp các cảm tử quân - bị đánh đồng với những kẻ khủng bố cực đoan sau này. Tuy nhiên, nhà văn Naoki Hyakuta đã chứng minh một mặt khác còn ít người biết đến về binh lính, các phi công cảm tử Nhật Bản thông qua lời kể của các cựu binh trong *Không chiến Zero rực lửa*. Họ vẫn là những con người có tình cảm, tình yêu gia đình, vẫn có suy nghĩ, đắn đo khi nhận lệnh phải chiến đấu cảm tử.

Xuyên suốt chiến tranh thế giới thứ hai, chính quyền và quân đội Đế quốc Nhật Bản luôn tuyên truyền về đối thủ trong cuộc chiến - quân đội các nước Đồng minh, đặc biệt là quân Mỹ chỉ biết đến vật chất, và các binh lính Nhật phải rèn luyện việc chiến đấu bằng tinh thần, căm thù vật chất. “Trước chiến tranh chúng ta đã nghe nói Mỹ là quốc gia không có lịch sử, dân tộc cũng hỗn tạp nên không có lòng yêu nước, quốc dân thì vui sống hưởng lạc với chủ nghĩa cá nhân. Họ hoàn toàn không có lòng cống hiến sinh mệnh cho Tổ quốc hay Thiên hoàng như chúng ta.” [4; tr.85-86]. Cùng với đó, những diễn ngôn về việc tù binh bị quân Đồng minh tra tấn dã man, hành hạ, trở thành tù binh là đánh mất danh dự nhằm thúc đẩy tinh thần chiến đấu quyết tử đến mức cực đoan hóa của binh lính như những đánh giá sau này. “Chính vì thế họ mới nghiêm cấm việc đầu hàng, nghiêm cấm việc trở thành tù binh, kêu gọi việc xả thân vì danh dự. Họ đã ra lệnh “Chết!” cho những người đã tận lực chiến đấu...” [4; tr.266].

Thế nhưng, những ý định đó đã không thực sự đạt được khi có nhiều người lính Nhật Bản luôn chiến đấu với ý nghĩ bảo vệ gia đình, đất nước. “Mặt khác, sự thật thì người Nhật chúng ta chiến đấu không màng tính mạng vốn không hẳn vì Thiên hoàng mà còn vì tinh thần yêu nước.” [4; tr.107]. “Chúng ta bước vào thời đại cả quốc dân đều là lính chiến. Nhiều sinh viên vì được hoãn nghĩa vụ quân sự vô cùng đau khổ.” [4; tr.344]. Có thể thấy, những chàng trai trẻ tuổi đã khao khát mãnh liệt được chiến đấu bảo vệ đất nước, họ có lý tưởng giản đơn, bình dị mà lớn lao, không hề mang một tí điều cực đoan, cuồng loạn nào. Điều này cũng thấy được ở những người lính Việt Nam trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, rõ ràng nhất qua suy nghĩ khi Kiên còn là một học trò cấp 3 non nớt, luôn nghĩ về việc tham gia chiến đấu với tinh thần hăng hái, nhiệt huyết. Một Kiên nhiệt thành và non trẻ đã luôn suy nghĩ chiến đấu để giành lấy hòa bình cho đất nước, gia đình; sẵn sàng hy sinh vì tình yêu nước và tình cảm cá nhân; tiến vào chiến tranh để hướng tới hòa bình. Vấn đề danh dự như của những người lính Nhật Bản không tồn tại ở nhân vật Kiên và những người lính Việt Nam, nhưng điểm chung là họ đã có mong muốn chiến đấu vì một lý do chính đáng, đầy tình cảm, nhân đạo đó là bảo vệ gia đình thân yêu và đất nước.

Và sau này, khi có mệnh lệnh bắt buộc tham gia tấn công cảm tử, ý nghĩ ấy càng thôi thúc họ mạnh mẽ hơn, có những người “mượn” điều đó để trấn an bản thân và cảm thấy cái chết của mình có ý nghĩa hơn nhưng cũng có số ít người dám phá vỡ quy tắc để chống đối cái chết định sẵn đó như Miyabe. Ở đây, chúng tôi sẽ phân tích rõ hơn về việc người lính chiến đấu vì ý nghĩ bảo vệ gia đình, đất nước như một hành vi kháng cự với diễn ngôn của thiết chế quyền lực qua hình tượng nhân vật phi công Miyabe (chủ yếu) cùng một số phi công, cựu binh khác liên quan đến Miyabe.

Hầu hết trong câu chuyện của các cựu binh, Miyabe đều được nhắc đến với cụm từ “thằng hèn”. Nguyên nhân khiến phần lớn đồng đội gọi Miyabe như vậy chỉ vì Miyabe luôn hướng về gia đình, chiến đấu để sống sót trở về với vợ con. Điều đó giữa bối cảnh toàn quân đội ca ngợi chủ nghĩa anh hùng, chủ thuyết không đầu hàng, sẵn sàng cảm tử khi chiến đấu là một điều số đông không thể chấp nhận. Hầu hết binh lính, phi công đều chiến đấu trong tâm thế chấp nhận buông bỏ những tình cảm cá nhân, khát khao đời thường như vậy, đó là thời điểm tất cả đều nghĩ rằng chiến đấu bất chấp tính mạng là điều hiển nhiên, là trách nhiệm, là bảo vệ danh dự bản thân và gia đình. Tuy nhiên, Miyabe đã chỉ ra cho những người đồng đội, các học trò từng tiếp xúc thấy được giá trị của sinh mệnh và vai trò đặc biệt quan trọng của người đàn ông đối với gia đình. Không thể vì suy nghĩ ích kỷ, hư vinh của bản thân mà dễ dàng vứt bỏ sinh mệnh, sâu xa hơn, sinh mệnh ấy còn thuộc về gia đình của họ.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, khi trở thành quân nhân, phần lớn binh lính Nhật cho rằng bản thân cần dẹp bỏ ham muốn sống, luôn sẵn sàng cho cái chết đến bất cứ lúc nào. Đó là lời tâm sự của người cựu binh Nhật Bản trong *Không chiến Zero rực lửa*, và đồng thời, các cựu binh cũng chia sẻ rằng động lực thúc đẩy họ nhận thức điều đó không hẳn đến từ những lời kêu gọi, mệnh lệnh của Hải quân Đế quốc Nhật mà đơn giản xuất phát từ tình yêu gia đình. Bất kỳ một quốc gia nào khi xảy ra chiến tranh, binh lính của họ đều ra sức chiến đấu chống lại kẻ thù để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ gia đình và ở đây những người lính Nhật cũng như vậy. Đó không phải chủ nghĩa anh hùng như diễn ngôn của chính quyền Đế quốc Nhật, họ chỉ là con người bình thường chiến đấu vì tình cảm giản dị ai cũng có trong mình. Cũng vì những diễn ngôn trong chiến tranh thế giới thứ hai của thiết chế quyền lực, cho dù đây không phải chiến tranh vệ quốc nhưng những người lính Nhật khi ấy vẫn mang suy nghĩ, lo sợ quân Đồng minh hủy hoại quê hương, gia đình mình. Họ nghĩ rằng chỉ cần chiến đấu và hy sinh vinh quang là có thể khiến gia đình tự hào về mình. “Đối với ta khi ấy, gia đình là nơi ta bắt đầu cuộc hành trình.” [4; tr.256].

Có một thực trạng diễn ra trong xã hội Nhật Bản trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai đó là tình hình đời sống quốc dân rất khó khăn, kiệt quệ, như những điểm đã trình bày ở chương 1. Trong *Không chiến Zero rực lửa*, các cựu binh cũng nhắc đến thực trạng này và đây là lý do nhập ngũ của phần đông binh lính Nhật khi đó. “Các hạ sĩ quan Hải quân thường là những người nhập ngũ vì muốn giảm miệng ăn trong gia đình. Con trai thứ trong một nông gia chỉ có hai con đường sống là lên đô thành làm công học việc hoặc gia nhập quân đội... Thực ra, học viên trường Hải quân phần nhiều xuất thân từ gia đình không mấy khá giả... Thời đó Nhật Bản rất nghèo, xã hội phân chia giai cấp, các cháu bây giờ khó lòng tưởng tượng nổi.” [4; tr.254]. Câu chuyện đã hé lộ thêm một điều ít ai biết đến về binh lính Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai, họ có lý tưởng chiến đấu vì quốc gia nhưng không như những gì được nói đến trong diễn ngôn về chiến tranh của thiết chế quyền lực, họ đã nhập ngũ với lý do lớn nhất là giảm gánh nặng cho gia đình, để có miếng ăn, một điều khó thể tưởng tượng và tin được đối với quân đội một đất nước đang lớn mạnh như Nhật Bản khi đó.

Khi diễn ra chiến dịch cảm tử Kamikaze, mọi người chấp nhận cảm tử như một cách để bảo vệ gia đình bởi “họ cũng biết không thể thay đổi cục diện lúc bấy giờ bằng việc tấn công cảm tử” [4; tr.383]. Họ viết những lá thư gửi lại cho cha mẹ trước khi chết, đó là lời an ủi, cảm ơn và xin lỗi bậc phụ mẫu, anh chị em, cố gắng thể hiện mình sẽ ra đi trong thanh thản. Nhưng thâm tâm họ vẫn luôn đau khổ, họ không muốn chết khi nghĩ đến gương mặt người thân, nhưng trong bối cảnh xã hội và quân đội Nhật Bản khi đó, họ không còn sự lựa chọn nào khác. Đây là lý tưởng cao cả nhưng cũng thật điên rồ chỉ có thể thấy được ở những

chàng trai trẻ chưa đủ trải nghiệm cuộc đời. Họ hăm hở tiến lên theo lời kêu gọi của quân đội, báo chí mà quên đi việc nhìn lại những con người ở hậu phương. Sau này khi có một gia đình riêng, khi nghĩ lại thời điểm đó, những cựu binh mới hiểu được tư tưởng có phần điên rồ của số đông binh lính, phi công trong chiến tranh: “Bây giờ ta đã hiểu ra. Đối với những người thân của các phi công đã hy sinh, nỗi đau mất mát lớn hơn nhiều so với niềm vui chiến thắng, nhưng... Dù là cuộc chiến hàng ngàn người hy sinh oanh liệt hay chỉ có một người ngã xuống, thì đối với những người đang sống, nỗi mất mát người thân đều đau đớn như nhau.” [4; tr.81]. Miyabe là người đã sớm nhìn thấy điều đó và thấu hiểu, chia sẻ nỗi đau với những người thân của các binh sĩ: “Mỗi ngày lại có nhiều chàng trai phải hy sinh. Các gia đình trong đất liền khi nghe tin báo tử sẽ thế nào.” [4; tr.355].

Qua lời kể của các cựu phi công cảm tử trong các bài báo, phỏng vấn, chúng ta cũng có thể thấy được trong thực tế lịch sử, những người lính cảm tử ấy không hề cuồng tín, điên cuồng chiến đấu vì Thiên hoàng như những gì được biết đến trong nhiều năm, nhiều tài liệu lịch sử, nhân học. “Các cuộc phỏng vấn với những phi công sống sót và gia đình của họ cũng như thư từ và tài liệu đã cho thấy một hình ảnh khác - những nam giới hành động xuất phát từ lòng yêu nước, tinh thần xả thân và sự cần thiết. Thế giới họ sống giống như một lá đơn đa lựa chọn: Nó không có sự lựa chọn thật cho họ.” [2]. Họ đã thực sự có hành động phản kháng với thiết chế quyền lực, những diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền và quân đội Đế quốc Nhật Bản đã không thực sự ảnh hưởng đến những binh lính, ngay cả khi họ chấp nhận cảm tử cũng xuất phát từ mong muốn trong sáng, thiết thực đó là bảo vệ gia đình, đất nước. Họ không giống và cũng không phải những kẻ khủng bố cực đoan điên cuồng tin tưởng tuyệt đối diễn ngôn về chiến tranh của thiết chế quyền lực như nhiều đánh giá sau này.

Và sẽ không có một gia đình nào mong muốn nhìn thấy cái chết của con, anh, em mình. Dù cho võ sĩ đạo Nhật Bản thưở xưa ca ngợi sự hy sinh trong chiến đấu nhưng không cổ vũ cho việc liều chết, rèn luyện tinh thần khắc nghiệt để chịu đựng đau đớn, khi đối diện cái chết mà vẫn hiên ngang chứ không phải cổ vũ tìm đến cái chết. Như lời kể của cựu binh Takeda trong *Không chiến Zero rực lửa*, hình ảnh các gia đình, người cha, người mẹ, người vợ tìm đến căn cứ quân sự để được gặp mặt con trai/chồng lần cuối đã để lại nỗi ám ảnh khiến ông không thể nào quên: “Họ hỏi thăm tin tức của con trai là một học viên dự bị nọ. Người thiếu úy ấy, cách đó vài hôm đã tham gia tấn công cảm tử. Khi nghe ta thuật lại vậy, người đàn ông cúi đầu lặng lẽ, còn người phụ nữ ngồi sụp xuống đất.” [4; tr.401]; “Tại căn cứ, ta cũng thấy những người phụ nữ trẻ được thông báo về cái chết của chồng mình. [...] Có những người vì quá đau buồn và sốc nên không thể đứng vững.” [4; tr.402]. Và thực tế, dù nhiều người hy sinh nhưng người dân Nhật Bản vẫn chịu sự không kích của quân Đồng minh, cuộc

chiến kết thúc thất bại. Thậm chí, hai quả bom nguyên tử quân Mỹ thả xuống Hiroshima và Nagasaki đã để lại vết thương vĩnh cửu không thể chữa lành, cùng lịch sử đen tối nhất không bao giờ quên đối với toàn thể nhân dân Nhật Bản.

Đó là suy nghĩ về gia đình, tình cảm với gia đình của phần đông binh lính Nhật khi đó. Tuy nhiên, suy nghĩ và hành động đó còn có phần bi quan, chưa thật thấu hiểu về trách nhiệm của người đàn ông trong gia đình. Ngoài những người chiến đấu và cảm tử vì gia đình, vẫn còn tồn tại người phi công chiến đấu để bảo vệ mạng sống của mình, khao khát sống mãnh liệt cũng vì gia đình. Có thể nói, đây là những người “sáng suốt” trong cuộc chiến, họ hiểu được tình thế cuộc chiến, vấn đề chiến tranh nhân loại và hiểu được ý nghĩa của gia đình, vai trò của bản thân đối với gia đình. Tiêu biểu nhất trong *Không chiến Zero rực lửa* là nhân vật Miyabe.

Theo lời kể của những cựu binh từng chiến đấu cùng Miyabe, anh luôn nói điều duy nhất mình mong muốn là còn sống để trở về với vợ con: “Vì vợ mình, tôi không muốn chết.”; “Để được gặp con gái, dù thế nào ta cũng không thể chết.” [4; tr.159]. Chính các cựu binh từng tiếp xúc với Miyabe đã khẳng định, ở thời điểm đó, những lời như vậy thay thế cho lời yêu, phải rất yêu thương và trân trọng gia đình Miyabe mới có thể nhắc đi nhắc lại điều đó với nhiều người đồng đội. Phải là một người từng trải, thấu hiểu cuộc đời Miyabe mới có thể giữ vững suy nghĩ ấy trước vô vàn chỉ trích và bầu không khí, niềm tin chiến đấu bất chấp sinh mệnh của quân đội Nhật Bản và phần đông quốc dân khi đó.

Trước khi có một gia đình riêng, Miyabe cũng từng như bao người phi công Nhật khác, rèn luyện khắc nghiệt và chiến đấu liều mạng. Điều đó xuất phát từ việc Miyabe không còn người thân, gia cảnh khó khăn bắt buộc anh phải gia nhập quân đội như số đông khi đó. Thế nhưng mọi chuyện đã thay đổi hoàn toàn sau khi cưới vợ, có con. Miyabe trở nên thận trọng hơn bao giờ hết, luôn suy nghĩ đến việc cố gắng sống sót dù cuộc chiến ác liệt đến đâu, cố gắng rèn luyện để đạt được trình độ cao trong chiến đấu chỉ mong bảo vệ sinh mệnh. Mỗi khi cảm thấy mệt mỏi, Miyabe lại nhìn ngắm ảnh vợ con, họ là động lực lớn nhất để Miyabe chiến đấu, không phải chiến tích vẻ vang hay chủ nghĩa anh hùng mà chính gia đình đã làm nên một phi công kiệt xuất như Miyabe. “Mỗi khi mệt mỏi quá, muốn bỏ cuộc, ta lại nhìn tấm ảnh này. Những lúc như vậy, ta lại có thêm dũng khí.” [4; tr.159].

Không chỉ vậy, Miyabe còn hứa với người vợ thân yêu và luôn chiến đấu để giữ lời hứa ấy: “Lần cuối cùng tôi gặp anh Miyabe... là khi anh ấy từ phương Nam trở về đất liền, lấy được vài ngày phép trở về Yokohama. Người ấy khi từ biệt đã nói nhất định sẽ sống trở về, dù có cụt tay, què chân, cũng sẽ trở về...”; “Sau đó, anh Miyabe còn nói ‘Giả dụ có chết, ngay cả như thế, anh cũng sẽ trở về. Dù có đầu thai kiếp khác, anh cũng nhất định quay về

bên em.”” [4; tr.498]. Chi tiết lời hứa ấy đã được nhà văn Naoki Hyakuta viết thật cảm động, giữa bối cảnh chiến tranh ác liệt, tang thương vô vàn cái chết, vẫn có ở đó một tình yêu đẹp. Thậm chí, khi quyết định nhường “tấm vé sống sót” cho người học trò vì chàng trai còn quá trẻ, còn gia đình và như một cách đền ơn cứu mạng khi trước, Miyabe vẫn không quên gửi gắm vợ con mình cho chàng trai ấy, đặt niềm tin vào sự giúp đỡ của cậu học trò lương thiện: “Nếu thiếu úy Oishi may mắn sống sót trong cuộc chiến này, tôi xin nhờ cậu một việc. Nếu gia đình tôi lưu lạc, sống khổ cực đầu đường xó chợ, mong cậu hãy giúp họ.” [4; tr.485]. Và cuối cùng, lòng tốt đã được đền đáp. Một tình yêu chân thành và giản dị trở thành điểm nhấn đầy tính nhân văn trong tác phẩm viết về nỗi đau chiến tranh, tình yêu ấy khiến người đọc phải xót xa khi không được trọn vẹn nhưng đồng thời xoa dịu người đọc bằng hình ảnh huyền ảo cuối cùng, khiến chúng ta tin vào tình yêu và những tình cảm, giá trị tốt đẹp khác trong cuộc sống.

Miyabe đã chống lại những diễn ngôn của thiết chế quyền lực nhờ tình yêu gia đình, sự suy nghĩ về trách nhiệm với gia đình, đây là điều những người lính trẻ chưa từng nghĩ tới (hoặc họ chỉ nghĩ rằng cha mẹ sẽ hiểu và tự hào về mình). Nguyên nhân khiến Miyabe có thể suy nghĩ khác biệt với phần đông vì Miyabe đã trải qua những biến cố gia đình khi còn rất trẻ. Việc mất đi người thân đột ngột, quá khứ u buồn đã để lại nỗi ám ảnh trong tâm hồn Miyabe, khiến cho anh nhận thức được ý nghĩa của sự sống và vai trò quan trọng của người đàn ông trong gia đình. Để đến khi có gia đình của mình, Miyabe càng trân trọng gia đình hơn ai hết, hiểu được trách nhiệm và sinh mệnh của bản thân quan trọng với gia đình như thế nào. Thiếu vắng người chồng khiến người vợ không thể xoay sở, kéo theo đứa con tan vỡ mọi giấc mơ, gia đình cũng không còn trọn vẹn, chỉ toàn nỗi bất hạnh. Miyabe từng có tất cả rồi lại mất tất cả nên anh rất trân trọng gia đình mới của mình. Miyabe không muốn thấy vợ con mình phải sống trong cảnh ngộ như mình năm xưa.

Những người đồng đội, học trò khi lắng nghe suy nghĩ của Miyabe họ vẫn chưa trải qua những mất mát đó, chưa từng nghĩ đến vai trò của người đàn ông với gia đình, vậy nên họ đã coi thường Miyabe. “Ta chưa thể hiểu nổi việc “gia đình” là thứ mà “người đàn ông phải bảo vệ”, mãi cho đến khi chiến tranh kết thúc, ta xuất ngũ và có gia đình... Phải đến lúc có con, lần đầu tiên ta mới hiểu cuộc đời này không chỉ của riêng mình. Đối với một thằng đàn ông thì phải gánh vác gia đình bằng tất cả sức lực của mình. Lúc đó ta mới nhận ra lời nói của Miyabe có sức nặng đến thế nào.” [4; tr.256]. Đến khi hòa bình, có cho mình một gia đình êm ấm, họ mới thật sự thấu hiểu những suy nghĩ và giá trị những lời chia sẻ của Miyabe trong thời điểm chiến tranh. Trách nhiệm của người đàn ông đối với gia đình khiến họ nhận ra sinh mệnh thật đáng quý.

Tình yêu gia đình của Miyabe đã lan tỏa đến các đồng đội. Có những người đã ngay lập tức khát khao được trở về với gia đình, về với cha mẹ, người yêu nơi quê nhà. Có những người vẫn tiếp tục lý tưởng chiến đấu của họ như trước, họ đã bắt đầu nảy sinh những mâu thuẫn nội tâm, điều chúng tôi sẽ trình bày tiếp theo. Sau này, những người đi qua cuộc chiến, trở về với cuộc sống bình thường, họ mới nhận ra những điều Miyabe nói có ý nghĩa to lớn và đúng đắn. Điều đó khiến họ càng thêm trân trọng gia đình, cuộc sống hơn bất kỳ ai. Thế nhưng, “Quá nhiều chàng trai đã hy sinh trong cuộc chiến đó, tất cả họ đều bị cướp mất hạnh phúc này.” [4; tr.264], họ đã không có được hạnh phúc bình dị nhất của một con người, hạnh phúc với một gia đình êm ấm, được nhìn ngắm con cái trưởng thành chỉ vì chiến tranh tàn khốc. Có thể nói, tất cả những người lính Nhật ấy, tiêu biểu nhất là Miyabe, đã thể hiện mặt kháng cự với diễn ngôn về chiến tranh của thiết chế quyền lực, những ý định trong diễn ngôn của chính quyền, quân đội Nhật Bản đã không thể thực hiện kể từ khi những người lính bắt đầu dao động trong tư tưởng, suy nghĩ nhiều hơn về gia đình và nhìn nhận lại tình cảm cá nhân. Những tình cảm cá nhân cũng có tác động lớn đến những người lính trẻ Việt Nam trong *Nỗi buồn chiến tranh*, tiêu biểu là nhân vật Kiên. Giữa khung cảnh chiến tranh tàn phá ác liệt thể xác và tâm hồn con người, ở đó vẫn tồn tại tình cảm cá nhân, tình yêu lứa đôi nảy sinh trong cuộc chiến. Khác với những người lính Nhật ban đầu, họ không gò ép mình vào trạng thái phi thường, triệt tiêu tình cảm mà còn chủ động tìm kiếm tình yêu như một cách níu giữ phần bản năng nguyên thủy của con người trong họ. Khá tương đồng với Miyabe, nhân vật Kiên mang theo tình yêu với Phương vào cuộc chiến, thể hiện qua những suy nghĩ trong chiến tranh của Kiên; trải qua giấc mộng寐 trong chiến tranh, khi cận kề cái chết, người Kiên mơ thấy vẫn luôn là Phương - nàng như trở thành gia đình duy nhất đối với Kiên. Sau này, những ký ức chiến tranh chảy trôi vô định trong tâm tưởng của Kiên vẫn luôn xuất hiện đan xen những hồi ức, những kỷ niệm vui buồn với Phương... Một số người lính khác cũng bày tỏ tình cảm với gia đình, với cha mẹ nơi quê nhà qua những câu chuyện của riêng họ được gọi nhắc bằng ký ức về chiến tranh của Kiên. Có thể thấy, giữa bối cảnh chiến tranh ác liệt, dù khác biệt về tính chất cuộc chiến, những người lính vẫn sẽ có sự khao khát tình cảm yêu thương và tìm kiếm tình yêu như một điểm tựa, như để giữ lấy thứ tình cảm bản năng nguyên thủy của một con người; đồng thời, tình cảm cá nhân cũng giúp họ có một điểm tựa để chiến đấu, một điểm đến an yên để trở về sau cuộc chiến đã bào mòn nhân cách người của họ. Trong *Không chiến Zero rực lửa*, sự khao khát ấy đã được nhen nhóm khi họ xuất hiện mâu thuẫn nội tâm.

Khi những người lính bắt đầu suy nghĩ về tình cảm cá nhân trong cuộc chiến cũng là lúc những mâu thuẫn nội tâm xuất hiện trong họ. Khi phải chứng kiến sự thật đằng sau diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền, quân đội, thấy được thực tế cuộc chiến tàn khốc với

hàng nghìn đồng đội phải hy sinh vô nghĩa vì chiến dịch cảm tử, cùng với những chia sẻ của Miyabe đã khiến nhiều người gặp phải mâu thuẫn sâu sắc giữa việc chấp nhận chiến đấu cảm tử bất chấp với mong muốn sống sót trở về. Thậm chí, một người yêu gia đình, luôn chiến đấu để bảo vệ sinh mệnh trong cuộc chiến như Miyabe, khi phải chứng kiến quá nhiều cái chết của đồng đội, học trò cũng không còn giữ vững tinh thần được như trước.

Trong giai đoạn đầu cuộc chiến, Miyabe đã phải chứng kiến nhiều cái chết của đồng đội, sự ác liệt của cuộc chiến ấy đã nhen nhóm nỗi đau trong anh. Nửa sau cuộc chiến, Miyabe trở thành giáo quan, phải huấn luyện cho các phi công dự bị cảm tử, hộ tống các học trò chính mình dạy dỗ tham gia tấn công cảm tử. Phải chứng kiến quá nhiều cái chết mà không thể làm được gì, không thể bảo vệ được ai, Miyabe dần bị ám ảnh và nội tâm dần vật, đau khổ. Bản chất lương thiện nhưng việc phải sinh tồn trong chiến tranh tàn khốc, ngày ngày đối diện với vô số cái chết, thậm chí sau này toàn bộ đều là cái chết định sẵn từ chính quân đội Đế quốc Nhật Bản đã khiến nội tâm Miyabe đau khổ, dần vật, mâu thuẫn hơn ai hết, cảm thấy đau đớn khi mình còn sống mà quá nhiều chàng trai trẻ đã phải chết. Mâu thuẫn nội tâm ấy thậm chí đã thể hiện ra bên ngoài, Miyabe vốn là một con người nhã nhặn, lịch sự với đôi mắt luôn tràn đầy ý niệm sống mãnh liệt nhưng từ sau khi bắt đầu chiến dịch cảm tử một thời gian con người anh dần trở nên u ám, như không còn là một con người: “Má hóp, râu ria không cạo, riêng đôi mắt toát lên vẻ dị thường. Trước đây hẳn là kẻ chảnh chu, lúc nào cũng cạo râu sạch sẽ.” [4; tr.444]. Miyabe luôn cảm thấy tội lỗi khi không thể bảo vệ ai, cảm thấy bản thân như đang ích kỷ vì sống và khát khao sống trở về bên gia đình khi những chàng trai trẻ tuổi vốn dĩ có một tương lai tươi sáng phải hy sinh. Lúc này, mong muốn hạnh phúc bên gia đình và trân trọng sinh mệnh ngược lại như đang tấn công anh, những lời tự trách của Miyabe đã thể hiện nỗi đau tột cùng: “Mạng sống của ta hiện giờ là đập trên sự hy sinh của họ.”; “Vì họ chết mà ta vẫn có thể sống.” [4; tr.465-466]. Cũng như Miyabe, sự man rợ, tàn bạo của chiến tranh đã khiến Kiên trong *Nỗi buồn chiến tranh* nhận thấy sự biến chất của nhân tính con người trong cuộc chiến. Sau một thời gian ở chiến trường ác liệt, chứng kiến con người tàn sát nhau man rợ, Kiên ngày càng tỏ ra là một người lạnh lùng, vô cảm nhưng thực tế Kiên đang sợ hãi, dằn vò, dần vật khi nhân dạng, nhân tính con người của anh, của các đồng đội trong chiến tranh ngày càng trở nên méo mó vặn vẹo, đã có lúc anh mong được chết đi. Nhưng Kiên đã không chết, anh phải chịu sự dằn vò với nỗi buồn chiến tranh suốt phần đời còn lại sau cuộc chiến, khác với một Miyabe được giải thoát bằng cái chết như mệnh lệnh của Hải quân Đế quốc Nhật Bản và một phần như ý nguyện của anh.

Tuy nhiên, điều đó không hề thể hiện sự đồng thuận của Miyabe với diễn ngôn của thiết chế quyền lực, thậm chí, chính vì nhận ra những tội lỗi, bất nhân trong chiến dịch cảm tử đã khiến Miyabe chấp nhận thay thế người học trò từng cứu mình để đi vào cõi chết. Sự lựa chọn hy sinh thay học trò là một sự giải thoát cho Miyabe. Kết thúc quãng thời gian tuyệt vọng, dằn vặt, cảm thấy tội lỗi với những người đã hy sinh. Nếu còn sống, chắc hẳn Miyabe sẽ phải mang theo nội tâm thống khổ và đau đớn mãi mãi kể cả trong hòa bình như những cựu binh khác. Những cựu binh còn sống dù có cuộc đời khác nhau nhưng tất cả họ đều phải chịu nỗi đau về thể xác, về tinh thần, phải đối diện với thực tại tàn nhẫn. Họ bị coi là tội đồ chiến tranh, sống với ám ảnh cái chết của những người đồng đội, sự tàn khốc của chiến tranh từng giây phút đến cả trong giấc ngủ, có người lại trở thành yakuza để trả thù cuộc đời, trả thù xã hội đã gây ra tội ác, vết thương chiến tranh không thể phai nhạt. Cái chết giúp cho tâm hồn lương thiện của Miyabe được thanh thản hơn, cảm thấy được chuộc tội. Đó cũng là cái kết dễ thấy với những người lính lương thiện như Miyabe. Trong bối cảnh chiến tranh tang thương đầy máu và nước mắt, trong bối cảnh xã hội Nhật Bản đương thời cùng truyền thông ra sức tuyên truyền những diễn ngôn về chiến tranh của thiết chế quyền lực, ca ngợi chiến dịch cảm tử vô nhân đạo ấy, một con người quá hướng thiện sẽ khó có thể tồn tại, tội ác xung quanh sẽ khiến họ đau đớn và khổ sở hơn bất kỳ ai, và cách duy nhất để tâm hồn thanh sạch chỉ có thể là chấm dứt sự sống. Và Miyabe đã gửi gắm mong muốn sống sót, hạnh phúc vào thế hệ trẻ còn tương lai rộng mở phía trước. Đó là hành vi xuất phát từ tình cảm chân thật, không phải do sự thúc đẩy từ bất kỳ diễn ngôn về chiến tranh nào. Vì thế, Miyabe vẫn là người lính bày tỏ sự kháng cự với diễn ngôn của thiết chế quyền lực.

Trong *Không chiến Zero rực lửa*, như đã trình bày ở trên, ban đầu những người lính đều thể hiện tinh thần mạnh mẽ, không sợ hãi cái chết. Họ tự dẹp bỏ bản năng muốn sống, khao khát chiến đấu và hy sinh vì đất nước. Đối với những phi công đó, một con người mong muốn được sống như Miyabe là một kẻ hèn nhát, là nỗi ô nhục của Hải quân Đế quốc Nhật Bản. Tuy nhiên, suy nghĩ của họ đã có những dao động, biến đổi khi được nghe câu chuyện của Miyabe, có cách nhìn khác về bản thân trong cuộc chiến. Họ được Miyabe nhắc nhở và bắt đầu nghiêm túc nghĩ về tầm quan trọng của sinh mệnh không chỉ với bản thân mà còn quan trọng với gia đình mình. Cuộc chiến có thể không thay đổi khi họ chết nhưng cái chết ấy sẽ thay đổi hoàn toàn cuộc đời người thân. Ý nghĩa của sinh mệnh một lần nữa nhen nhóm bên trong họ khát khao muốn sống để bảo vệ gia đình, điều đó khiến nội tâm họ xảy ra xung đột với mong muốn hy sinh vì trách nhiệm với Tổ quốc, gia đình trước kia. Mâu thuẫn nội tâm gay gắt đến rồi khi thực sự phải đối mặt với sinh tử bản năng, nhiều người đã lựa chọn cố gắng sống sót, vượt qua cuộc chiến ác liệt và trở về bên người thân.

Những phi công dự bị cảm tử khi bắt đầu tham gia đào tạo đã từng mang khí thế nhiệt huyết, mong muốn được chiến đấu bảo vệ Tổ quốc nhưng sự thật tàn nhẫn rằng họ được đào tạo cho cái chết đã khiến tất cả bàng hoàng. “Nhưng ngay từ đầu, quân đội đã chiêu mộ chúng để làm phi công cảm tử.” [4; tr.431]; “Vừa vào quân đội đã được thăng sĩ quan, nhưng lại chỉ được học cách lái máy bay và tấn công cảm tử.” [4; tr.433]. Nỗi đau đón không thể nói ra đến quá đột ngột khiến những chàng phi công trẻ chưa một lần được chiến đấu phải đấu tranh nội tâm khi đăng ký tham gia tấn công cảm tử. Họ đang ở độ tuổi đẹp nhất, là những sinh viên tài năng, có gia đình yêu dấu nên dễ hiểu bất cứ ai cũng muốn được sống. Nhưng khát khao ấy lúc này lại đối chọi gay gắt nhiệm vụ phải thực hiện mà họ cho đó là vì đất nước, bảo vệ gia đình. Dù sợ hãi nhưng trong bối cảnh quân đội, xã hội Nhật Bản khi đó, phần lớn đều chấp nhận mệnh lệnh, không dám lên tiếng phản đối hành vi vô nhân đạo, âm mưu thực sự đằng sau diễn ngôn về chiến tranh của những kẻ đứng đầu quân đội Đế quốc, điều đó đã dẫn đến càng nhiều bi kịch sau này. Họ đã phải chuẩn bị tinh thần cho cái chết và cố gắng làm giảm đi nỗi đau cho đồng đội ở lại, tất cả họ - những con người vốn chỉ là sinh viên, bị coi là “một sách” hay “công tử bột” nay lại có thể cố gắng tỏ ra bình thản, vui vẻ chấp nhận cái chết định sẵn. Thậm chí, một phi công kỳ cựu và vô cảm với cái chết trong cuộc chiến như Kageura cũng tỏ ra khâm phục cốt cách của những chàng trai bị sắp đặt số phận ấy: “Đội quân cảm tử ấy có cả đám lính trẻ chỉ mới mười tám đôi mươi. Dù chúng có khí khái bảo rằng sẽ vui vẻ hy sinh, nhưng tao biết trong thâm tâm chúng luôn phải chiến đấu với nỗi sợ hãi. Sáng nào mắt bọn chúng cũng đều sưng húp. Chắc hẳn đêm đến chúng đã khóc thào trong chăn. Nhưng nhất định sẽ không để một ai thấy sự yếu đuối đó.” [4; tr.435]. Sức mạnh giúp họ làm được như vậy không phải vì cuồng tín, vì Thiên hoàng như báo chí và chính quyền Đế quốc Nhật Bản ca ngợi đương thời. Không dễ gì để một con người bình thường có thể dễ dàng chấp nhận cái chết, họ có thể mạnh mẽ đối diện với cái chết chỉ đơn thuần xuất phát từ tình yêu thương với gia đình, người thân, bạn bè.

Có thể thấy, những mâu thuẫn nội tâm chủ yếu của người lính Nhật xuất phát từ mâu thuẫn khát khao được sống với suy nghĩ hy sinh vì đất nước, gia đình. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn đó, đầu tiên phải nói đến chính là bối cảnh xã hội và truyền thông Nhật Bản trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai. Như đã trình bày ở chương 1, truyền thông là công cụ đắc lực của chính quyền để tuyên truyền những diễn ngôn về chiến tranh. Điều đó khiến cho phần lớn quốc dân - những người không trực tiếp tham gia chiến đấu, không thể biết được diễn biến thực tế của cuộc chiến và họ có niềm tin tưởng vào những diễn ngôn, chiến dịch của quân đội, tin tưởng việc chiến đấu cảm tử của binh lính là hành động anh hùng, xả thân vì đất nước và ca ngợi hành động đó. Ngược lại, những người từ chối tham gia cảm tử đều bị coi là

những kẻ hèn nhát, là tội đồ dân tộc. Chính điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của những phi công, họ sợ hãi và lo lắng cho gia đình mình sẽ phải chịu những điều tiếng như vậy. Điều này đã dẫn đến mâu thuẫn nội tâm giữa mong muốn được sống với việc bảo vệ danh dự gia đình.

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến mâu thuẫn nội tâm của những người lính là vấn đề tồn tại trong quân đội - sự phân biệt đẳng cấp khác nghiệt. Thực trạng đó diễn ra khiến cấp cao quân đội không hề quan tâm đến sinh mệnh binh lính và có quyền xử phạt nặng những người từ chối tham gia cảm tử. Với những diễn ngôn hoa mỹ trong cuộc chiến, quân đội Đế quốc Nhật Bản đã triệu tập được số lượng đông đảo những chàng trai trẻ sẵn sàng chiến đấu vì đất nước, nhưng mục đích thật sự đằng sau đó đã khiến những tân binh ấy đau đớn khi biết sự thật, rơi vào trạng thái mâu thuẫn nội tâm đỉnh điểm.

Những phân tích trong phần này đã cho thấy tình cảm cá nhân ảnh hưởng đến tâm lý những người lính Nhật Bản trong cuộc chiến. Biết được sự thật làm họ đau đớn nhưng sự xung đột giữa tình cảm cá nhân với quan điểm, tư tưởng chung trong bối cảnh xã hội, quân đội Nhật Bản đương thời đã khiến họ mâu thuẫn nội tâm sâu sắc và phần lớn rơi vào cảnh không thể phản kháng, chấp nhận cái chết định sẵn. Tuy nhiên, có thể nói, việc xuất hiện tình cảm cá nhân và mâu thuẫn nội tâm khi đứng trước lựa chọn sinh tử trong *Không chiến Zero rực lửa* đã thể hiện mặt kháng cự với diễn ngôn của thiết chế quyền lực. Họ không hề cuồng tín, theo đuổi chủ nghĩa anh hùng cực đoan, tôn sùng Thiên hoàng mù quáng như những gì chính quyền và truyền thông trong nước ca ngợi.

Tiểu kết

Qua những trình bày trong chương 3, có thể thấy, diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền Đế quốc Nhật Bản đã tác động đến tâm lý của những binh lính, phi công trong *Không chiến Zero rực lửa* cũng như trong thực tế lịch sử. Và bối cảnh xã hội, quân đội Nhật Bản đương thời đã khiến cho họ không thể từ chối mệnh lệnh của thiết chế quyền lực. Nhưng cũng chính những diễn ngôn và quyền lực ấy đã tạo ra mâu thuẫn nội tâm gay gắt, những hành vi phản kháng của những binh lính khi họ biết được mục đích thật sự của thiết chế quyền lực đằng sau những diễn ngôn đó không hề giống như những gì quốc dân tin tưởng. Họ đã thực sự phản kháng với thiết chế quyền lực từ bên trong lẫn hành vi bên ngoài.

Phản kháng bên trong là lựa chọn của số đông binh lính khi ấy, vì những tư tưởng, ý thức hệ chung của xã hội Nhật Bản (như những trình bày ở chương 1) đã ăn sâu trong tiềm thức của họ. Họ chỉ có thể phản kháng bằng những tình cảm chân thật nhất của con người,

tình cảm, lòng thương xót giữa người với người nhất để chứng minh rằng họ không hề cuồng tín hay tin tưởng vào chủ nghĩa anh hùng cực đoan, tôn sùng Thiên hoàng quá mức như những gì truyền thông, chính quyền Đế quốc tuyên truyền. Chỉ có một số ít dám đứng ra trực tiếp phản kháng với thiết chế quyền lực bằng hành vi từ chối tham gia tấn công cảm tử hoặc bảo vệ đội bay của mình như những câu chuyện của các cựu binh trong *Không chiến Zero rực lửa*. Trong lịch sử, thực sự đã có những người lính như vậy, cũng qua lời kể của cựu binh Nhật Bản, và ngay chính *Không chiến Zero rực lửa* cũng đc viết dựa trên tài liệu lịch sử sưu tầm, tiếp xúc với các cựu binh của tác giả Naoki Hyakuta, nhưng số người như vậy quá ít để được lịch sử biết đến. Nhưng, dù phản kháng trực tiếp hay gián tiếp thì vẫn có thể thấy được sức mạnh của diễn ngôn và thiết chế quyền lực đã không thể thực sự áp đặt được những người lính ấy.

Đặt trong sự so sánh, *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta và *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh vẫn có điểm tương đồng dù bản chất hai cuộc chiến và những diễn ngôn về chiến tranh của hai thiết chế là khác biệt; ở đó, những người lính, đặc biệt là hai nhân vật trung tâm Miyabe và Kiên đã có những suy nghĩ về tình cảm cá nhân, họ nghĩ nhiều và dần trở nên dần vật, đau khổ khi nhận ra những tác động phi nhân tính của cuộc chiến, cũng như mọi cuộc chiến trong lịch sử nhân loại. Hai tiểu thuyết đều hé mở những góc nhìn khác, đời thường và chân thực hơn về những người lính ở hai cuộc chiến, khác biệt với những điều chúng ta đã biết qua lịch sử chiến tranh. Nhân vật Kiên của *Nỗi buồn chiến tranh* đóng vai trò kể lại câu chuyện của mình và đồng đội qua những mảng ký ức chiến tranh chắp nối, phân mảnh về thời gian, không gian; sự tồn tại của Kiên như sinh mệnh nối dài của những người đồng đội, giúp họ sống lại trên những trang bản thảo, nỗi buồn chiến tranh và tuổi xuân khói lửa của họ sẽ được lưu giữ mãi mãi, không bao giờ bị lãng quên. Còn sinh mệnh của Miyabe lại như được nối dài bởi những người đồng đội và cuộc tìm về quá khứ của hai người cháu ruột, qua những câu chuyện trong *Không chiến Zero rực lửa* tưởng như rời rạc nhưng lại có thể ghép nối với nhau để hoàn thiện bức chân dung của Miyabe - người phi công đặc biệt, ông ngoại bí ẩn và xa lạ với hai đứa cháu ở thời hiện đại, và là người đã nhìn nhận, đánh giá được nhiều vấn đề của Hải quân Đế quốc Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai. Miyabe đóng vai trò trung tâm câu chuyện, là nhân vật đại diện cho sự phản kháng của những người lính Nhật Bản đối với thiết chế quyền lực khi hội tụ đầy đủ tinh thần bảo vệ và niềm thương cảm với đồng đội, bị coi thường khi trân trọng sinh mệnh, chạy trốn khỏi cuộc chiến, mang trong mình tình cảm cá nhân, tình yêu gia đình sâu đậm và mâu thuẫn nội tâm. Không chỉ vậy, Miyabe còn thường xuyên bày tỏ trực tiếp thái độ phản kháng với mệnh lệnh của quân đội, cố gắng truyền tải ý nghĩa sinh mệnh, giá trị cuộc sống và gia đình đến những người đồng đội,

học trò với mong muốn giúp họ nhìn nhận đúng đắn hơn trong cuộc chiến có vô số diễn ngôn, chiến thuật, mệnh lệnh phi lý này. Tạo dựng câu chuyện hai người cháu tìm hiểu quá khứ của ông ngoại chưa từng biết đến đã đồng thời mở ra câu chuyện về những người lính Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai mà mọi người chưa từng biết đến, một góc nhìn khác biệt. Người đọc được dẫn dắt theo những câu chuyện bí ẩn ấy, đồng cảm với những người cựu binh và câu chuyện của họ. Họ không còn là kẻ điên rồ, cuồng tín chiến đấu cảm tử vì Thiên hoàng, không phải ma quỷ hay như khủng bố cực đoan ở hiện đại, họ chỉ là những con người bình thường với đặc điểm tính cách, tình cảm như mọi người bình thường khác. Điều khác biệt duy nhất là họ phải sống trong môi trường quân đội phân biệt đẳng cấp ngặt nghèo và trong bối cảnh chiến tranh ác liệt, khác hoàn toàn với xã hội hiện đại đề cao hòa bình, bình đẳng ngày nay.

KẾT LUẬN

Khóa luận với ba chương nội dung chính đã trình bày những diễn ngôn về chiến tranh của chính quyền và quân đội Đế quốc Nhật Bản trong lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai và trong tiểu thuyết *Không chiến Zero rục rủa* của Naoki Hyakuta. Từ những tài liệu lịch sử, nhân học chúng tôi đã khảo cứu kết hợp với quan điểm nghiên cứu diễn ngôn của Foucault, có thể thấy, với việc đưa vào nền giáo dục ý thức hệ Kokutai và xây dựng hình ảnh Thiên hoàng trước và trong chiến tranh thế giới thứ hai, chính quyền Nhật Bản đã tạo được tiền đề, phong nền văn hóa, bối cảnh xã hội thích hợp cho việc tuyên truyền những diễn ngôn về chiến tranh. Báo chí truyền thông là phương tiện đắc lực giúp thiết chế quyền lực tuyên truyền những diễn ngôn như khối thịnh vượng chung Đại Đông Á (thực chất là chiến tranh xâm lược thuộc địa dưới vỏ bọc mục đích nhân văn là giúp xây dựng những đất nước đang trong tình trạng vô chính phủ) như một cách hợp thức hóa chiến tranh. Các phát ngôn về chủ nghĩa anh hùng, dân tộc hơi hướng cực đoan, cổ vũ tinh thần chiến đấu cảm tử, coi nhẹ vật chất và cái chết luôn được phổ biến trong quân đội. Đối với quốc dân, chính quyền Đế quốc Nhật Bản không ngừng đưa ra những thông báo, diễn ngôn lừa dối về tình hình cuộc chiến, kích lệ niềm tin mù quáng của họ vào thiết chế quyền lực. Những diễn ngôn đó có thể thực hiện được chính nhờ bối cảnh xã hội, văn hóa nước Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Qua những hành vi, biểu hiện đồng thuận hoặc kháng cự với thiết chế quyền lực, có thể thấy được âm mưu, mục đích thực sự đằng sau những diễn ngôn về chiến tranh, sự ảnh hưởng của diễn ngôn đối với con người. Từ đó thấy được quyền lực của diễn ngôn, tầm quan trọng và mối quan hệ giữa diễn ngôn về chiến tranh và thiết chế quyền lực. Tuy nhiên, dù cho chính quyền và quân đội Nhật Bản đương thời đã sử dụng diễn ngôn để thực hiện những chiến dịch, chiến thuật điên cuồng, phi nhân tính nhưng qua những câu chuyện khác nhau của các cựu binh trong *Không chiến Zero rục rủa*, có thể thấy rằng sự ảnh hưởng của diễn ngôn về chiến tranh đối với họ không hoàn toàn như lịch sử ghi nhận. Họ vẫn rèn luyện tinh thần khắc nghiệt, sẵn sàng hy sinh, cảm tử trong chiến đấu nhưng đằng sau đó là mong muốn bảo vệ gia đình, đất nước, không phải hành vi cuồng tín vì Thiên hoàng. Những hành vi đồng thuận với thiết chế quyền lực của họ xuất phát từ tình yêu gia đình, tình cảm cá nhân, không vì những ca ngợi chủ nghĩa anh hùng. Và hơn hết, có những người lính đã dũng cảm phản kháng với thiết chế quyền lực, họ như chạy trốn khỏi cuộc chiến, mong mỏi tìm kiếm con đường trở về với hạnh phúc gia đình giản dị giữa chiến tranh tàn khốc. Bất chấp việc phân biệt đẳng cấp nặng nề trong quân đội, việc bị xử phạt, họ đã không sợ hãi từ chối cái chết bị định sẵn. Đó mới là những người anh hùng đích thực. Trong bối cảnh thiết chế quyền lực và diễn ngôn gây sức ép

lớn như vậy, họ tự làm chủ và tự quyết định sinh mệnh mình không phụ thuộc vào bất kỳ ai, không sợ hãi thế lực quyền lực nào.

Có thể nói, qua một số bài báo và tiểu thuyết *Không chiến Zero rực lửa* của Naoki Hyakuta, những sự thật ít người biết đến về những binh lính, phi công Nhật Bản trong chiến tranh thế giới thứ hai đã được tiết lộ. Bối cảnh xã hội, văn hóa, những tồn tại phân biệt đẳng cấp trong môi trường quân đội Nhật Bản là có thực và ảnh hưởng rất lớn đến việc truyền bá diễn ngôn về chiến tranh của thiết chế quyền lực. Quyền lực của diễn ngôn, mối quan hệ giữa diễn ngôn và thiết chế quyền lực rất rõ ràng nhưng sự ảnh hưởng lên những binh lính chỉ là phần nổi. Ẩn sâu trong họ vẫn là những tình cảm con người nhất, bình dị nhất, đó mới là nguyên nhân khiến họ có những hành vi đồng thuận hoặc kháng cự với thiết chế quyền lực. Đây cũng chính là thông điệp mà nhà văn Naoki Hyakuta muốn truyền tải qua *Không chiến Zero rực lửa*, bài học về giá trị con người, ý nghĩa của sinh mệnh và sự sống, ca ngợi cuộc sống và tình cảm tốt đẹp của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ruth Benedict (Thành Khang - Diễm Quỳnh dịch) (2016), *Hoa cúc và gươm - Những mẫu hình văn hóa Nhật Bản*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
2. *Hé lộ những góc khuất về phi công cảm tử Thần Phong*,
<https://vov.vn/the-gioi/ho-so/he-lo-nhung-goc-khuat-ve-phi-cong-cam-tu-than-phong-408546.vov>
3. Nguyễn Hải Hoàn (biên dịch qua bản tiếng Trung và ghi chú) (2016), *Chuyện kể của một phi công cảm tử Nhật Bản*,
<http://ngghiencuuquoccte.org/2016/12/06/chuyen-ke-cua-mot-phi-cong-cam-tu-nhat-ban/>
4. Naoki Hyakuta (Võ Vương Ngọc Chân dịch) (2016), *Không chiến Zero rực lửa*, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. *Kamikaze: Khởi đầu cho thất bại của Nhật trong Thế chiến II*,
<https://news.zing.vn/kamikaze-khoi-dau-cho-that-bai-cua-nhat-trong-the-chien-ii-post703785.html>
6. Trần Thiện Khanh (2010), *Bước đầu nhận diện diễn ngôn, diễn ngôn văn học, diễn ngôn thơ*,
http://vanhoanghean.com.vn/component/k2/30-nhung-goc-nhin-van-hoa/846-buoc-dau-nhan-dien-dien-ngon-dien-ngon-van-hoc-dien-ngon-tho#_ftn2
7. “*Không chiến Zero rực lửa*” - một góc nhìn phản chiến,
<http://ct.qdnd.vn/quoc-te/khong-chien-zero-ruc-lua-mot-goc-nhin-phan-chien-519645>
8. R.H.P. Mason, J.G. Caiger (Nguyễn Văn Sỹ dịch) (2003), *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Ngọc Minh (2012), *Ba cách tiếp cận khái niệm diễn ngôn*,
<https://phebinhvanhoc.com.vn/ba-cach-tiep-can-khai-niem-dien-ngon/>
10. Lã Nguyên (dịch) (2017), *22 định nghĩa về diễn ngôn*,
<https://languyensp.wordpress.com/2016/01/26/726/>
11. Bảo Ninh (2014) (tái bản lần thứ năm), *Nỗi buồn chiến tranh*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Inazo Nitobe (Lê Ngọc Thảo dịch) (2018), *Võ sĩ đạo - Linh hồn của Nhật Bản*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
13. Tô Thùy Quyên (2014), *Diễn ngôn về chiến tranh và hòa bình trong tiểu thuyết của Lê Khâm - Phan Tứ: Một cái nhìn lịch đại*, Luận văn Thạc sĩ Văn học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Vĩnh Sinh (2014), *Nhật Bản cận đại*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
15. Trần Đình Sử (2015), *Khái niệm điển ngôn*,
<https://trandinhstu.wordpress.com/2015/01/04/khai-niem-dien-ngon/>
16. Trần Đình Sử (2013), *Khái niệm điển ngôn trong nghiên cứu văn học hôm nay*,
<https://phebinhvanhoc.com.vn/khai-niem-dien-ngon-trong-nghien-cuu-van-hoc-hom-nay/>
17. Nguyễn Nam Trân (2013), *Giáo trình lịch sử Nhật Bản (quyển hạ)*,
http://chimviet.free.fr/vannhat/nguyennamtran/GiaoTrinhLSNhatBan/NNT_GTLichSuNB_Quyen2.pdf

Tiếng Anh

18. Ahmad Atawneh (2009), “*The Discourse of War in the Middle East: Analysis of Media Reporting*”, *Journal of Pragmatics*, **Volume 41** (Issue 2), pp.263-278.
19. *Do you think of Japan's World War II Kamikaze pilots as brave? How would you compare them with today's suicide bombers?*,
<https://japantoday.com/category/have-your-say/do-you-think-of-japans-world-war-ii-kamikaze-pilots-as-brave-how-would-you-compare-them-with-todays-suicide-bombers>
20. Akiko Hashimoto (2015), *The Long Defeat: Cultural Trauma, Memory, and Identity in Japan*, Oxford University Press, New York.
21. *How Japan's Youth See the Kamikaze Pilots of WW2*,
<https://www.bbc.com/news/world-asia-39351262>
22. Vesa Koskela (2015), *Review Discourses of War and Peace (Adam Hodges, 2013)*,
<https://journals.equinoxpub.com/SS/article/viewFile/27209/25390>
23. “*The Eternal Zero*” *Review: A Wrenching Account of a Kamikaze Pilot*,
<https://variety.com/2014/film/asia/film-review-japanese-hit-the-eternal-zero-1201155266/>
24. “*The Eternal Zero*”: *Naoki Hyakuta's Best-selling Novel Reveals the Transformative Power of War*,
<https://www.japantimes.co.jp/culture/2016/09/10/books/book-reviews/eternal-zero-naoki-hyakutas-best-selling-novel-reveals-transformative-power-war/#.Xst7SzozbIV>
25. *The Eternal Zero Review - Rethinking the Motivations of Kamikaze Pilots*,
<http://nikkeivoice.ca/the-eternal-zero-review-rethinking-the-motivations-of-kamikaze-pilots/>
26. *The Last Kamikaze: Two Japanese Pilots Tell How They Cheated Death*,
<https://www.theguardian.com/world/2015/aug/11/the-last-kamikaze-two-japanese-pilots-tell-how-they-cheated-death>

27. *Were the Japanese Kamikaze pilots in WW2 truly loyal to their Emperor or were they pressured into taking up the role?*

<https://www.quora.com/Were-the-Japanese-kamikaze-pilots-in-WW2-truly-loyal-to-their-Emperor-or-were-they-pressured-into-taking-up-the-role>